

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ</b> .....	1
<b>BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2024</b> .....	2
Phụ lục I .....	27
Phụ lục II .....	36

### **THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông .....	38
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường .....	41
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư .....	45
4. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ).....	49
5. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước) .....	54
6. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo chính phủ) .....	57
7. UBND thành phố Hà Nội .....	60
8. UBND TP. Hồ Chí Minh .....	63
9. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (thành phố Huế) .....	68
10. UBND thành phố Đà Nẵng.....	73
11. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu .....	77
12. UBND tỉnh Bắc Giang .....	80
13. UBND tỉnh Bình Dương .....	84
14. UBND tỉnh Bình Thuận .....	89
15. UBND thành phố Cần Thơ .....	91
16. UBND tỉnh Hải Dương.....	96
17. UBND thành phố Hải Phòng .....	100
18. UBND tỉnh Hòa Bình .....	103
19. UBND tỉnh Lai Châu.....	107
20. UBND Lâm Đồng .....	112
21. UBND tỉnh Lạng Sơn .....	116
22. UBND tỉnh Nam Định.....	119
23. UBND tỉnh Ninh Bình.....	122
24. UBND tỉnh Quảng Ninh.....	126
25. UBND tỉnh Quảng Trị .....	130
26. UBND tỉnh Tây Ninh .....	136
27. UBND tỉnh Tiền Giang .....	139
28. UBND tỉnh Thái Nguyên .....	143
29. UBND tỉnh Yên Bái .....	147

<b>NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT</b> .....	151
---	-----

**BỘ NỘI VỤ****CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ**

**Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác năm 2024  
và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2025 của ngành Nội vụ**

**Thời gian:** 8h00, thứ Bảy, ngày 21/12/2024

**Địa điểm:** - Điểm cầu chính tại Hội trường Bộ Nội vụ,  
số 8 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội;  
- Điểm cầu 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>
07h30-08h00	Đón tiếp đại biểu
08h00-09h45	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu (Chánh Văn phòng Bộ)
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà phát biểu khai mạc Hội nghị
	Trình chiếu Video Clip kết quả công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của ngành Nội vụ
	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
09h45-10h00	Hội nghị giải lao
10h00-11h30	Các đại biểu Hội nghị phát biểu tham luận, thảo luận
	Công bố Quyết định khen thưởng
	Phát biểu chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình
	Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ và Bế mạc Hội nghị

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**BÁO CÁO****Kết quả công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ  
công tác năm 2025 của ngành Nội vụ**

Năm 2024 bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường<sup>1</sup>; trong nước phải đối mặt với không ít yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những khó khăn nội tại, thiên tai, hạn hán, bão lũ ảnh hưởng toàn diện đến đời sống kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế, tác động đến các ngành, lĩnh vực trong đó có các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và ngành Nội vụ. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, toàn ngành Nội vụ đã cùng đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực vượt qua những khó khăn, tập trung triển khai kịp thời, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần vào thành tựu chung to lớn về phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội; góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Trên cơ sở tổng kết công tác của Bộ và toàn ngành, Báo cáo này tập trung đánh giá những kết quả đã đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2025.

**Phần I****TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024 CỦA NGÀNH NỘI VỤ****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH****1. Kết quả**

Trong năm 2024, thực hiện phương châm của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*” và phương châm hành động của ngành Nội vụ “*Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả*”, công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Nội vụ được thực hiện thống nhất, đồng bộ bám sát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các nghị quyết của Quốc hội<sup>2</sup>; các nghị quyết<sup>3</sup>, chương trình hành động của Chính phủ, Thủ tướng Chính

<sup>1</sup> Như: Điểm nóng xung đột, căng thẳng trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn các nguy cơ lan rộng như xung đột Nga - Ukraine, xung đột tại Trung Đông, căng thẳng tại Biển Đông; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, công nghệ, thương mại, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gặp nhiều khó khăn, thách thức...

<sup>2</sup>Như: (i) Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về phát triển KTXH năm 2024; (ii) Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; (iii) Nghị quyết số

phủ thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Quốc hội về tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế và ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc triển khai công tác ngành Nội vụ năm 2024, nổi bật là:

- Các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác được Bộ, ngành Nội vụ chủ động xây dựng, ban hành sớm để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao như: Chương trình hành động của ngành Nội vụ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ<sup>4</sup>; Chương trình công tác năm 2024 của Bộ Nội vụ<sup>5</sup>; Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024<sup>6</sup>. Đồng thời, thường xuyên rà soát, đôn đốc, thực hiện quyết liệt<sup>7</sup>, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, phức tạp của Bộ, của Chính phủ để giải quyết, tham mưu các giải pháp triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ.

Sau khi Bộ Nội vụ ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đơn vị tổ chức cán bộ ở các bộ, ngành và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động, kịp thời tham mưu cho bộ, ngành, địa phương ban hành các chương trình, kế hoạch công tác, các văn bản chỉ đạo để tiếp tục cụ thể hoá các nhiệm vụ về công tác nội vụ phù hợp với tình hình thực tiễn của bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, cùng với việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đề ra, Bộ, ngành Nội vụ đã chú trọng chỉ đạo, tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ được giao thêm. Theo Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ từ đầu năm 2024 đến nay, Bộ Nội vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện **256** nhiệm vụ, trong đó, đã hoàn thành **184** nhiệm vụ có thời hạn, đang tiếp tục thực hiện **72** nhiệm vụ (*trong đó: 09 nhiệm vụ có thời hạn cuối tháng 12/2024; 06 nhiệm vụ có thời hạn năm 2025 và 55 nhiệm vụ không có thời hạn*); không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Bộ Nội vụ thực hiện nghiêm, bám sát quy định tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW<sup>8</sup>, với nhiều nội dung, nhiệm vụ cụ thể.

---

43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH...

<sup>3</sup>Như: (i) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; (ii) Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

<sup>4</sup>Quyết định số 30/QĐ-BNV ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

<sup>5</sup>Quyết định số 01/QĐ-BNV ngày 01/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

<sup>6</sup>Quyết định số 1062/QĐ-BNV ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

<sup>7</sup>Từ đầu năm 2024 đến nay đã ban hành **60** thông báo kết luận, công văn chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

<sup>8</sup>Quyết định số 123/QĐ-BNV ngày 07/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc cho tổ chức, công dân được tăng cường; việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia được thực hiện đồng bộ, mang lại nhiều tiện ích, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Tại Bộ Nội vụ, Lãnh đạo Bộ tiếp tục tăng cường các cuộc họp, chỉ đạo trực tuyến; thực hiện cải cách hành chính và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong công tác chuyên môn, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, công dân... qua đó, đạt được một số kết quả nổi bật, như: Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ Nội vụ tiếp tục duy trì nhóm dẫn đầu (xếp thứ 4) trong số các bộ, ngành được đánh giá. Việc rà soát, đơn giản hóa TTHC được Lãnh đạo Bộ chỉ đạo quyết liệt, năm 2024, Bộ Nội vụ đã ban hành **05** Quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ, trong đó, đã công bố công khai đối với **150** TTHC thuộc các lĩnh vực như: tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, tổ chức, hoạt động và quản lý hội, lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, thi đua, khen thưởng.

- Công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương và giữa các Sở Nội vụ với các sở, ngành tiếp tục được quan tâm, chú trọng, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác chỉ đạo, trao đổi, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ được tăng cường. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu giải quyết, trả lời 320 kiến nghị của cử tri gửi Kỳ họp thứ 6, 7 và trước Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV bảo đảm chất lượng, tiến độ, được Quốc hội, cử tri và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao; tiếp nhận, trả lời 385 kiến nghị, đề xuất, đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các bộ, ngành, địa phương; tiếp nhận và trả lời triệt để 100% (920/920) phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi đến Cổng Thông tin điện tử của Bộ và Cổng Dịch vụ công quốc gia thuộc thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn trực tiếp, trực tuyến về nghiệp vụ trong các lĩnh vực công tác của Bộ.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế**

Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm, đầu tư nghiên cứu những kiến nghị, đề xuất; những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật nên việc trả lời, hướng dẫn còn nặng về viện dẫn văn bản, chưa tập trung giải đáp những vấn đề trọng tâm mà bộ, ngành và địa phương quan tâm.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

### **1. Công tác xây dựng thể chế, chính sách**

#### **1.1. Kết quả**

Bộ Nội vụ xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, xuyên suốt trong công tác quản lý nhà nước và Chiến lược phát triển của ngành Nội vụ; theo đó đã kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc bất cập trong việc thực hiện cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ tạo sự thống nhất, thông suốt để

thực hiện. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư **06** văn bản, đề án; trình Quốc hội thông qua **04** Luật và Nghị quyết; trình UBTWQH thông qua **53** Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành **10** Nghị định, **60** Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **28** Quyết định, **01** Chỉ thị, **01** Công điện; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **13** Thông tư và **10** văn bản hợp nhất. Đặc biệt, đã tập trung nghiên cứu, rà soát đề xuất cấp có thẩm quyền hồ sơ đề nghị sửa đổi **03** Luật: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn, cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế; tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, cải cách công vụ, công chức theo hướng năng động, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức, viên chức (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Đồng thời, trình Bộ Chính trị cho ý kiến thống nhất về chủ trương đề trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về các nội dung cải cách chính sách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Theo đó, năm 2024 điều chỉnh tăng lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ **1.800.000** đồng/tháng lên **2.340.000** đồng/tháng (tăng **30%** - mức cao nhất từ trước đến nay) và hướng dẫn thực hiện cơ chế thưởng 10% tổng quỹ lương cơ bản.

Nhìn chung, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế đã có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, thiết lập cơ sở pháp lý vững chắc để tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Chính phủ, Chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó trọng tâm là: (1) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các cơ quan, tổ chức; (2) Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã tinh gọn phù hợp với mô hình nông thôn, đô thị, hải đảo; (3) Đổi mới công vụ, công chức xây dựng đội ngũ CBCCVC có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, phục vụ Nhân dân; (4) Thực hiện cải cách chính sách tiền lương cho CBCCVC và lực lượng vũ trang theo lộ trình, từng bước phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; (5) Đổi mới công tác lưu trữ gắn với chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Qua đó đã góp phần quan trọng khơi thông điểm nghẽn về thể chế, góp phần xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

## **1.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Việc thể chế hóa chủ trương của Đảng về lĩnh vực nội vụ còn có mặt chưa thực sự đầy đủ, kịp thời với các quy định của Đảng do phải tuân thủ nhiều quy trình, thủ tục chặt chẽ của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong công tác rà soát, đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đôi

lúc chưa bảo đảm được tiến độ theo kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức bộ máy và biên chế

### 2.1. Kết quả

#### *a) Sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các DVSNCL*

Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, báo cáo Ban Chỉ đạo Chính phủ cho ý kiến và Bộ Chính trị trước ngày 31/12/2024; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan tham mưu trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương; tích cực đề xuất cơ chế, chính sách vượt trội, đủ mạnh đối với CBCCCVC và người lao động làm cơ sở để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, gắn tinh giảm biên chế với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCCVC. Đây là khối lượng công việc rất lớn, phức tạp, nhạy cảm, song với sự thống nhất về nhận thức và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, kết quả đến nay đã cơ bản hoàn thành các đề án để báo cáo Chính phủ trình Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương.

Qua đó tạo tiền đề và cơ sở pháp lý quan trọng cho việc sắp xếp, giảm số lượng các bộ, sở, phòng và cơ cấu tổ chức bên trong tinh gọn theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót hoặc không rõ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý và đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí thành lập tổ chức theo chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật; đồng thời tập trung xây dựng dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) trình cấp thẩm quyền theo kế hoạch<sup>9</sup>.

Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy (tính đến ngày 30/10/2024) tại **63** tỉnh, thành phố: tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện, lũy kế đến nay, giảm **13** Sở và tương đương; **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

#### *b) Công tác quản lý biên chế và tinh giảm biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCCVC*

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW thống nhất trong quản lý và đến hết năm 2026 số biên chế tối đa bằng số Bộ Chính trị đã phê duyệt, bảo đảm theo lộ

<sup>9</sup> Kế hoạch số 659/KH-BNV ngày 05/02/2024 và Quyết định số 165/QĐ-BNV ngày 08/3/2024.

trình tinh giản biên chế của giai đoạn 2022-2026<sup>10</sup>, Bộ Nội vụ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2023<sup>11</sup>; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đề trình Bộ Chính trị cho phép điều chuyển, bổ sung biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL<sup>12</sup>. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chính sách tinh giản biên chế công chức và giảm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước gắn với việc phê duyệt VTVL và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng của đội ngũ CBCCVC, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị<sup>13</sup>.

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương (tính đến ngày 30/10/2024) theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (*trong đó, bộ, ngành là 217 người, địa phương là 15.932 người*). Các bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm.

#### c) Về xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm

Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ<sup>14</sup> và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực<sup>15</sup>, các địa phương đã tích cực chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn về VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Xác định việc phê duyệt VTVL là nhiệm vụ trọng tâm cần sớm hoàn thành với tinh thần “*vừa làm, vừa hoàn thiện, không cầu toàn theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo*” và thực hiện hiệu quả phân cấp trong việc phê duyệt VTVL. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt Đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL<sup>16</sup>.

<sup>10</sup> Giai đoạn 2022-2026, Bộ Chính trị quản lý, giao biên chế theo mục tiêu, do đó tại các Quyết định giao biên chế giai đoạn 05 năm (2022 - 2026) cho các cơ quan của hệ thống chính trị đã thực hiện: Giảm 5% biên chế công chức; Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN (đối với bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN trong các ĐVSNCL chưa tự chủ tài chính tại 29 bộ, ngành giai đoạn 2022 - 2026, giảm 17.736 biên chế, tương ứng giảm 14,84% so với số biên chế giao năm 2021).

<sup>11</sup> Báo cáo số 2349/BC-BNV ngày 02/5/2024.

<sup>12</sup> Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023.

<sup>13</sup> Văn bản số 2992/BNV-TCBC ngày 28/5/2024.

<sup>14</sup> 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong CQ, TCHC và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

<sup>15</sup> 20 Thông tư của 20 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL.

<sup>16</sup> Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 22 vị trí.

- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.



Địa phương thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và quản lý biên chế, như: Hưng Yên, Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ninh, Đồng Nai, Kon Tum, Quảng Ngãi, An Giang, Hậu Giang, Sơn La, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu.

## 2.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Nhận thức, trách nhiệm của một số bộ, ngành, địa phương nhất là người đứng đầu chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc, chưa quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện;

- Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian là việc khó, đụng chạm đến lợi ích của tổ chức và cá nhân, đây là việc rất phức tạp và nhạy cảm nên một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện;

- Sự phối hợp giữa một số bộ, ngành trong việc tham mưu, ban hành quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của các ĐVSNCL chưa hiệu quả;

- Việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo VTVL chưa thực hiện đồng bộ.

## 3. Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

### 3.1. Kết quả đạt được

#### a) Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Bộ Nội vụ tập trung nghiên cứu rà soát, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả bằng các giải pháp cụ thể, theo đó tham mưu ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan đến tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC<sup>17</sup> đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; hoàn thiện quy định tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý; tích cực phối hợp các cơ

---

- VTVL trong ĐVSNCL: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

<sup>17</sup> Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; dự thảo Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan nhà nước và ĐVSNCL; dự thảo Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp; Nghị định thay thế Nghị định số 25/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức...

quan liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong cơ quan nhà nước và ĐVSNCL, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá CBCCVC dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, bằng sản phẩm cụ thể; sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đánh giá, xếp loại CBCCVC bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng và phù hợp với yêu cầu đổi mới, cải cách công vụ. Đổi mới và phân cấp triệt để trong tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; bỏ quy định thi thăng hạng, chỉ quy định về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; cải cách thủ tục, quy trình tuyển dụng; tăng cường ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; tăng cường tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Đẩy mạnh triển khai việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có sai phạm, vi phạm pháp luật; đồng thời, thực hiện các biện pháp nhằm đẩy lùi tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2024, các bộ, ngành và địa phương đã tuyển dụng được **39.218** CCVC (*có 3.879 công chức; 35.402 viên chức*). Trong đó bộ, ngành tuyển dụng **3.740** CCVC (*561 công chức; 3.179 viên chức*); các địa phương tuyển dụng **35.541** CCVC (*3.318 công chức; 32.223 viên chức*), tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **230** người (*trong đó 170 sinh viên xuất sắc, 60 cán bộ khoa học trẻ*).

Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển dụng và quản lý CBCCVC gắn với siết chặt kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; tăng cường thanh tra công vụ, công chức tại các bộ, ngành, địa phương, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC. Theo đó, năm 2024 các bộ, ngành, địa phương đã xử lý kỷ luật **4.741** CBCCVC (*cán bộ: 390 người; công chức 1.092 người, viên chức 6.313 người*).

*b) Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2023-2025<sup>18</sup> nhằm tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan trọng hệ thống chính trị đến năm 2030. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

<sup>18</sup> Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 16/01/2023 của Bộ Nội vụ.

đã mang lại kết quả tích cực; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên đổi số, bồi dưỡng theo VTVL và đạo đức công vụ, theo đó đã tổ chức thành công **07** khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài tại Cộng hòa Pháp và Nhật Bản. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyên đổi số quốc gia. Kết quả năm 2024 cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng **642.049** lượt CBCCVC (*Bộ, ngành: 26.536 lượt người<sup>19</sup>; địa phương: 615.513 lượt người<sup>20</sup>*).

Các địa phương đã chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý CBCCVC theo ngành, lĩnh vực; công tác tuyển dụng, sử dụng CBCCVC được thực hiện đúng quy định, phù hợp nhu cầu và theo VTVL, tiêu biểu như: Hà Nội; TP. Hồ Chí Minh; Hải Phòng; Nam Định; Quảng Ninh; Huế; Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghệ An, Quảng Bình, An Giang.

### *c) Về chính sách tiền lương*

Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tập trung cao độ xây dựng Tờ trình và Báo cáo trình Bộ Chính trị xem xét, ban hành Kết luận số 83-KL/TW làm cơ sở để trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 142/2024/QH15; tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương thảo luận kỹ lưỡng, tính toán các phương án tối ưu, khả thi nhất để báo cáo Bộ Chính trị, Quốc hội xem xét, quyết định các nội dung cải cách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả; thực hiện đầy đủ cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp; thực hiện **4/6** nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công. Trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị được đông đảo CBCCVC phấn khởi đón nhận; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội có tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội được dư luận đồng tình, đánh giá cao.

Để triển khai kịp thời, đồng bộ với quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ chủ động tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tôi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCVC, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp<sup>21</sup>; ban hành theo thẩm quyền Thông tư hướng dẫn thực

<sup>19</sup> Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 259 lượt công chức; 2.566 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 5.885 lượt công chức; 16.826 lượt viên chức.

<sup>20</sup> Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 13.300 lượt công chức; 19.776 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 207.277 lượt công chức; 375.160 lượt viên chức.

<sup>21</sup> Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc<sup>22</sup>.

### 3.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn nể nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL;

- Chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng trong hoạt động công vụ chưa thực sự tạo động lực thu hút nhân lực có chất lượng cao;

- Một số cơ quan, đơn vị về kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa được quan tâm đúng mức; tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ chưa được khắc phục triệt để.

## 4. Xây dựng chính quyền địa phương, địa giới hành chính

### 4.1. Kết quả

Triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; đồng thời đề nghị các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát, đánh giá và tổng kết thi hành Luật làm cơ sở để trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) cho phù hợp với thực tiễn; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045<sup>23</sup>; xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về việc giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động<sup>24</sup>.

Với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, Bộ Nội vụ đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho cấp có thẩm quyền hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương để kịp thời xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ đề trình UBTVQH thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025: Thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp **38** ĐVHC cấp huyện và **1.178** ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm **09** đơn vị cấp huyện và **563** đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp **137** đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có **45%** ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị, góp phần tạo ra một diện mạo mới về hệ thống tổ chức hành chính đô thị ở Việt Nam. Ngay trong năm 2024 về cơ bản đã hoàn thành mục tiêu sắp xếp đơn vị hành

<sup>22</sup> Gồm: (1) Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; (2) Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc.

<sup>23</sup> Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>24</sup> Tờ trình số 1486/TTr-BNV ngày 19/3/2024 của Bộ Nội vụ.

chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 để các địa phương tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp vào năm 2025.

Tổ chức triển khai và đánh giá việc thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo quy định của Hiến pháp 2013; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng tại khu vực núi Hải Vân và hòn Sơn Chà (Sơn Trà con); Quyết định công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp các tỉnh Bình Thuận, Sơn La, Bắc Giang; Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tập trung nghiên cứu, đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2020/QH14.

Sở Nội vụ các địa phương đã tích cực tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chính quyền địa phương, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, tiêu biểu như: Nam Định, Tuyên Quang, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Cần Thơ, Phú Yên, Tiền Giang, Hải Dương.

#### **4.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Thời gian đầu nhận thức của một số địa phương chưa thực sự đầy đủ nên chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc sắp xếp ĐVHC đã tạo áp lực công việc vào thời điểm cuối năm;

- Việc triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở một số địa phương thời gian đầu còn gặp khó khăn về quy hoạch, về tiêu chí đánh giá đô thị theo quy định của pháp luật.

### **5. Cải cách hành chính**

#### **5.1. Kết quả**

Với vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ<sup>25</sup>; phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo<sup>26</sup>; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo<sup>27</sup>; ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo<sup>28</sup>, Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo<sup>29</sup>. Tham mưu Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức thành công Phiên họp thứ 7 và thứ 8 của Ban Chỉ đạo; tổ chức thành công Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 (SIPAS 2023) và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

<sup>25</sup> Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024

<sup>26</sup> Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024; Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 24/10/2024.

<sup>27</sup> Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

<sup>28</sup> Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

<sup>29</sup> Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024

ương (PAR INDEX 2023). Kết quả cụ thể như sau: Giá trị trung bình chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2023 đạt **84.38%** (tăng **0.33%** so với năm 2022), chỉ số CCHC của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giá trị trung bình năm 2023 đạt **86.98%** (tăng **2.19%** so với năm 2022); Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nói chung trong cả nước năm 2023 đạt **82,66%** (tăng **2.58%** so với năm 2022).

Kịp thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ đạo nhiều giải pháp đẩy mạnh CCHC trên từng lĩnh vực, trọng tâm là giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; tham mưu đổi mới tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, chấn chỉnh nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương.

Công tác cải cách hành chính được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, tập trung đẩy mạnh thực hiện, triển khai đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là cải cách TTHC, hệ thống thông tin giải quyết TTHC kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần khơi thông nguồn lực phát triển; **100%** các cơ quan hành chính đã tiếp nhận, xử lý văn bản trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá cải cách hành chính phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Cùng với việc đôn đốc cập nhật đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC bảo đảm “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp với CSDLQG về dân cư để làm sạch dữ liệu; đồng thời tập trung chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng các CSDL chuyên ngành Nội vụ để phục vụ công tác QLNN thuộc lĩnh vực nội vụ và công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ<sup>30</sup>.

Về lĩnh vực cải cách hành chính các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt gồm: Bộ Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước; Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quảng Ninh, Hà Nội, Bắc Giang, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

## **5.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Hoạt động cung ứng dịch vụ hành chính công trực tuyến còn gặp một số khó khăn do thói quen của tổ chức, công dân khi làm việc với cơ quan nhà nước còn có tâm lý muốn đến trực tiếp Bộ phận Một cửa để trực tiếp nộp hồ sơ nên tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến chưa cao.

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo thực hiện CCHC chưa hiệu quả;

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC chưa đồng đều; trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

<sup>30</sup> Kết quả đến nay, đã đồng bộ được 2.384.570 hồ sơ (263.929 hồ sơ của bộ, ngành; 2.120.641 hồ sơ của địa phương); đồng thời chủ động kết nối với CSDLQG về dân cư và đối khớp, xác thực dữ liệu được tổng số 1.090.749/1.090.806 hồ sơ. Hiện nay Bộ Nội vụ đang tập trung chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng 7 CSDL chuyên ngành nội vụ phục vụ công tác QLNN của Bộ

## 6. Công tác thi đua, khen thưởng

### 6.1. Kết quả

Ngay khi được Quốc hội thông qua, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua khen thưởng để bảo đảm thực hiện Luật từ ngày 01/01/2024. Với vai trò là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024; kiện toàn thành viên và sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Hội đồng theo quy định; hướng dẫn bộ, ban, ngành, địa phương tổ chức Đại hội thi đua các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để tổng hợp, nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ vướng mắc.

Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã chủ trì tham mưu cho Hội đồng thi đua khen thưởng Trung ương, Thủ tướng Chính phủ phát động và triển khai được nhiều phong trào, đợt thi đua đặc biệt, như: Đợt thi đua cao điểm “500 ngày đêm để hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc”; phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát từ nay đến năm 2025”; phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Vi người nghèo - Không để ai bị để lại phía sau” giai đoạn 2021-2025,... các phong trào thi đua ngày càng đi vào thực chất, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương và đất nước, tháo gỡ những điểm nghẽn, khâu khó để khai thông tối đa các nguồn lực phục vụ cho sự phát triển, khơi dậy tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, tích cực đổi mới, sáng tạo tạo không khí thi đua sôi nổi, tạo sự đồng thuận trong thực hiện nhiệm vụ và có tác động tích cực trên các mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội.

Các địa phương đã tập trung ban hành kế hoạch và phát động thi đua năm 2024; tích cực hướng dẫn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; đôn đốc các cụm, khối thi đua ký kết giao ước thi đua phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tiêu biểu như: Tuyên Quang, Lào Cai, Thanh Hóa, Quảng Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Long, Thái Bình...

### 6.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 theo thẩm quyền;
- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua yêu nước ảnh hưởng đến hiệu quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng.
- Nhận thức về vị trí, vai trò và tác dụng của phong trào thi đua và công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến có nơi, có lúc chưa đầy đủ và sâu sắc.

## 7. Công tác tín ngưỡng, tôn giáo

### 7.1. Kết quả

Bộ Nội vụ chủ động nắm bắt tình hình và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành, địa phương kịp thời báo cáo, tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo, những vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội<sup>31</sup>; nhiều tổ chức tôn giáo đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ, hội nghị thường niên theo quy định; chủ động nắm bắt tình hình, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về tôn giáo, đất đai tôn giáo; hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố quan tâm, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công tác tôn giáo tại địa phương và tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn<sup>32</sup>.

Triển khai các văn bản QPPL về tín ngưỡng, tôn giáo theo Kế hoạch; báo cáo Ban Bí thư, triển khai kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới<sup>33</sup>; tổ chức tổ chức Hội thảo Thư Giáo hoàng gửi Giáo hội Công giáo Việt Nam và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổ chức Hội thảo; báo cáo Thủ tướng Chính phủ chủ trương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak năm 2025 tại TP. Hồ Chí Minh và triển khai các hoạt động hỗ trợ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại lễ Vesak bảo đảm trang trọng, chu đáo, đúng nghi lễ truyền thống Phật giáo, an ninh, an toàn; triển khai Kế hoạch công tác Việt Nam - Vatican và nâng cấp cơ quan Đại diện Thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam nhằm tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Vatican.

Tham mưu tổ chức đoàn chức sắc, chức việc tôn giáo chào thăm, chúc mừng Chủ tịch nước Tô Lâm trong không khí vui tươi, phấn khởi, qua đó thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, nhà nước đối với tôn giáo; Đoàn chức sắc, chức việc, cốt cán các tôn giáo tỉnh Ninh Thuận chào, thăm Thủ tướng Chính phủ và một số cơ quan Trung ương. Chủ động, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và các cơ quan liên quan vận động, tranh thủ, đấu tranh để Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách theo dõi đặc biệt về tự do tôn giáo - SWL.

Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và các

<sup>31</sup> Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vụ việc liên quan đến tôn giáo: (1) “Xả lợi tóc Đức Phật” tại chùa Ba Vàng, tỉnh Quảng Ninh; (2) Kết quả giải quyết vụ việc liên quan đến ông Lê Anh Tú (Thích Minh Tuệ); (3) Vụ việc liên quan đến Thượng tọa Thích Chân Quang; (4) Vụ việc liên quan đến ông Thạch Chanh Đa Ra tỉnh Vĩnh Long; (5) Vụ việc liên quan đến Đoàn Campuchia tổ chức Dâng y tại chùa Xoài Xiêm Mới tỉnh Trà Vinh; (6) Phức tạp trong mâu thuẫn nội bộ của Phật giáo Hoà Hảo. . .

<sup>32</sup> Văn bản số 321/BNV-TGCP ngày 19/01/2024.

<sup>33</sup> Kết quả tổng kết 20 năm thực hiện công tác đối với Hội Giáo; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 65/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 63-KL/TW về chủ trương công tác đối với Công giáo Việt Nam trong tình hình hiện nay; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới; Tổng kết 25 năm thực hiện Thông báo số 165-TB/TW về chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo và tham mưu Ban Bí thư ban hành Kết luận số 95-KL/TW ngày 20 tháng 9 năm 2024 về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới; trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Chỉ thị 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo



sở, ban, ngành liên quan kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động cốt cán, chức sắc, chức việc các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương; đấu tranh, phản bác một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc...

Một số địa phương làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thái Bình, Nghệ An, Huế, Bình Thuận, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long...

## **7.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Bên cạnh những kết quả nổi bật nêu trên, song tình hình tôn giáo vẫn còn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, cần được quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ sớm, từ xa việc lợi dụng hoạt động tôn giáo để vi phạm pháp luật, ảnh hưởng tới sự ổn định xã hội;

- Chưa có chính sách đặc thù tạo động lực cho những cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

## **8. Công tác văn thư, lưu trữ**

### **8.1. Kết quả**

Bộ Nội vụ đã tập trung tham mưu trình Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi), nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; đổi mới hoạt động quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về lưu trữ, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn công tác lưu trữ hiện nay. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chương trình công bố tài liệu lưu trữ quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền đất nước; xây dựng hệ thống nền tảng lưu trữ số quốc gia phục vụ quản lý và tổ chức sử dụng hiệu quả tài liệu lưu trữ điện tử thuộc Phong Lưu trữ nhà nước Việt Nam; phối hợp với các cơ quan tổng hợp thông tin, số liệu về kết quả và nhu cầu sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm ở trong nước và nước ngoài; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động triển lãm, công bố, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ về các chủ đề: 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; Chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa; Tòa nhà Quốc hội Việt Nam; tổ chức triển lãm trực tuyến “Điện Biên theo dòng lịch sử qua tài liệu lưu trữ”...; hướng dẫn phương hướng, nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ năm 2024 đối với các bộ, ngành, địa phương; hướng dẫn, trả lời, giải đáp nghiệp vụ cho các cơ quan, tổ chức và cấp 48 phối Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

### **8.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa thực sự được quan tâm đến công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ văn thư, lưu trữ nhất là lưu trữ điện tử;

- Việc đầu tư trang thiết bị lưu trữ chưa bảo đảm đầy đủ và đồng bộ theo quy định của Luật Lưu trữ.

## 9. Công tác thanh niên; công tác dân vận, dân chủ, cán bộ nữ

Tập trung đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phối hợp số 03-CTr/BDVTW-BCSDCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban Cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai đoạn 2021-2026; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Tham mưu tổ chức thành công Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt và đối thoại với thanh niên năm 2024 và gặp mặt nữ lãnh đạo, quản lý cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, đại diện các nhà khoa học nữ, nữ trí thức tiêu biểu và trao giải thưởng Kovalevskaja năm 2023 nhân dịp kỷ niệm 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2023; hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương thống kê nữ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “*Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030*”; tổ chức Đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm và giao lưu thanh niên tại Hàn Quốc năm 2024.

## 10. Quản lý hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ

Năm 2024, Bộ Nội vụ đã tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế về lĩnh vực quản lý hội, quỹ góp phần quan trọng vào hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về hội, quỹ; đồng thời đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội, quỹ theo hướng tự chủ, tự quản góp phần tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn tồn tại nhiều năm qua. Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2023<sup>34</sup>. Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thành lập, điều lệ, hồ sơ tổ chức Đại hội của các hội<sup>35</sup>, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện<sup>36</sup>; hồ sơ đề nghị phê duyệt khoản viện trợ không hoàn lại nước

<sup>34</sup> Báo cáo số 1625/BC-BNV ngày 25/3/2024 và Báo cáo số 124/BC-BNV ngày 29/3/2024.

<sup>35</sup> -Gồm 08 Quyết định về thành lập hội, quỹ (*Liên đoàn Triathlon Việt Nam, Hội Thanh niên khuyết tật Việt Nam, Liên đoàn Thuyền máy thể thao Việt Nam, Hội Nội soi tiêu hóa can thiệp Việt Nam, Quỹ Kiến tạo cuộc sống vì cộng đồng, Quỹ Thiện nguyện nụ cười, Quỹ Kiến tạo cuộc sống vì cộng đồng*); 32 Quyết định về việc phê duyệt Điều lệ và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của các hội; cho phép 40 hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, bất thường.

- Gồm 03 Quyết định về việc công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung), 03 Quyết định về việc công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, 11 Quyết định về việc công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

- Gồm 10 Quyết định về việc phê duyệt và điều chỉnh văn kiện dự án tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại nước ngoài cho các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

<sup>36</sup> Gồm 17 Quyết định phê duyệt Điều lệ: Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài Việt Nam; Liên đoàn Judo Việt Nam; Liên đoàn Cờ tướng Việt Nam; Hội Y học giới tính Việt Nam; Hội Thủ thuật tạo hình thẩm mỹ Việt Nam; Hội Toán học Việt Nam; Hội Điện Quang và Y học hạt nhân Việt Nam; Hội Nội thất Việt Nam; Hiệp hội Thể Thao Công an nhân dân Việt Nam; Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam; Hiệp hội Nhựa Việt Nam;

ngoài cho các hội, quỹ theo đúng quy định pháp luật; triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện năm 2024; tập trung tham mưu giải quyết các vụ việc phức tạp trong các hội; tổ chức hội nghị về công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ tại Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội; tổ chức phát động thi đua và hướng dẫn khen thưởng đối với công tác hội, quỹ năm 2024.

## 11. Công tác thanh tra, pháp chế

### a) Công tác thanh tra, kiểm tra

Năm 2024 (đến ngày 15/11/2024), Bộ Nội vụ đã tiếp nhận và xử lý **1.516** đơn, trong đó có **502** đơn tố cáo, **238** đơn khiếu nại và **776** đơn kiến nghị phản ánh, tất cả các đơn thư đều được tiếp nhận, xem xét, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn theo luật định. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tiến hành kiểm tra tình hình công chức, viên chức thôi việc, bỏ việc, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công vụ liên quan đến người dân và doanh nghiệp tại thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ. Tổ chức **23/23** cuộc thanh tra tại các bộ, ngành, địa phương theo Kế hoạch năm 2024<sup>37</sup>.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại các bộ, ngành, địa phương đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật, công vụ; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách và áp dụng pháp luật để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi các quy định pháp luật cho phù hợp; phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, thu hồi các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Để nâng cao kỷ luật, kỷ cương, chủ động phòng ngừa vi phạm trong thực thi công vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 và đã tổ chức **2.792** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (trong đó: **326** cuộc thanh tra và **2.466** cuộc kiểm tra).

### b) Công tác pháp chế

Đã ban hành và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả **09** Chương trình, kế hoạch công tác<sup>38</sup>; rà soát hơn **1.000** văn bản QPPL và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ giai đoạn 2019-2023, trong đó **688** văn bản còn có hiệu lực, **37** văn bản hết hiệu lực một phần, **96** văn bản hết hiệu lực toàn bộ, **52** văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; tổ chức **07** đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật kết hợp kiểm tra

---

Hội Hậu môn - Trục tràng Việt Nam; Hiệp hội Bưu chính Việt Nam; Hiệp hội Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm Việt Nam; Hội Chấn thương chỉnh hình Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; Hội Khoa học kỹ thuật Bảo vệ thực vật Việt Nam.

<sup>37</sup>Các bộ, ngành, địa phương: Hưng Yên; Thái Nguyên; Hậu Giang; Yên Bái; Trà Vinh, Quảng Trị; Lâm Đồng, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng... Thông báo kết thúc theo dõi việc thực hiện Kết luận thanh tra đối với UBND tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Ninh Thuận, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

<sup>38</sup>Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 10/01/2024 ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 26/QĐ-BNV ngày 16/01/2024 ban hành Kế hoạch hợp nhất VBQPPL năm 2024; Quyết định số 29/QĐ-BNV ngày 17/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 52/QĐ-BNV ngày 29/01/2024 ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực Nội vụ năm 2024; Quyết định số 73/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện pháp điển hệ thống QPPL đối với 02 Đề mục: Cán bộ, công chức và Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quyết định số 74/QĐ-BNV ngày 02/02/2024 ban hành Kế hoạch kiểm tra trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật tại các bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 591/QĐ-BNV ngày 23/8/2024 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô.

văn bản QPPL<sup>39</sup>; tham gia ý kiến đối với **158** Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ; góp ý đối với **163** văn bản QPPL (gồm: 65 dự án và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; 03 dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; 95 dự thảo Nghị định và 100 dự thảo Thông tư của Bộ, ngành); thực hiện kiểm tra **436** văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nội vụ; đã tổ chức biên soạn tài liệu phổ biến, tuyên truyền thể chế, chính sách lĩnh vực nội vụ.

Công tác thanh tra, pháp chế năm 2024 đạt được kết quả tích cực, kịp thời rà soát, điều chỉnh, kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL lĩnh vực nội vụ cho phù hợp, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra theo đúng Kế hoạch và đột xuất; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ và kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm CBCCVC suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của ngành Nội vụ.

## **12. Hoạt động đối ngoại, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số và công tác truyền thông**

a) Năm 2024, hoạt động đối ngoại diễn ra sôi động, nhiều hoạt động hợp tác có ý nghĩa chiến lược, quan trọng góp phần nâng tầm vai trò, vị thế của Bộ, ngành Nội vụ, như: Tổ chức Đoàn công tác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ thăm, làm việc chính thức tại nước CHDCND Lào<sup>40</sup>, Cộng hoà Pháp, Hàn Quốc và triển khai hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế theo Kế hoạch<sup>41</sup>.

Triển khai thực hiện các Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026”, Đề án “Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030”, “Đề án phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ theo Kế hoạch năm 2024; Kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026 giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ Lào; Kế hoạch Hợp tác quốc tế của Cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024. Ký kết Bản Thỏa thuận Hành chính giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Công vụ, Đơn giản hóa và Chuyển đổi dịch vụ công Pháp về hợp tác trong lĩnh vực công vụ và hiện đại hóa nền hành chính, giai đoạn 2025-2030; Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ và An toàn Hàn Quốc trong lĩnh vực Hành chính công; Bản ghi nhớ về trao đổi kinh nghiệm về hiện đại hóa và phát

<sup>39</sup> Tại 06 tỉnh: Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghệ An; Sơn La; Tuyên Quang; Đắk Lắk, Bình Dương và Bộ Quốc phòng.

<sup>40</sup> Kế hoạch số 711/KH-BNV ngày 07/02/2024 của Bộ Nội vụ.

<sup>41</sup> Triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác với các đối tác Hàn Quốc đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai “Đề án phát triển quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030” của cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Kế hoạch triển khai thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2023-2026 giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ Lào; Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026” năm 2024; Kế hoạch Hợp tác quốc tế của Cơ quan Bộ Nội vụ năm 2024; Ký kết Bản Thỏa thuận Hành chính giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Công vụ, Đơn giản hóa và Chuyển đổi dịch vụ công Pháp về hợp tác trong lĩnh vực công vụ và hiện đại hóa nền hành chính, giai đoạn 2025-2030; Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Nội vụ và An toàn Hàn Quốc trong lĩnh vực Hành chính công; Bản ghi nhớ về trao đổi kinh nghiệm về hiện đại hóa và phát triển Chính phủ giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Các vấn đề nội các UAE; tiếp tục triển khai ký kết bản ghi nhớ hợp tác với Bộ Phát triển địa phương Ai Cập. Tổ chức buổi chào xã giao và làm việc của Lãnh đạo Bộ với Trưởng đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA); Đoàn công tác Cơ quan Giáo dục quốc tế Canada; Đại sứ Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE); Đại diện thường trú Tòa thánh Vatican tại Việt Nam; Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Nhật Bản (GRIPS); JCLAIR Singapore; Đại sứ quán Pháp; trường Đại học Hiroshima (HU).

triển Chính phủ giữa Bộ Nội vụ Việt Nam và Bộ Các vấn đề nội các UAE. Tổ chức buổi chào xã giao và làm việc của Lãnh đạo Bộ với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài. Tổ chức thành công các Hội thảo quốc tế với Nhật, các nước ASEAN+3.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học bám sát việc hoàn thiện cơ sở lý luận, luận cứ khoa học phục vụ công tác xây dựng thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước ngành Nội vụ; tổ chức xét duyệt, nghiên cứu, đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả đề tài, dự án đảm bảo chất lượng, tính khả thi để áp dụng vào thực tiễn<sup>42</sup>. Làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội và bồi dưỡng CBCCVC trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

c) Công tác chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của ngành Nội vụ

Xác định công tác chuyên đổi số và tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành là nhiệm vụ chính trị quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của ngành Nội vụ, Bộ Nội vụ đã ưu tiên, tập trung nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chuyên đổi số ngay từ đầu năm 2024. Theo đó, đã ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ; tổ chức rà soát, thống kê số lượng công chức, viên chức của Bộ Nội vụ có chuyên ngành công nghệ thông tin làm cơ sở huy động tối đa, hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyên đổi số của Bộ. Đến nay, 100% các bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC được trên **2,3 triệu** hồ sơ; đồng thời phối hợp với Bộ Công an đối khớp được tổng **trên 1 triệu hồ sơ** với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; chủ trì, phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an, Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyên đổi số cho CBCCVC ngành Nội vụ và hỗ trợ tạo lập CSDL chuyên ngành Nội vụ với sự tham gia của **19.134** học viên của bộ, ngành, địa phương, qua đó góp phần nâng cao nhận thức về chuyên đổi số, các dịch vụ công thiết yếu, các công nghệ phục vụ chuyên đổi số, an ninh và an toàn thông tin trong không gian số.

Tích cực đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước lĩnh vực nội vụ; chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới; định hướng các vấn đề dư luận xã hội quan tâm liên quan ngành Nội vụ.

***Cùng với Bộ Nội vụ, ngành Nội vụ ở các địa phương và công tác tổ chức cán bộ của các bộ, ngành Trung ương đã kịp thời tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện các mặt công tác trọng tâm và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết ngành Nội vụ năm 2024, qua đó kịp thời tham mưu cho lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ; đồng thời đóng góp quan trọng, tích cực vào kết quả chung của Bộ và toàn ngành Nội vụ.***

<sup>42</sup> Tổ chức công nhận kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; Báo cáo kết quả nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về xây dựng Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Báo cáo kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số quốc gia trên thế giới; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCHTW Đảng; tổ chức nghiệm thu, triển khai các đề tài, đề án, dự án theo kế hoạch.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

Ngay từ đầu năm, Bộ Nội vụ và các địa phương đã xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi, là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần ưu tiên, tập trung nguồn lực để thực hiện; công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, quyết liệt, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, theo đó đã đề xuất sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ bảo đảm khả thi, cơ bản đồng bộ, liên thông với các quy định của Đảng.

Hoàn thành mục tiêu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 ngay trong năm 2024 để các địa phương tập trung tổ chức đại hội đảng các cấp vào năm 2025; đồng thời trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập mới, nâng cấp nhiều đơn vị hành chính đô thị trong đó có thành phố Huế trực thuộc Trung ương và chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng.

Hoàn thành nhiệm vụ tham mưu thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với CBCCVN và lực lượng vũ trang theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả.

Tập trung cao độ tham mưu hoàn thành các đề án, phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ theo chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ.

Tham mưu cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương và Thủ tướng Chính phủ phát động được nhiều phong trào, đợt thi đua đặc biệt, có sức lan tỏa sâu rộng, tạo khí thế thi đua hăng say lao động, sản xuất, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội để không ai bị bỏ lại phía sau.

Công tác cải cách hành chính nhà nước được triển khai quyết liệt và có nhiều đổi mới, tập trung quyết liệt vào việc cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo bảo đảm ổn định, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề phức tạp nổi lên trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.

Công tác thanh tra, pháp chế năm 2024 đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ; nâng cao hiệu quả và kỷ cương, kỷ luật công vụ; phát hiện và đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những tồn tại, hạn chế trong cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ.

Công tác văn thư - lưu trữ; tổ chức phi chính phủ; công tác thanh niên được thực hiện đầy đủ và toàn diện; hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng đã có nhiều đổi mới, đóng góp tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của lĩnh vực nội vụ.

### 2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Nội vụ thẳng thắn nhìn nhận vẫn

còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Công tác triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có lúc, có nơi chưa kịp thời, nhất là tập huấn, hướng dẫn triển khai các chính sách mới ban hành; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tuy đã được cải thiện song hiệu quả chưa cao.

- Ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số công chức chưa ngang tầm với nhiệm vụ, nhất là ở những công việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật cần hoàn thành trong năm 2024 là rất lớn, phức tạp; nhiều vấn đề cần phải được rà soát, nghiên cứu, đánh giá tác động thận trọng, kỹ lưỡng mới có cơ sở đề xuất chính sách bảo đảm tính khả thi nên có nhiệm vụ chưa kịp tiến độ đề ra.

- Một số bộ quản lý chuyên ngành chậm ban hành các quy định để xác định vị trí việc làm nên việc phê duyệt VTVL chưa bảo đảm tiến độ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo.

- Kỷ cương, kỷ luật hành chính của CBCCVC ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm; trong quá trình thực thi công vụ còn có những hành vi chưa được sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

**Một là**, luôn bám sát, tuân thủ nghiêm, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ và của ngành; đồng thời tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, sát thực tiễn.

**Hai là**, phát huy sức mạnh đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo, quản lý; tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu; sự nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng của đội ngũ CBCCVC và người lao động.

**Ba là**, chủ động nắm chắc tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành để kịp thời rà soát, bổ sung, điều chỉnh thể chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

**Bốn là**, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi pháp luật gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, phòng chống tiêu cực, lãng phí.

**Năm là**, nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ CBCC và người lao động.

## Phần II

### NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH NỘI VỤ NĂM 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, như: Kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Kỷ niệm 80 năm thành lập nước và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; đặc biệt là Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Bộ Nội vụ, Ngày truyền thống của ngành Tổ chức nhà nước (28/8/1945-28/8/2025). Với niềm tự hào truyền thống vẻ vang được kết tinh qua các thời kỳ, toàn ngành Nội vụ cùng đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch năm 2025 với phương châm hành động là **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, hiệu năng, hiệu quả”**, góp phần cùng cả nước vào Kỷ nguyên mới, Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

#### I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHUNG

Toàn ngành Nội vụ tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, UBTVQH và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó trọng tâm là hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật của ngành nội vụ; xây dựng đồng bộ các giải pháp để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao; tập trung tham mưu cấp thẩm quyền đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới; tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, CCHC và phân cấp, phân quyền trong tất cả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Nội vụ; tăng cường tự chủ ĐVSNCL và thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ công; tổ chức triển khai có hiệu quả sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; tham mưu xây dựng chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư và xử lý tài sản công sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn ngành là triển khai thực hiện hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Bộ Nội vụ bảo đảm chủ động, thống nhất, đồng thuận, dân chủ, công khai, minh bạch và làm tốt công tác chính trị, tư tưởng để đội ngũ cán bộ, công chức của Bộ sau khi hợp nhất yên tâm công tác, chấp hành và phát huy giá trị văn hoá cốt lõi của 2 Bộ khi hợp nhất để cùng nhau thi đua đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

2. Tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khẩn trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc, nhất là các công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm; đồng thời tập trung đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC bảo đảm đủ phẩm chất, trình độ và năng lực ngang tầm với nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các bộ, ngành và địa phương. Tiếp tục sắp xếp, đẩy mạnh tự chủ đối với các ĐVSNCL của bộ, ngành, địa phương bảo đảm mục tiêu của Nghị quyết 19 đề ra.



**3.** Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVN đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN sau sắp xếp, tổ chức bộ máy. Trước mắt tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức; tập trung xây dựng, thẩm định trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; đồng thời tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

**4.** Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc **51** địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 đã được UBNDTVQH thông qua khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVN, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025; đồng thời, tiếp tục rà soát, đề xuất phương án sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đối với những đơn vị hành chính chưa đủ tiêu chí về diện tích, dân số theo Nghị quyết số 35/2023/UBNDTVQH15 của UBNDTVQH để chủ động phương án việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

**5.** Tiếp tục cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức; hoàn thiện tiêu chí đánh giá CBCCVN dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ dịch vụ công cơ bản, thiết yếu. Triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong khu vực công; nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ và thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

**6.** Chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng các văn kiện và điều kiện cần thiết để tổ chức thành công đại hội đảng các cấp của toàn ngành trong năm 2025, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị đơn vị hình thành sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

**7.** Triển khai tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp, các ngành tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025 và thiết thực chào mừng các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước; thực hiện tốt, có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng, nhất là các phong trào thi đua, đợt thi đua đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ phát động tạo không khí hào hứng, phấn khởi hăng say lao động sản xuất, huy động mọi nguồn lực của xã hội đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bảo đảm an sinh xã hội để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

**8.** Tiếp tục triển khai các nội dung cải cách chính sách tiền lương theo Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và xây dựng báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 (năm 2025) về việc thực hiện cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội.

**9.** Thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, trong đó đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, không để phát sinh thủ tục, quy định, quy chuẩn nhằm tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; tham mưu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách công vụ. Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung vào Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện chuyển đổi số ở tất cả các ngành kinh tế.

Toàn ngành thực hiện chuyển đổi số, đồng bộ, hiệu quả, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục cập nhật, bổ sung làm giàu CSDLQG về CBCCVC để đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CBCCVC; đồng thời tập trung hoàn thành cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; tiếp tục triển khai công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trên các nền tảng đào tạo trực tuyến đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

**10.** Quan tâm, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; văn thư - lưu trữ, công tác thanh niên, tổ chức phi chính phủ, công tác thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đào tạo đào, bồi dưỡng nguồn lực phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước của ngành; đồng thời làm tốt công tác truyền thông để các cấp, các ngành và người dân đồng thuận, chia sẻ và ủng hộ Bộ và ngành trong công cuộc đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả nền hành chính nhà nước.

**11.** Vụ/Ban Tổ chức cán bộ các bộ, ngành, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ. Trong đó, chú trọng công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm, nhất là các cơ quan, đơn vị thực hiện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; đồng thời chú trọng đào tạo, đào tạo lại CBCCVC bảo đảm có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ khi cơ cấu lại đội ngũ; giải quyết kịp thời CBCCVC, tài sản dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; tăng cường quản lý, siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng CSDL chuyên ngành; cập nhật, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC bảo đảm “Đúng - Đủ - Sạch - Sống” để đưa vào để đưa vào sử dụng, khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý CBCCVC.

## **II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

**Một là,** tập trung hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức để bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ và các lĩnh vực có liên quan đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy.

**Hai là,** rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, ĐVSNCL bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; giảm đầu mối bên trong của các cơ

quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ; đề xuất giải quyết các vấn đề còn giao thoa giữa các bộ, cơ quan ngang bộ.

**Ba là**, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương với phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nhất là đề cao trách nhiệm người đứng đầu nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

**Bốn là**, xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngang tầm nhiệm vụ; rà soát cắt giảm tối đa các chứng chỉ không gắn với tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu của VTVL; tham mưu, sửa đổi các quy định hiện hành theo hướng cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng CBCCVC; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, chú trọng bồi dưỡng về trình độ, năng lực, đạo đức công vụ; có cơ chế tạo động lực để khuyến khích CBCCVC tận tâm, tận tụy và phát huy được năng lực, sở trường của mình phục vụ cho công việc chung.

**Năm là**, chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính và ĐVHC, kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền hướng dẫn, tháo gỡ cho các bộ, ngành, địa phương.

**Sáu là**, chú trọng cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của toàn ngành; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; đề cao ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là người đứng đầu và phát huy dân chủ, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng các ngày lễ lớn, trọng đại của đất nước và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ XI trong năm 2025.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2025 của ngành Nội vụ./.

**BỘ NỘI VỤ**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN TRÌNH CẤP THẨM QUYỀN BAN HÀNH**  
**VÀ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH TRONG NĂM 2024**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày /12/2024 của Bộ Nội vụ)*

STT	Tên văn bản	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN ĐÃ TRÌNH BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ (06)</b>	
1.	Báo cáo về các nội dung cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024	Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024
2.	Trình Ban Bí thư kết quả 20 năm thực hiện Thông báo số 119-TB/TW ngày 30/9/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Chủ trương công tác đối với Hội giáo trong tình hình mới"	Tờ trình số 48-TTr/BCSD ngày 07/8/2024
3.	Trình Ban Bí thư ban hành kết luận về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác Phật giáo Hòa Hảo trong tình hình mới	Thông báo kết luận số 95-KL/TW ngày 14/9/2024
4.	Tờ trình về Giáo hội Phật giáo Việt Nam xin đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên hợp quốc năm 2025 tại Việt Nam	Tờ trình số 49-TTr/BCS ngày 16/9/2024
5.	Tờ trình về Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương	Tờ trình số 3240-TTr/BCSDCP ngày 10/9/2024 Công văn số 11308-CV/VPTW ngày 13/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng (Bộ Chính trị thống nhất với Đề án)
6.	Tổng kết thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng và trình Bộ Chính trị xem xét ban hành Chỉ thị về công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới	Tờ trình số 52-TTr/BCSD ngày 16/10/2024
<b>II</b>	<b>TRÌNH QUỐC HỘI BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH (01 Luật, 03 Nghị quyết)</b>	
1.	Luật Lưu trữ (sửa đổi) (thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV)	Luật số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024

STT	Tên văn bản	Ghi chú
2.	Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung số lượng Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV	Nghị quyết số 143/2024/QH15 ngày 26/8/2024
3.	Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hải Phòng.	Nghị quyết số 169/2024/QH15 ngày 30/11/2024
4.	Nghị quyết thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương.	Nghị quyết số 175/2024/QH15 ngày 30/11/2024
<b>III</b>	<b>TRÌNH UBTVQH BAN HÀNH, XEM XÉT BAN HÀNH (53 Nghị quyết)</b>	
1.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập phường An Điền, An Tây thuộc thị xã Bến Cát và thành lập thành phố Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương	Nghị quyết số 1012/NQ-UBTVQH15 ngày 19/3/2024
2.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập, sắp xếp các phường thuộc thị xã Gò Công và thành lập thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Nghị quyết số 1013/NQ-UBTVQH15 ngày 19/3/2024
3.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của các tỉnh/thành phố: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Bắc Giang, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Khánh Hòa, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Phú Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Bến Tre, Thanh Hóa, Yên Bái, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quảng Bình, Nghệ An, Long An, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Kiên Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Đà Nẵng, Cà Mau, Bình Thuận, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, An Giang, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Sơn La, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	51 Nghị quyết
<b>IV</b>	<b>NGHỊ ĐỊNH TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (10 Nghị định)</b>	
1.	Nghị định số 07/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết việc bầu, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức làm việc tại xã, thị trấn và cán bộ phường của Thành phố Hồ Chí Minh	
2.	Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
3.	Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước	
4.	Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	
5.	Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
6.	Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền thành phố Hồ Chí Minh	
7.	Nghị định số số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
8.	Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	
9.	Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ thay thế Nghị định số 45/2010/NĐCP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	
10.	Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	
<b>V</b>	<b>NGHỊ QUYẾT TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (60)</b>	
1.	Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 20/02/2024 của Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại xã Chợ Chun và xã Đắc Tôi thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	
2.	Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
	tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	
3.	Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 04/5/2024 của Chính phủ về việc thông qua Tờ trình và Báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giải quyết theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025	
4.	Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 11/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới	
5.	Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	
6.	Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 21/6/2024 của Chính phủ về việc báo cáo Quốc hội về các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024	
7.	Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại	
8.	Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 24/9/2024 của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng	
9.	Nghị quyết số 151/NQ-CP ngày 24/9/2024 của Chính phủ về việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng theo trình tự thủ tục rút gọn	
10.	Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của các tỉnh, thành phố: Nam Định, Tuyên Quang, Sóc Trăng, Bắc Giang, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Khánh Hoà, Lào Cai, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Phú Yên, Thái Bình, Tiền Giang, Vĩnh Long, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Bến Tre, Thanh Hoá, Yên Bái, Thái Nguyên, Quảng Nam, Quảng Bình, Nghệ An, Long An, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Kiên Giang, Hưng Yên, Hải Dương, Đà Nẵng, Cà Mau, Bình Thuận, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, An Giang, Đồng Tháp, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Thọ, Sơn La, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	51 Nghị quyết

STT	Tên văn bản	Ghi chú
<b>VI</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ, CÔNG ĐIỆN DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH (28 Quyết định, 01 Chỉ thị, 01 Công điện)</b>	
1.	Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 09/01/2024 của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo	
2.	Quyết định 54/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Hậu Giang	
3.	Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 24/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
4.	Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ	
5.	Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chính sách cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp	
6.	Quyết định số 139/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	
7.	Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
8.	Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024	
9.	Quyết định số 06/2024/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	
10.	Quyết định 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Chính phủ	
11.	Quyết định 269/QĐ-TTg 2024 ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
12.	Quyết định 495/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thuộc tỉnh Lạng Sơn	
13.	Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 12/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	



STT	Tên văn bản	Ghi chú
14.	Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025	
15.	Quyết định 520/QĐ-TTg ngày 27/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về công nhận xã An toàn khu tại tỉnh Vĩnh Long	
16.	Quyết định 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 sửa đổi Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
17.	Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội	
18.	Quyết định số 107/QĐ-BCĐ ngày 19/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ (từ khoá XII đến khoá XV)	
19.	Quyết định số 1098/QĐ-TTg ngày 03/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
20.	Quyết định số 1116/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lưu trữ	
21.	Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 10/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 về thành lập BCĐ đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
22.	Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	
23.	Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	
24.	Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Bến Tre	
25.	Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
	Trà Vinh	
26.	Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Quảng trị	
27.	Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	
28.	Quyết định số 1477/QĐ-TTg ngày 27/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	
29.	Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới ĐBĐB toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI	
30.	Công điện số 11/CD-TTg ngày 30/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm nếp sống văn minh, an toàn, tiết kiệm trong các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Lễ hội Xuân 2024	
<b>VII</b>	<b>THÔNG TƯ, VĂN BẢN HỢP NHẤT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH (13 Thông tư, 10 Văn bản hợp nhất)</b>	
1.	Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	
2.	Thông tư số 02/2024/TT-BNV ngày 12 /6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2014/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” và việc khen thưởng tổng kết kháng chiến	
3.	Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Nội vụ	
4.	Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
	ngạch công chức	
5.	Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức	
6.	Thông tư 06/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
7.	Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội	
8.	Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc	
9.	Thông tư số 09/2024/TT-BNV ngày 26/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ	
10.	Thông tư số 10/2024/TT-BNV ngày 10/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản QPPL do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	
11.	Thông tư số 11/2024/TT-BNV ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc lập, quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính	
12.	Thông tư số 12/2024/TT-BNV ngày 08/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	
13.	Thông tư số 13/2024/TT-BNV ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2024/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định việc xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong đã được thành lập và hoạt động trong các thời kỳ đối với đơn vị chưa được xác định phiên hiệu	
14.	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	

STT	Tên văn bản	Ghi chú
15.	Văn bản hợp nhất số 02/VBHN ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ	
16.	Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 23/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất thông tư hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức	
17.	Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ	
18.	Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV ngày 20/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
19.	Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 22/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định Quy định về cơ quan thuộc Chính phủ	
20.	Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 23/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
21.	Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNV ngày 03/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập	
22.	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BNV ngày 16/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức giữa Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/2/2023 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024	
23.	Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNV ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức giữa Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024	

**Phụ lục II****DỰ KIẾN CÁC NHIỆM VỤ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN NĂM 2025***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BNV ngày / 12/2024 của Bộ Nội vụ)*

STT		NỘI DUNG
<b>I</b>		<b>LUẬT (03 )</b>
1	1.	Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi)
2	2.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)
3	3.	Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)
<b>II</b>		<b>NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI (01)</b>
4	1.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
<b>III</b>		<b>NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ (13)</b>
5	1.	Nghị định hướng dẫn Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng.
6	2.	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ năm 2024
7	3.	Nghị định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị
8	4.	Nghị định sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020) và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020).
9	5.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức
10	6.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
11	7.	Nghị định quy định về chế độ chính sách đối với chuyên gia cao cấp
12	8.	Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng
13	9.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế
14	10.	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
15	11.	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ

STT		NỘI DUNG
16	12.	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo
17	13.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ và Lao động (sau sáp nhập)
<b>IV</b>		<b>THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ (09)</b>
18	1.	Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng
19	2.	Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ
20	3.	Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số
21	4.	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ
22	5.	Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực nội vụ
23	6.	Thông tư thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BNV ngày 10/6/2016 hướng dẫn một số nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo
24	7.	Thông tư hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội
25	8.	Thông tư thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BNV ngày 10/12/2012 quy định quy trình, nội dung thanh tra về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức
26	9.	Thông tư hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã
<b>V</b>		<b>CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN (07)</b>
27	1.	Báo cáo sơ kết công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025
28	2.	Tham mưu tổ chức Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt thanh niên năm 2025
29	3.	Xây dựng báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 về việc thực hiện cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội theo Nghị quyết số 142/2024/QH15
30	4.	Báo cáo kết quả hướng dẫn giúp đỡ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc năm 2025
31	5.	Công tác đối với Công giáo Việt Nam trong tình hình mới
32	6.	Tham mưu tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI
33	7.	Phân định ranh giới quản lý biển, đảo đối với 28 tỉnh, thành phố có biển

# THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

## 1. Bộ Thông tin và Truyền thông

### Tham luận về “Chuyển đổi số là động lực cho phát triển”

Chuyển đổi số Việt Nam đã bước sang năm thứ 05. Với phát biểu về chuyển đổi số của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm vào đúng ngày lập nước 02/9/2024, thì chuyển đổi số Việt Nam đã thực sự trở thành sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng và toàn dân ta. Chỉ khi chuyển đổi số trở thành sự nghiệp, thành công việc hằng ngày của toàn Đảng, toàn dân thì giá trị của chuyển đổi số mang lại cho đất nước mới thực sự là to lớn. Chỉ khi đó, chuyển đổi số mới là động lực chính cho phát triển.

Có thể coi 04 năm qua là khởi động, là thí điểm, là thành công bước đầu ở một số lĩnh vực, là hình thành lý luận và cách làm chuyển đổi số Việt Nam. Và năm thứ 05 này, nó đã thực sự trở thành sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chuyển đổi số trở thành trọng tâm trong hoạt động của Đảng, Nhà nước và vì vậy, cần có đột phá chiến lược cho chuyển đổi số để chuyển đổi số góp phần quan trọng vào hoàn thành 2 mục tiêu trăm năm. Đó là đột phá về thể chế số, hạ tầng số, dữ liệu số và cán bộ số.

Kỷ nguyên số hoá đã bước vào giai đoạn ba. Giai đoạn một là số hoá thông tin. Thí dụ của nó là văn bản giấy thì được số hoá và lưu trữ, xử lý trên máy tính; Giai đoạn hai là số hoá quy trình, số hoá từng chức năng theo chiều dọc, còn gọi là ứng dụng CNTT. Thí dụ của nó là phần mềm quản trị nhân lực; Giai đoạn ba là số hoá tổ chức, là số hoá theo chiều ngang, là đưa toàn bộ hoạt động của tổ chức lên môi trường số, là thay đổi cách vận hành của tổ chức, còn gọi là chuyển đổi số. Thí dụ của nó là không còn việc cấp dưới báo cáo cấp trên, cấp trên muốn có thông tin gì, phân tích gì thì dùng phần mềm để khai thác kho dữ liệu của tổ chức.

Chuyển đổi số ở Việt Nam có sự khác biệt. Vì nhiều việc của giai đoạn một, giai đoạn hai vẫn chưa xong. Nhưng không nhất thiết phải xong giai đoạn một mới đến hai rồi mới đến ba, mà là ba trong một luôn. Đặc điểm lớn nhất của chuyển đổi số ở Việt Nam là ba trong một. Thực hiện chuyển đổi số cả tổ chức cùng với việc số hoá dữ liệu, cùng với việc số hoá quy trình. Ba trong một cùng với việc sử dụng những công nghệ số mới nhất sẽ giúp cho công cuộc chuyển đổi số nhanh hơn và rẻ hơn. Cái may mắn của Bộ Nội vụ là giai đoạn một và hai chưa làm được nhiều và vì vậy mà có cơ hội ứng dụng những nền tảng số hiện đại nhất để đẩy nhanh chuyển đổi số.

Ở Việt Nam chúng ta, qua 04 năm chuyển đổi số thì cơ bản các yếu tố công nghệ để thực hiện chuyển đổi số đã sẵn sàng, đã có một số thành công bước đầu rất đáng khích lệ, bây giờ quyết định sự thành công của công cuộc chuyển đổi số quốc gia sẽ là người đứng đầu các cấp.

Trong nhiều năm qua, đã có nhiều dự án CNTT, nhưng mức độ sử dụng chưa cao. Tại sao nhiều dự án CNTT không thành công, không mang lại hiệu quả như

mong muốn? Không phải do CNTT khó mà lại là do CNTT dễ. Để viết được một sản phẩm CNTT 4-5 điểm, tức là chạy được, thì rất nhiều người làm được, nhà nhà làm được. Nhưng sản phẩm CNTT 4-5 điểm mà đưa vào sử dụng thì bất tiện hơn là không có và vì vậy, không được đón nhận. Chỉ có sản phẩm CNTT xuất sắc thì mới thay thế được cách làm cũ. Nhưng một sản phẩm CNTT xuất sắc thì lại rất không dễ, số người có thể làm được giảm xuống rất đáng kể. Bởi vậy mà việc chọn đúng người làm có ý nghĩa quyết định thành công của một dự án CNTT.

Để sản phẩm CNTT thành công, vai trò người đứng đầu rất quan trọng. Người đứng đầu không chỉ là chỉ đạo mà phải trực tiếp làm, trực tiếp dùng. chuyển đổi số là trải nghiệm, nếu người đứng đầu không dùng các công cụ số trong công việc hằng ngày thì sẽ rất khó chỉ đạo công tác chuyển đổi số. Người Trung Quốc nói về chuyển đổi số như sau: người đứng đầu phải thực sự muốn làm, làm trực tiếp và thành thạo sử dụng. Nếu người đứng đầu mà không trực tiếp vào cuộc, không trực tiếp chỉ đạo, không trực tiếp làm, không trực tiếp dùng, không trực tiếp tự mình chuyển đổi thì sẽ không thành công.

Một trong những yếu tố quyết định thành công và hiệu quả của ứng dụng CNTT là hãy biến nó thành một nền tảng làm việc của toàn bộ tổ chức, của toàn bộ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nếu không vào nền tảng này là không làm việc được, mọi hoạt động của công viên chức phải được thực hiện trên nền tảng, không còn công việc nào diễn ra ngoài nền tảng. Và cũng vì vậy mà có thể giao việc cho từng người trên nền tảng, theo dõi kết quả công việc theo thời gian thực, đánh giá tự động kết quả công việc của từng đơn vị cũng như của từng người. Quản trị thực thi sẽ không thể thực hiện được nếu như mọi người không làm việc trên một nền tảng số dùng chung.

Chuyển đổi số ngành Nội vụ tức là toàn bộ công chức, viên chức ngành Nội vụ từ Trung ương tới tỉnh, tới huyện, tới xã sẽ làm việc chung trên một nền tảng số. Các địa phương không phải đầu tư, không phải vận hành khai thác, như các hệ thống CNTT trước đây. Nền tảng số thì toàn bộ tri thức của ngành Nội vụ đã được cấy vào phần mềm, và dễ dùng như là dùng mạng xã hội vậy, sẽ không mất nhiều công sức đào tạo sử dụng, như là các phần mềm CNTT. Một thay đổi mới của ngành sẽ được lập trình vào nền tảng số để sáng ngày hôm sau, cán bộ công chức của 63 tỉnh/thành, của hàng ngàn huyện, hàng chục ngàn xã sẽ làm giống nhau. Nền tảng số thì dữ liệu tập trung, liên thông. Không cần cấp dưới báo cáo cấp trên, sẽ giảm được rất nhiều lao động. Dữ liệu tập trung thì mới có dữ liệu lớn, để dùng trí tuệ nhân tạo phân tích, đánh giá và tạo ra giá trị mới.

Khó khăn lớn nhất đối với cán bộ công chức hiện nay là phải nhớ quá nhiều các văn bản, các quy định, các số liệu. Và các văn bản này lại đang ngày một nhiều hơn. Vậy nên, ai cũng mơ ước có thư ký giúp việc. Nhưng chỉ có cấp Thứ trưởng trở lên mới có thư ký, trợ lý, chuyển đổi số thì mỗi công chức, viên chức, người lao động ngành Nội vụ sẽ có một trợ lý ảo hỗ trợ công việc. Trợ lý này như một chuyên gia, nhớ nhiều, hỏi gì cũng được và càng ngày càng giỏi, càng dùng nhiều càng giỏi, vì nó học được tri thức của con người.



Quản lý nhà nước thì phải phân cấp. Quốc hội ra Luật, chính phủ ra Nghị định, Bộ ra Thông tư, địa phương ra các Nghị quyết, Quyết định. Có đến hàng triệu văn bản qui định như vậy và sự mâu thuẫn là tất yếu. Và không ai có đủ sức để đọc, để phân tích tìm ra mâu thuẫn của các văn bản này, và vì vậy mà rất khó quản lý thống nhất. Chỉ có công nghệ trí tuệ nhân tạo là làm được việc này. Ngành Nội vụ rất nên xây dựng công cụ AI để phát hiện mâu thuẫn của các văn bản qui định trong ngành.

Đào tạo, bồi dưỡng theo cách truyền thống vẫn là tập trung lại và có người giảng. Đi lại, ăn ở tốn kém và mất thời gian, người giảng lại có thể không hay. chuyển đổi số thì tạo ra nền tảng đào tạo trực tuyến. Nền tảng đào tạo số thì sẽ là bài giảng hay nhất, cán bộ công chức học lúc nào cũng được, thi lúc nào cũng được.

Cơ sở dữ liệu công chức, viên chức, người lao động của bộ máy nhà nước mặc dù là thuộc giai đoạn làm CNTT, nhưng vì chưa làm nên cần làm ngay, vì nó là điều kiện cần để thực hiện chuyển đổi số ngành Nội vụ.

Chuyển đổi số thì có tốn kém nhiều không? Nếu so sánh với các hạ tầng khác thì không tốn kém. Một vài km đường cao tốc là đã có thể chuyển đổi số cả ngành Nội vụ. Chính phủ đề xuất và Quốc hội đã quyết định chi thêm ngân sách cho chuyển đổi số, để góp phần phục hồi và phát triển triển kinh tế – xã hội. Đại hội XIII của Đảng cũng đã xác định chuyển đổi số là động lực phát triển Việt Nam trong những thập kỷ tới.

Chuyển đổi số thì có thể làm nhanh không? chuyển đổi số thì làm nhanh tốt hơn làm chậm. Việc 5 năm nên làm 1 năm. Bởi vì công nghệ đã sẵn sàng, nhiều nền tảng số đã được phát triển, các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đủ sức giải quyết các bài toán của ngành Nội vụ.

Xin chúc cho công cuộc chuyển đổi số ngành Nội vụ diễn ra nhanh, hiệu quả và góp phần tinh, gọn, hiệu lực, hiệu quả của công cuộc tinh gọn bộ máy nhà nước./.

## 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

### Tham luận về “Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng cải cách chế độ công vụ, công chức ngành Tài nguyên và Môi trường”

Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) là cơ quan thuộc Chính phủ, được thành lập theo Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05/8/2002 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ nhất. Theo quy định tại Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ<sup>43</sup>, Bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đều là những lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, sự phát triển bền vững của đất nước; liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

Năm 2024, tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; bám sát chủ đề điều hành của Chính phủ “*Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững*”, trong năm qua, Bộ TN&MT đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, qua đó đạt được những kết quả rất tích cực trong xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của đất nước nói chung và ngành Tài nguyên và Môi trường nói riêng. Một số kết quả cụ thể như:

**Một là**, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách về tài nguyên và môi trường, bảo đảm bám sát chủ trương, định hướng của Đảng; tăng cường tính công khai, minh bạch, quản lý, sử dụng hiệu quả, chặt chẽ tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính (TTHC); bổ sung, hoàn thiện chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường<sup>44</sup>. Chú trọng sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế liên quan tới hoạt động công vụ theo hướng chặt chẽ, cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ địa chỉ; bảo đảm sự thống nhất giữa các chủ trương của Đảng, thể chế, chính sách của Nhà nước và đặc điểm tình hình của Bộ<sup>45</sup>.

<sup>43</sup> Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

<sup>44</sup> Bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung cao độ, với tinh thần quyết tâm cao nhất, huy động mọi nguồn lực tổ chức xây dựng sửa đổi, bổ sung 03 luật hiện hành về quản lý tài nguyên, gồm: Luật Đất đai 2024, Luật Địa chất và Khoáng sản 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023;...

<sup>45</sup> Bộ TN&MT đã xây dựng, ban hành: Thông tư quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức ngành tài nguyên và môi trường; Thông tư quy định về điều kiện, tiêu

**Hai là**, chú trọng và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ bảo đảm tinh gọn, xóa bỏ tầng nấc trung gian; theo đó, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Bộ TN&MT từng bước được đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; giải thể hoặc sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức hoạt động không hiệu quả. Số lượng tổ chức và số lượng lãnh đạo, quản lý giảm nhiều, nhất là cấp phòng. Có thể thấy, tổ chức bộ máy của Bộ TN&MT đã thực sự tinh gọn so với trước, góp phần làm giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ.

**Ba là**, thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức (CBCC) theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ của CBCC; tạo môi trường thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Triển khai việc xác định danh mục vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo ngạch trong các cơ quan, tổ chức; đồng thời triển khai xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm, từng chức danh lãnh đạo, quản lý<sup>46</sup>.

**Bốn là**, đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), trọng tâm là cải cách TTHC. Công tác CCHC luôn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, được Bộ quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện với quyết tâm cao nhất. Bộ đặt ra yêu cầu đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp theo hướng chú trọng thực chất, hiệu quả, tăng cường hướng về địa phương, cơ sở; thường xuyên quán triệt, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và sự phối hợp của các tổ chức đảng, đoàn thể trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC; gắn trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị với thực hiện CCHC; đưa nội dung, kết quả thực hiện CCHC vào các cuộc họp, chương trình giao ban định kỳ của Bộ.

Với sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, sự nỗ lực trong thực hiện nhiệm vụ CCHC trong thời gian qua, công tác CCHC của Bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu, kết quả quan trọng, thể hiện rõ nét nhất thông qua kết quả Chỉ số CCHC (*PAR INDEX*) của Bộ những năm gần đây thường xuyên đạt được thứ hạng cao, tăng dần đều trong bảng xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC của các Bộ, cơ quan ngang bộ<sup>47</sup>.”

---

chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành TN&MT; các Quy chế, Quy định trong công tác quản lý công chức, viên chức;...

<sup>46</sup> Ban hành 07 Thông tư theo thẩm quyền về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, vị trí việc làm công chức, viên chức và chế độ chính sách, trong đó: 01 Thông tư quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở TN&MT trực thuộc UBND cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc UBND cấp huyện; 02 Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm; 01 Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành TN&MT; 01 Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực TN&MT; 02 Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực TN&MT.

<sup>47</sup> Chỉ số CCHC của Bộ giai đoạn 2016 - 2021 được cải thiện tăng dần đều qua các năm. Năm 2016, Chỉ số CCHC của Bộ đạt 49,53 điểm, xếp thứ 16/19; năm 2017 đạt 50,94 điểm, xếp thứ 10/19; năm 2018 đạt 52,17 điểm, xếp thứ 9/18; năm 2019 đạt 54,16 điểm, xếp thứ 7/17; năm 2020 đạt 58,32, xếp

*Năm là*, chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin<sup>48</sup>, vận hành Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số trong ngành TN&MT tiếp tục được Bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt. Bước đầu đã tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành của của các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; hạ tầng số, nền tảng số, an toàn thông tin được hiện đại hóa, đồng bộ, thống nhất; công tác chỉ đạo, điều hành cơ bản đã được thực hiện trên môi trường điện tử; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, công tác cải cách chế độ công vụ, công chức của Bộ cũng còn những nội dung, yêu cầu chưa đạt kết quả như mong muốn. Chất lượng đội ngũ CBCC còn chưa đồng đều giữa các lĩnh vực; có lúc, có nơi vẫn còn CBCC chưa làm hết trách nhiệm khi giải quyết công việc. Việc tinh giản biên chế tuy đạt được chỉ tiêu về số lượng nhưng còn mang tính cơ học, chưa thực sự gắn kết với việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và theo vị trí việc làm.

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng công tác cải cách chế độ công vụ, công chức ngành Tài nguyên và Môi trường, hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong thời gian tới Bộ TN&MT tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Tiếp tục làm tốt công tác xây dựng Đảng, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, lối sống, đạo đức và kết quả thực hiện công việc được giao. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 21-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách thực chất, tránh phô trương, hình thức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và từng cán bộ, công chức; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực thi công vụ. Thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực thi công vụ ở các cấp và công khai, minh bạch kết quả đánh giá.

(2) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường theo hướng khắc phục những hạn chế, bất cập, chồng chéo và khoảng trống pháp lý; bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, thống nhất; quản lý dựa trên nguyên tắc tiếp cận thị trường; tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về Tài nguyên và Môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường thực thi chính

---

thứ 5/17; năm 2021 đạt 87,14, xếp thứ 6/17; năm 2022 đạt 86,59 điểm, xếp thứ 6/17; năm 2023 đạt 87,01 điểm, xếp thứ 5/17.

<sup>48</sup> Bộ đã triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin công chức, viên chức của Bộ nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý công chức, viên chức ngành TN&MT, hướng tới Chính phủ điện tử tại các đơn vị; ban hành Quy chế quản lý, khai thác Hệ thống thông tin công chức, viên chức Bộ TN&MT; triển khai cập nhật và tập huấn sử dụng hệ thống thông tin công chức, viên chức của Bộ TN&MT.

sách, pháp luật; sửa đổi các quy định về chế tài xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa pháp luật hành chính và hình sự.

(3) Tiếp tục rà soát kiện toàn bộ máy, phân định rõ trách nhiệm quản lý, tránh chồng chéo, trùng lặp, bỏ trống về chức năng nhiệm vụ giữa các Bộ, ngành. Tăng cường cơ chế quản lý tổng hợp, phối hợp liên ngành, liên vùng. Nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức ngành môi trường phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công tác bảo vệ môi trường và quá trình hội nhập quốc tế. Tiếp tục bám sát chỉ đạo, yêu cầu của Trung ương, của Chính phủ, tiến hành đánh giá toàn diện, kỹ lưỡng về tình hình và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ, của ngành Tài nguyên và Môi trường đạt được, xác định rõ những bất cập, nguyên nhân để đề xuất đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông.

(4) Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý công chức trên các nội dung quản lý như tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm; gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng; sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản biên chế, đào tạo, bồi dưỡng ...; thực hiện quản lý cán bộ theo kết quả đầu ra của vị trí việc làm và chức danh lãnh đạo, quản lý.

(5) Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; đổi mới nội dung, chương trình, tài liệu, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng nâng cao kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ gắn với vị trí việc làm và chức danh lãnh đạo, quản lý; bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả./.

### 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

#### **Tham luận về “Kết quả triển khai thực hiện việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư”**

Trong thời gian qua, quy định pháp luật trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư được xây dựng theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng về hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh<sup>49</sup>, trong đó bao gồm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát...

Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua nhiều dự án luật quan trọng như *Luật Đầu tư công (sửa đổi)*, *Luật Đầu thầu (sửa đổi)*, *Luật Đầu tư (sửa đổi)*, *Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư*; *Luật số 03 /2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công*, *Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư*, *Luật Đầu tư*, *Luật Nhà ở*, *Luật Đấu thầu*, *Luật Doanh nghiệp*; *Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch*, *Luật Đầu tư*, *Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư* và *Luật Đấu thầu* để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc về thể chế, pháp luật nhằm khơi thông nguồn lực cho đầu tư phát triển, đẩy mạnh phân cấp quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp...

Chính phủ cũng đã trình Quốc hội ban hành các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường cho một số địa phương để tạo cơ chế đột phá, phát huy tiềm năng, lợi thế, thu hút nguồn lực đầu tư để phát triển nhanh, bền vững, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển, tạo động lực thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế - xã hội ...

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 nhằm đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa các bộ, ngành với chính quyền địa phương...

Trên cơ sở triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện việc đẩy mạnh phân cấp trong quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật được giao như sau:

#### **1. Trong lĩnh vực đầu tư công**

Ngay từ 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội thông qua Luật số 03 /2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công để phân cấp cho Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và C; phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài nhằm cải cách thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nâng cao vai trò và trách nhiệm của cơ quan chủ quản...

<sup>49</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Gần đây nhất, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Luật này cụ thể hoá và thể hiện sâu sắc tinh thần đột phá, cải cách, phân cấp, phân quyền của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ theo phương châm chuyển đổi từ “quản lý” sang “kiến tạo phát triển”, từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, Chính phủ giữ vai trò kiến tạo, tăng cường hoàn thiện thể chế và kiểm tra, giám sát; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, không để đùn đẩy trách nhiệm, tránh tạo cơ chế “xin-cho”... Luật này đã thể chế hóa việc phân cấp, phân quyền trong quản lý đầu tư công từ cấp quản lý cho cấp trực tiếp triển khai thực hiện kế hoạch, dự án thông qua 08 chính sách chủ yếu như sau:

- Phân cấp thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương (NSTW) giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ.

- Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng chung vốn NSTW trong kế hoạch đầu tư công trung hạn từ Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nâng quy mô vốn đầu tư công của dự án quan trọng quốc gia từ 10.000 tỷ đồng lên 30.000 tỷ đồng trở lên; của dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C với quy mô gấp 2 lần so với các quy định hiện hành.

- Phân cấp thẩm quyền cho người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do cơ quan, tổ chức mình quản lý với quy mô vốn dưới 10.000 tỷ đồng.

- Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý.

- Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý.

- Phân cấp thẩm quyền gia hạn thời gian bố trí vốn NSTW từ Thủ tướng Chính phủ cho cấp quyết định chủ trương đầu tư; vốn ngân sách địa phương từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

- Phân cấp thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Dự kiến, chính sách nêu trên sẽ phát huy hiệu quả trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, đáp ứng yêu cầu phát triển, thực hiện 03 đột phá chiến lược, nhất là đột phá về kết cấu hạ tầng trong thời gian tới.

## **2. Trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi Luật Đầu tư để phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án nhà ở, khu đô thị có quy mô sử dụng đất

dưới 300 ha hoặc quy mô dân số dưới 50.000 người và các dự án thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

Tiếp đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì tham mưu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư để phân cấp thẩm quyền của chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng và dự án đầu tư không phân biệt quy mô thuộc phạm vi bảo vệ của khu vực I và khu vực II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

Việc phân cấp nêu trên là phù hợp nhằm cải cách thủ tục đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao vai trò, trách nhiệm và sự chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

### **3. Trong lĩnh vực đối tác công tư**

Luật số 57/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư nhằm đẩy mạnh phân cấp trong quá trình thực hiện dự án PPP, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương và đơn giản hoá thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như phân cấp cho Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP phê duyệt dự án PPP, bổ sung chi phí chuẩn bị và triển khai dự án PPP để đồng bộ với Luật Đầu tư công (sửa đổi)...

### **4. Trong lĩnh vực đấu thầu**

Một trong những quan điểm chỉ đạo nhất quán, quyết liệt trong quá trình xây dựng Luật Đấu thầu năm 2023 và Luật số 57/2024/QH15 là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả. Theo đó, Luật số 57/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu nhằm phân cấp mạnh mẽ cho phép người có thẩm quyền được ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, cho phép chủ đầu tư được tự phê duyệt các bước từ hồ sơ mời thầu đến kết quả lựa chọn nhà thầu mà không phải trình lên người có thẩm quyền phê duyệt. Chính sách này bảo đảm phát huy tính chủ động, linh hoạt, đề cao tinh thần trách nhiệm của chủ đầu tư giúp đẩy nhanh tiến độ dự án.

Đồng thời, Luật số 57/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm bảo đảm linh hoạt trong điều hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi cần thiết, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trên tinh thần của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm là địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; Trung ương, Quốc hội, Chính phủ chỉ ban hành cơ chế, định hướng, thiết kế công cụ giám sát, kiểm tra.

Ngoài ra, với chủ trương rút ngắn tối đa thời gian đàm phán, ký kết cá điều



ước quốc tế, thỏa thuận vay, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho việc huy động nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ nước ngoài, Luật cũng cho phép Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng theo quy định của nhà tài trợ hoặc của tổ chức quốc tế khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật này.

### 5. Trong lĩnh vực quy hoạch

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch để tăng cường phân cấp, phân quyền, bảo đảm đáp ứng cao nhất yêu cầu của thực tiễn phát triển, đặc biệt là phân quyền cho địa phương, cụ thể là:

- Phân quyền quyết định điều chỉnh quy hoạch theo thủ tục rút gọn cho Bộ trưởng đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quy hoạch tỉnh.

- Phân quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia cho Bộ trưởng và quy hoạch tỉnh cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### 6. Trong lĩnh vực khác

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành các Nghị quyết thí điểm đối với các địa phương Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, thành phố Hải Phòng, Nghệ An, thành phố Cần Thơ, Thanh Hóa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đã quy định nhiều **chính sách về phân cấp, phân quyền cho địa phương** liên quan đến điều chỉnh quy hoạch, quản lý rừng, đất lúa, đất đai và quản lý về đầu tư công như phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; Phân cấp HĐND cấp tỉnh chuyên đổi mục đích sử dụng rừng đối với quy mô thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Phân cấp HĐND tỉnh chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 02 vụ đối với quy mô thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; Phân cấp cho thành phố HCM được bố trí vốn đầu tư công cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ hộ nghèo, giải quyết việc làm; bố trí NSNN cho Công ty tài chính của Thành phố; Đầu tư các dự án quốc lộ, cao tốc và đầu tư cho địa phương khác...

Việc phân cấp, phân quyền được thực hiện gắn liền với quá trình hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số, qua đó góp phần kiện toàn bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, trong đó Chính phủ, các bộ, ngành tập trung thực hiện chức năng quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, nâng cao năng lực điều hành và tổ chức thực hiện. Trong thời gian tới, Bộ KH&ĐT sẽ tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, đề xuất sửa đổi bổ sung thể chế chính sách để tạo điều kiện cho việc thực hiện tốt hơn việc phân cấp, phân quyền./.

#### **4. Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)**

**Tham luận về “Triển khai nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội và quỹ từ thiện sửa đổi nghị định số 93/2019/NĐ-CP; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trong thời gian tới”**

Trải qua các thời kỳ cách mạng và trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng công tác tập hợp, đoàn kết quần chúng, phát huy sức mạnh của các hội, quỹ xã hội quỹ từ thiện, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, theo quy định của pháp luật. Hiện nay, các hội, quỹ xã hội đã phát triển về số lượng, đa dạng các loại hình tổ chức và hoạt động trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Đến tháng 12/2023, tổng số hội trong cả nước là 71.891 hội, trong đó có 603 hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc và tổng số quỹ trong cả nước là 3.158 quỹ trong đó có 99 quỹ có phạm vi hoạt động trên toàn quốc.

Nhìn chung, các hội, quỹ hoạt động cơ bản đều tuân thủ pháp luật và điều lệ, phát huy được vai trò tập hợp, đoàn kết và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên. Tuy nhiên, các hội, quỹ còn chưa chú trọng nhiều đến việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, cá biệt còn có một số hội, quỹ mất đoàn kết trong nội bộ. Công tác quản lý nhà nước, quản lý tài chính và tạo điều kiện cho các hội, quỹ hoạt động từng bước được đổi mới, tăng cường nhằm đảm bảo các hội, quỹ được thành lập và hoạt động đúng quy định của pháp luật và điều lệ. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động của hội, quỹ còn hạn chế, bất cập như việc phân công, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; thiếu chế tài xử lý vi phạm đối với các hội... Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại về hội, quỹ, tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Thông báo Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương; cũng như căn cứ các quy định của pháp luật và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội, quỹ theo quy định, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010; Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ

xã hội, quỹ từ thiện.

## **1. Quan điểm xây dựng Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP**

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội, quỹ theo quy định của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội, quỹ trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng;

- Kế thừa các quy định phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật về hội, quỹ; bổ sung các quy định bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn;

- Tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **2. Những điểm mới của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP**

Nghị định số 126/2024/NĐ-CP số 126/2024/NĐ-CP gồm 08 Chương 53 Điều, thêm 11 Điều so với Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Về cơ bản, Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đã kế thừa các quy định còn phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về hội; đồng thời bổ sung các quy định để thể chế hóa chủ trương của Đảng, vừa tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam và đảm bảo công tác quản lý của Nhà nước về hội. Cụ thể:

a) Nhóm quy định chung cho các hội: (i) Bổ sung đối tượng không chịu sự điều chỉnh của Nghị định: “cơ sở tín ngưỡng”; “tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động”; (ii) Bổ sung quy định hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi cấp xã; (iii) Bổ sung Điều quy định về chính sách của Nhà nước đối với hội, về cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội, về Cơ sở dữ liệu về hội.

Quy định thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội: (i) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn; (ii) Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải quyết các thủ tục về hội đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh; (iii) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các thủ tục về hội đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh và (iv) Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết các thủ tục về hội đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Tương tự như vậy, về thẩm quyền công nhận Ban vận động thành lập hội, quy định được giao cho (i) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; (ii) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi tỉnh; (iii) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

b) Nhóm quy định về quyền và nghĩa vụ, chính sách, chế độ, hoạt động của

hội nói chung và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nói riêng: (i) Thẻ chế hoá chủ trương của Đảng, Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đã bãi bỏ tên gọi hội có tính chất đặc thù, quy định cụ thể “hội do đảng Nhà nước giao nhiệm vụ”; (ii) Bổ sung quy trình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được giao (Điều 27); (iii) bổ sung một số nội dung về quyền, nghĩa vụ của hội; xây dựng 01 chương riêng quy định rõ đối với hội do Đảng Nhà nước giao nhiệm vụ.

c) Nhóm quy định về điều kiện thành lập hội: Bổ sung quy định điều kiện mới về “có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội” và số công dân, tổ chức theo đơn vị hành chính đối với từng phạm vi hoạt động của hội.

d) Nhóm quy định về tổ chức của hội: (i) Bổ sung quy định về hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội; (ii) Bổ sung quy định đối với nhân sự dự kiến tham gia chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội phải có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; (iii) Bổ sung hình thức tổ chức Đại hội: Đại hội có thể tổ chức trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến và bổ sung trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội xác nhận tính hợp pháp khi hội đã tổ chức đại hội đúng quy định;

đ) Nhóm quy định về hoạt động của hội: (i) Bổ sung trách nhiệm của hội phải lấy ý kiến của cơ quan nhà nước cho phép thành lập hội về việc thành lập tổ chức pháp nhân trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền; quy định chấm dứt hoạt động của các tổ chức thuộc hội khi hội giải thể; (ii) bổ sung quy định việc giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội được giao cho Ban Kiểm tra Hội tham mưu, giải quyết, nếu không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết.

e) Nhóm quy định về đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội: (i) bổ sung quy định trường hợp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội khi thay đổi địa giới hành chính; (ii) bổ sung quy định hội tự giải thể để đơn giản hóa thủ tục hành chính. Ngoài ra, Nghị định đã bổ sung các chế tài xử lý khi hội vi phạm.

g) Nhóm quy định về điều khoản thi hành: Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đã bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật đã được tích hợp vào Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và quy định mẫu trình bày văn bản trên cơ sở kế thừa các mẫu trình bày văn bản còn phù hợp.

### **3. Những điểm mới của Nghị định số 136/2024/NĐ-CP**

- Bổ sung thêm lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, nông thôn vào mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ và rà soát, chỉnh sửa đề đồng bộ, thống nhất giữa quy định mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ với quy định về giải thích từ ngữ của “Quỹ xã hội”, “Quỹ từ thiện”.

- Bổ sung quy định về giải thích từ ngữ về “Người có quan hệ gia đình” tại khoản 7 Điều 4; Sửa đổi quy định về việc sáng lập viên thành lập quỹ, Hội

đồng quản lý quỹ không phải là người có quan hệ gia đình.

- Chính sửa quy định về tên gọi của quỹ đáp ứng điều kiện phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của quỹ và không gắn tên riêng với của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các chức sắc tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng, của các thành viên Ban sáng lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ và người có quan hệ gia đình với thành viên Ban Sáng lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ; bổ sung quy định riêng về biểu tượng của quỹ.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền và nghĩa vụ của quỹ: việc tổ chức, thành lập, quản lý pháp nhân trực thuộc quỹ; về phạm vi tài trợ, hỗ trợ; thời gian, thời hạn báo cáo tổ chức, hoạt động và tài chính của quỹ.

- Chính sửa các quy định để đơn giản hóa các tài liệu trong các thủ tục hành chính về việc yêu cầu lý lịch tư pháp của các thành viên Ban sáng lập quỹ, thành viên Hội đồng quản lý quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ; chỉnh sửa quy định về thủ tục, hồ sơ công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung của quỹ; cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; chỉnh sửa, bổ sung quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục về việc mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ; bổ sung quy định về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ khi thay đổi địa giới hành chính.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính về quỹ xã hội, quỹ từ thiện từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh về Chủ tịch UBND cấp huyện trong huyện, xã trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động.

- Chính sửa quy định về định mức chi hoạt động quản lý quỹ; Chính sửa, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Nội vụ; bộ, cơ quan ngang bộ đối với quỹ hoạt động thuộc lĩnh vực do bộ, ngành quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**4.** Việc ban hành Nghị định 126/2024/NĐ-CP, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP đã tạo khung pháp lý đồng bộ và hiệu quả cho hoạt động hội, quỹ kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội, quỹ đáp ứng những yêu cầu đặt ra của công tác quản lý nhà nước, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình quản lý hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Để góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về hội, quỹ, phát huy vai trò tích cực của các hội, quỹ trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đề nghị:

**a) Đối với các Bộ, ngành**

- Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện hoạt động thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành quản lý trong phạm vi cả nước được Chính phủ giao tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

- Sớm ban hành cơ chế, chính sách để hội tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó cần siết chặt việc cho phép thành lập và quản lý chặt chẽ các pháp nhân trực thuộc hội; hàng năm kiểm tra hoạt động của các pháp nhân này.

- Trong thời gian tới, các Bộ, ngành cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ, kịp thời hơn với Bộ Nội vụ trong việc thực hiện các thủ tục thành lập hội, quỹ, cho phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ, công tác nhân sự của hội, quỹ thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo thời hạn giải quyết theo quy định; kiểm tra công tác hội, quỹ. Quan tâm bố trí công chức có năng lực, kinh nghiệm theo dõi công tác hội, quỹ.

#### b) Đối với các địa phương

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản có liên quan của Đảng về công tác hội, quỹ, nhất là Kết luận số 102-KL/TW, Thông báo số 158-TB/TW; Quyết định số 118-QĐ/TW; quán triệt, thực hiện các chủ trương mới ban hành của Đảng về hội quần chúng; chú ý công tác nhân sự tham gia hội, quỹ thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP đến các hội, quỹ nhằm hướng dẫn, tạo điều kiện để hội, quỹ thực hiện đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ trong phạm vi địa phương theo đúng thẩm quyền quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP. Sở Nội vụ, Sở Tài chính cần phối hợp với các sở ngành có liên quan để tham mưu UBND cấp tỉnh tham mưu chế độ, chính sách của địa phương đối với hội và người làm công tác hội theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định; xây dựng cơ sở dữ liệu về hội, quỹ có phạm vi hoạt động tại địa phương;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, điều lệ đối với các hội, quỹ, đảm bảo các hội, quỹ hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; đối với các hội, quỹ không thực hiện đúng Điều lệ và quy định của pháp luật thì áp dụng chế tài phù hợp./.

## 5. Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)

### Tham luận về “Vai trò của Bộ Nội vụ trong đào tạo nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ số”

Chúng ta đang bước vào những ngày cuối cùng của năm với nhiệm vụ tổng kết những hoạt động công tác năm 2024, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của ngành Nội vụ. Hội nghị hôm nay có lẽ rất khác với những cuộc tổng kết các năm trước, bởi lẽ Hội nghị diễn ra trong không khí đặc biệt của sự quyết tâm, nỗ lực, khẩn trương và quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân, toàn hệ thống chính trị để thực hiện các nhiệm vụ: sắp xếp bộ máy nhà nước **Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả**; cơ cấu lại, nâng cao chất lượng và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác chuyển đổi số quốc gia. Đây là những nhiệm vụ trọng yếu, là động lực để đưa đất nước ta vươn mình trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự phát triển, kỷ nguyên của sự giàu mạnh và kỷ nguyên của sự thịnh vượng.

Trong thời gian qua, bên cạnh việc tham mưu chính sách pháp luật cho Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy, về công chức công vụ, chính quyền địa phương, ... thì một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Bộ Nội vụ quan tâm thực hiện là đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số các lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó đặc biệt là chuyển đổi số lĩnh vực văn thư, lưu trữ nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ số, xã hội số, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, bên cạnh việc xây dựng thể chế chính sách, đầu tư cơ sở hạ tầng thì xây dựng nguồn nhân lực số đóng vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại trong công cuộc chuyển đổi số ngành lưu trữ. Trên tinh thần đó, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước xin tham luận tại Hội nghị với chủ đề: **“Vai trò của Bộ Nội vụ trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ số”**.

Có thể khẳng định công tác văn thư, lưu trữ có vai trò rất quan trọng trong tất cả hoạt động của các cơ quan, tổ chức từ trung ương tới địa phương, từ khu vực công đến khu vực tư, từ các cơ quan nhà nước đến các tổ chức đoàn thể, từ trường học, bệnh viện đến doanh nghiệp như: cung cấp thông tin cho quá trình quản lý chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và đặc biệt hơn cả là vai trò gìn giữ, bảo quản an toàn, phát huy giá trị pháp lý, thực tiễn, văn hóa, kinh tế xã hội, lịch sử, khoa học của tài liệu lưu trữ - khối tài sản quý giá của quốc gia, dân tộc.

Ngành văn thư, lưu trữ thật tự hào khi được giao trách nhiệm quản lý trực tiếp khoảng 273.000 mét giá tài liệu lưu trữ với những tài liệu có giá trị đặc biệt được ghi danh là Di sản tư liệu thế giới trong Chương trình ký ức thế giới của UNESCO, là Bảo vật quốc gia. Hàng trăm ngàn tài liệu lưu trữ có giá trị đã được cung cấp, phục vụ người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức. Thông qua tài liệu lưu trữ đã góp phần khơi dậy khát vọng của thế hệ trẻ, của Nhân dân trong việc xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa,

sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế.

Với đội ngũ nhân sự 1.234 người làm công tác tham mưu quản lý nhà nước và trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ; hơn 45.000 người làm công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức; hơn 1.000 người thực hiện nghiệp vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trữ là nguồn lực quan trọng góp phần cho ngành văn thư, lưu trữ hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao trong giai đoạn vừa qua.

Tuy nhiên, với yêu cầu của chuyển đổi số quốc gia, thực hiện thành công mục tiêu “Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao” tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày 21 tháng 6 năm 2024, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Lưu trữ năm 2024. Văn bản này đã đánh dấu sự thay đổi mang tính gốc rễ, cốt lõi, căn bản, toàn diện trong công tác văn thư, lưu trữ như sau:

**Một là**, bên cạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ lưu giữ, bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ, sứ mệnh ngành lưu trữ trong giai đoạn hiện nay là phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

**Hai là**, chuyển tư duy nhận thức quản lý tài liệu từ quản lý vật mang tin sang quản lý thông tin của tài liệu;

**Ba là**, chuyển đổi mô hình quản lý lưu trữ tài liệu truyền thống sang mô hình quản lý tài liệu lưu trữ điện tử.

Điều này đã dẫn đến những thay đổi trong hoạt động văn thư, lưu trữ đó là: Sự chuyển đổi giữa tài liệu giấy là phổ biến sang tài liệu điện tử là phổ biến; việc tiếp nhận, chuyển giao văn bản từ việc thực hiện thủ công qua hệ thống sổ sách sang việc quản lý thông qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử; yêu cầu bảo quản tài liệu từ kho vật lý sang bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử trên không gian mạng và các hệ thống lưu trữ số; việc phục vụ độc giả phụ thuộc vào yếu tố địa lý sang việc phục vụ độc giả không giới hạn về không gian, thời gian.

Trước những thay đổi đó, thực tiễn ngành văn thư, lưu trữ đặt ra những vấn đề lớn cần được quan tâm: đầu tư cơ sở hạ tầng, hạ tầng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu lớn, bảo mật, an ninh, an toàn thông tin tài liệu lưu trữ và đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành văn thư, lưu trữ theo hướng: tinh gọn nhưng tinh thông, chuyên sâu về nghiệp vụ, am hiểu về công nghệ thông tin, đầy đủ kỹ năng giải quyết công việc để xây dựng nền lưu trữ Việt Nam hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, xã hội số.

Bộ Nội vụ với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ có vai trò quyết định trong việc xây dựng nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ số.



Với mục tiêu, định hướng xây dựng nguồn nhân lực chuyên sâu, chuyên cần, chuyên tâm và chuyên nghiệp, trong giai đoạn tới, một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về văn thư, lưu trữ số cần tập trung vào một số nội dung sau:

**Thứ nhất**, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, xây dựng vị trí việc làm và thực hiện chế độ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**Thứ hai**, đổi mới chương trình, tài liệu bồi dưỡng văn thư, lưu trữ theo hướng tập trung vào kỹ năng thực hành, cầm tay chỉ việc, trang bị đầy đủ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; gắn đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ với kiến thức về công nghệ thông tin, quản trị hệ thống và chuyển đổi số.

Tăng cường tổ chức bồi dưỡng về kiến thức công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm lưu trữ; bồi dưỡng kiến thức về văn thư, lưu trữ cho đội ngũ công nghệ thông tin trong các cơ quan tổ chức.

**Thứ ba**, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành văn thư, lưu trữ để nghiên cứu một cách thấu đáo, đề ra mục tiêu, giải pháp và lộ trình cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Chính phủ số, trong đó, chú trọng đến bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, quản lý; xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành để thực hiện hoạt động lưu trữ.

**Thứ tư**, thực hiện thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức cũng như tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ tại các doanh nghiệp; nghiên cứu có chế độ chính sách, ưu đãi ngành, nghề, công việc đặc thù cho người làm lưu trữ.

**Thứ năm**, tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức các khóa tập huấn cho người thực hiện nghiệp vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trữ nhất là các nghiệp vụ kiến thức về lưu trữ tài liệu lưu trữ số.

**Thứ sáu**, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bảo đảm chất lượng hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trữ.

**Thứ bảy**, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng về văn thư, lưu trữ với các nước trong Hội đồng Lưu trữ quốc tế (ICA); Chi nhánh khu vực Đông Nam Á của Hội đồng Lưu trữ quốc tế (SARBICA) và Hiệp hội Lưu trữ quốc tế các nước có sử dụng tiếng Pháp (AIAF) và các nước mà Việt Nam có quan hệ song phương như Hàn Quốc, Indonexia, Singapore... để công chức, viên chức có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng giúp quá trình hội nhập thuận lợi hơn./.

## 6. Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo chính phủ)

### Tham luận về “Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái phép trên không gian mạng và một số vấn đề cần lưu ý về phương diện quản lý nhà nước”

1. Tính đến tháng 12/2024 ở Việt Nam, Nhà nước đã công nhận và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 40 tổ chức thuộc 16 tôn giáo; với **28.065.030** tín đồ (chiếm trên **28%** dân số cả nước), trong đó có **61.061** chức sắc, **144.835** chức việc; cả nước có **29.921** cơ sở thờ tự. Chính quyền các địa phương đã cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho hàng nghìn nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung, trong đó có gần 70 nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cũng là quốc gia đa dạng về các loại hình tín ngưỡng, với trên 95% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng đã xuất hiện từ lâu ở Việt Nam và gần đây có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là trong và sau đại dịch Covid-19. Hoạt động tôn giáo trên không gian mạng được thực hiện thông qua các trang website của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và các trang mạng xã hội như facebook, zalo, telegram...; với rất nhiều hình thức như: giảng đạo, truyền đạo; đào tạo chức sắc, chức việc, bồi dưỡng giáo lý, xuất bản kinh sách điện tử; Hội thảo, sinh hoạt tôn giáo... Cũng như ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng ở Việt Nam hướng đến nhiều mục đích rất khác nhau, từ thuần túy là chia sẻ thông tin tôn giáo, quảng bá hình ảnh, bày tỏ quan điểm cá nhân... đến việc vận động, cổ súy cho một mục đích tôn giáo, chính trị, xã hội hay thương mại khác. Việc truy cập, tìm kiếm thông tin tôn giáo trên không gian mạng cũng có thể nhằm mục đích thực hành hoặc nghiên cứu, nhưng cũng có thể chỉ là thỏa mãn hiếu kỳ, tò mò nhất thời... Thực tiễn trong thời gian qua, bên cạnh các thông tin chính thống về tôn giáo và hoạt động tôn giáo thuần túy do các tổ chức, cá nhân tôn giáo hợp pháp đăng tải, còn có không ít không ít tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua không gian mạng để đăng tải thông tin liên quan tôn giáo vì mục đích chính trị, đưa ra các nhận định thiếu khách quan, thiếu thiện chí, thậm chí xuyên tạc đời sống tôn giáo của Nhân dân để vu cáo nhà nước Việt Nam đàn áp tự do tôn giáo và kích động chống phá chính quyền nhà nước; tuyên truyền mê tín dị đoan, trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc... Có thể kể đến như: (1) Số đối tượng cực đoan, chống đối trong các tôn giáo thường xuyên sử dụng các trang mạng xã hội (facebook, zalo) để tuyên truyền, xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam; kích động các hoạt động chống đối chính quyền, gây phức tạp về an ninh, trật tự; (2) “Hội thánh Tin lành đáng Christ” thông qua các ứng dụng trên mạng xã hội như WhatsApp, Gotomeeting... tập hợp tín đồ là người dân tộc thiểu số ở trong nước liên kết với các nhóm Tin lành khác và số đối tượng phản động người Việt lưu vong lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá Việt Nam, đòi thành lập “nhà nước riêng, tôn giáo riêng” cho người dân tộc thiểu số; (3) một số hiện tượng tôn giáo mới, “tà đạo”, “đạo lạ” (như: Pháp luân công; Thanh Hải Vô thượng sư; Pháp môn diệu âm; “Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ”, “Năng lượng gốc Trống đồng Việt

Nam”...” gia tăng hoạt động sử dụng mạng xã hội để lôi kéo người tham gia; (4) các hoạt động tuyên truyền mê tín dị đoan, trục lợi (như: “Câu lạc bộ tình người”; nhóm “Trừ quỷ Bảo Lộc”; hoạt động “cúng oan gia trái chủ, trục vong” tại chùa Ba Vàng, Quảng Ninh...); (5) lợi dụng không gian mạng để tuyên truyền xuyên tạc, xúc phạm, chia rẽ tín ngưỡng, tôn giáo của các tổ chức, cá nhân (như: “Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ”, “Luong Gia Long” hay “Luong Chính Khang” tuyên truyền mê tín dị đoan, sai lệch về phương pháp phòng, chống dịch Covid-19; xuyên tạc, xúc phạm Đạo Mẫu Việt Nam và các anh hùng, liệt sĩ đã có công với đất nước); (5) các hoạt động bói toán, cầu cúng... mang tính chất mê tín dị đoan xuất hiện tràn lan trên không gian mạng...

Gần đây, nổi lên một số hiện tượng như: (1) Vụ việc ông Lê Anh Tú (thường được cư dân mạng gọi là Thích Minh Tuệ); (2) Vụ việc Đại đức Thích Minh Đạo ở Bà Rịa - Vũng Tàu; (3) Vụ việc một số tu sỹ Phật giáo có những bài thuyết giảng trên các nền tảng mạng xã hội với nội dung công kích các tôn giáo khác gây bất bình trong cộng đồng các tôn giáo; bị các thế lực xấu lợi dụng, xuyên tạc và kích động các hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

**3. Thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ đã chủ động tham mưu và triển khai các biện pháp, công tác nhằm đấu tranh, xử lý đối với các hoạt động truyền đạo trái pháp luật trên không gian mạng như: (1) Làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất đánh giá về hoạt động tôn giáo trên không gian mạng và đề xuất công tác tiếp theo; (2) Ban hành nhiều văn bản hướng dẫn công tác nhận diện, phòng ngừa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch chuẩn trên không gian mạng; (3) Triển khai hoạt động của Tổ Công tác đấu tranh nhân quyền và các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; (4) Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng tại Ban; thành lập tổ ứng cứu, xử lý thông tin trực tiếp nhận, xử lý thông tin báo cáo, yêu cầu điều phối từ cơ quan điều phối quốc gia và thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện; (5) Xây dựng trang thông tin điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản ánh của các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, người dân đối với các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng; (6) Hướng dẫn các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo phát huy vai trò của người đứng đầu trong việc gương mẫu và lãnh đạo điều hành hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tuân thủ pháp luật, bao gồm An ninh mạng và xây dựng ý thức tự tôn, độc lập dân tộc trên không gian mạng; (7) bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng vào Nghị định số 95/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo; (8) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là việc thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành về tín ngưỡng, tôn giáo để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý đối với các trường hợp vi phạm giáo luật, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; có giải pháp quản lý các cơ sở tôn giáo đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích của các tổ chức tôn giáo; (9) tiếp tục làm việc với các tổ chức tôn giáo đề nghị lãnh đạo các tổ chức Giáo hội tăng cường chỉ đạo, quản lý, giám sát chức sắc, chức việc, nhà tu hành; chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm giáo luật và pháp luật.**

Tuy nhiên, công tác đấu tranh, xử lý đối với hoạt động tôn giáo trên không gian mạng vẫn còn nhiều bất cập: các hoạt động tôn giáo (như: giảng đạo, truyền đạo; đào tạo chức sắc, chức việc, bồi dưỡng giáo lý, xuất bản kinh sách điện tử; Hội thảo, sinh hoạt tôn giáo...) diễn ra nhiều trên không gian mạng (các trang website; các trang mạng xã hội facebook, zalo, telegram...) nhưng không cần xin phép, không cần địa điểm, không kiểm soát được số người tham gia; một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch chuẩn, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh có yếu tố mê tín dị đoan diễn ra rầm rộ trên môi trường mạng, gây dư luận bức xúc trong xã hội và trong cộng đồng các tín ngưỡng, tôn giáo.

Bên cạnh đó, khung pháp lý hiện hành của Việt Nam chưa có điều khoản cụ thể để điều chỉnh hoạt động đăng tải thông tin tôn giáo và liên quan tôn giáo trên không gian mạng. Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn như: Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

**4.** Từ tình hình thực tế trên, Ban Tôn giáo Chính phủ xin đề xuất một số nội dung về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng và hình thức xử lý vi phạm.

- Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tín ngưỡng, tôn giáo và chính sách, pháp luật, thành tựu thực thi chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam trên mạng Internet. Tăng cường tuyên truyền, trang bị kiến thức về pháp luật an ninh mạng, Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho tổ chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo.

- Tăng cường tuyên truyền cho cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động các cơ quan về nâng cao ý thức làm chủ và an toàn an ninh mạng: nâng cao cảnh giác đối với các hoạt động tuyên truyền lôi kéo của các “tà giáo”, tổ chức, cá nhân lợi dụng không gian mạng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật.

- Tăng cường công tác phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng giữa các cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo với các cơ quan liên quan phát hiện những tin xấu, độc, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục và sự lành mạnh của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, những hoạt động tuyên truyền xuyên tạc, hoạt động “tà giáo, tà đạo”. Xử lý kịp thời đúng luật các hoạt động trên, đảm bảo chủ quyền quốc gia an ninh mạng trên không gian mạng và bảo vệ an ninh tôn giáo trên không gian mạng./.

## 7. UBND thành phố Hà Nội

### **Tham luận về “Công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện việc kiện toàn tổ chức, hoạt động hệ thống chính trị cấp xã tại địa phương có nhiều đơn vị hành chính cấp xã hình thành mới sau sắp xếp”**

Thành phố Hà Nội là Thủ đô, là đô thị loại đặc biệt, với quy mô dân số đứng thứ hai trong cả nước (gần 9 triệu người), trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, Thành phố có 30 quận, huyện, thị xã, 579 xã. Việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã ở Thủ đô không chỉ ảnh hưởng, tác động đến hệ thống chính trị và Nhân dân Thủ đô mà còn tác động đến an ninh chính trị, sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây không đơn thuần chỉ là các tiêu chí diện tích tự nhiên, dân số, do đó khi xây dựng Phương án Thành phố đã triển khai, tổ chức thực hiện rất khoa học, chặt chẽ, thận trọng. Ngoài những tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, căn cứ tình hình thực tiễn của Thủ đô, Thành phố đã xây dựng một số tiêu chí đặc thù riêng của Hà Nội để báo cáo Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, UBND Thành phố đã xây dựng Phương án, Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025. Theo phương án sắp xếp, đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Thành phố thực hiện sắp xếp 109 ĐVHC cấp xã (67 đơn vị thuộc diện sắp xếp; 34 đơn vị liền kề, 8 đơn vị khuyến khích) để hình thành 56 ĐVHC cấp xã mới (33 xã, 23 phường), giảm 53 đơn vị hành chính cấp xã (38 xã, 15 phường). Ban Thường vụ Thành ủy, UBND Thành phố luôn nhận thức được việc kiện toàn tổ chức, hoạt động hệ thống chính trị của các đơn vị hành chính cấp xã hình thành mới sau sắp là việc làm rất quan trọng, công tác chỉ đạo thực hiện phải từ sớm, từ xa để sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết là có thể thực thi được ngay, để đảm bảo các đơn vị hành chính cấp xã mới nhanh chóng ổn định tổ chức, đi vào hoạt động ổn định, không để khoảng trống về thời gian, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân trên địa bàn. HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ do sắp xếp đơn vị hành chính.

Ngày 14/11/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1286/NQ-UBTVQH15 về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, thành phố Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 quận, 17 huyện và 01 thị xã; 526 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 160 phường, 345 xã và 21 thị trấn. Là địa phương có số đơn vị hành chính cấp xã giảm lớn nhất cả nước (53 đơn vị).

- Ngày 05/12/2024, Thành ủy Hà Nội đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn Thành phố để triển khai Nghị quyết số 1286/NQ-UBTVQH15 và Kế hoạch sắp

xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 và hướng dẫn kiện toàn tổ chức, hoạt động hệ thống chính trị tại các đơn vị hành chính mới sau sắp xếp.

Thành ủy Hà Nội đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan Thành phố triển khai kế hoạch thực hiện và hướng dẫn các lĩnh vực chuyên ngành tại hội nghị, cụ thể:

+ Sở Nội vụ: Triển khai Kế hoạch của Thành phố về việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2025 của thành phố Hà Nội.

+ Sở Tài chính: Triển khai, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã bố trí, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí; việc bàn giao công nợ về xây dựng cơ bản, về quản lý tài chính, tài sản và các nội dung có liên quan khác từ đơn vị hành chính cũ sang đơn vị hành chính mới.

+ Sở Tư pháp: Triển khai, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trong lĩnh vực hộ tịch.

+ Công an Thành phố: Triển khai, hướng dẫn nội dung chuyển đổi các loại giấy tờ của tổ chức, công dân; thu đổi con dấu của các tổ chức thuộc đơn vị hành chính mới và các nội dung có liên quan.

Tại Kế hoạch của của UBND Thành phố có yêu cầu:

1) Ban Thường vụ Quận, huyện, thị ủy xây dựng đề án, quyết định thành lập Đảng bộ mới trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức Đảng của đơn vị hành chính cùng cấp trước khi sắp xếp; chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy theo quy định của Điều lệ Đảng; Chỉ đạo Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn sau khi được chỉ định tiến hành bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra theo đúng quy định.

2) Đối với tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quận, huyện, thị xã hướng dẫn kiện toàn Ban lãnh đạo các tổ chức tại đơn vị hành chính cấp xã mới theo Điều lệ của mỗi tổ chức.

4) Về sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức

- Thành phố đã chỉ đạo tạm dừng việc bầu các chức danh cán bộ cấp xã ở các đơn vị hành chính phải sắp xếp kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp Thành phố trình Chính phủ đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, có phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức thận trọng, phù hợp với năng lực, sở trường, vị trí công việc của từng người, cụ thể:

+ Thứ nhất, việc bố trí dựa trên năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư của các cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã

để xem xét tuyển dụng, điều động hoặc luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của cấp xa, cấp huyện và ở các địa phương khác trong Thành phố theo yêu cầu nhiệm vụ. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ cấp xã sau khi sắp xếp ĐVHC tiến hành đồng bộ, liên thông giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Ưu tiên bố trí, sắp xếp cán bộ cấp xã có đủ phẩm chất, năng lực, tiêu chuẩn, điều kiện vào các chức danh tương đương hoặc ưu tiên giới thiệu bầu chức danh cán bộ ở ĐVHC khi có nhu cầu hoặc ưu tiên tuyển dụng làm công chức, viên chức theo quy định.

+ *Thứ hai*, Cán bộ, công chức đủ tuổi nghỉ hưu, gần đến tuổi nghỉ hưu, nếu có nguyện vọng Thành phố sẽ tạo điều kiện cho nghỉ chế độ theo quy định pháp luật; cán bộ có nguyện vọng chuyển công tác cũng được giải quyết kịp thời. Đồng thời, Thành phố sắp xếp, điều động cán bộ đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn từ nơi thừa sang nơi thiếu trong cùng địa giới hành chính cấp huyện.

+ *Thứ ba*, cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội ở phường thì được áp dụng theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương. Trường hợp thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thì thực hiện theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và các Nghị quyết của HĐND thành phố. Ngoài các cơ chế, chính sách chung của Trung ương. Đối với cán bộ dôi dư; Thành phố đã ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư nghỉ công tác khi sắp xếp ĐVHC.

Có thể nói, trong thời gian vừa qua đồng thời với việc hoàn thiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Trung ương và Bộ Nội vụ, thành phố Hà Nội đã chủ động chỉ đạo triển khai, hướng dẫn kiện toàn tổ chức, hoạt động hệ thống chính trị tại các đơn vị hành chính mới sau sắp xếp và nghiên cứu kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách và phương án cụ thể để giải quyết thấu đáo các vấn đề phát sinh sau sắp xếp. Với sự chủ động từ sớm, từ xa các nội dung trên, Thành phố tin tưởng rằng việc kiện toàn tổ chức, hoạt động hệ thống chính trị tại các đơn vị hành chính mới sau sắp xếp sẽ thành công tốt đẹp./.

## 8. UBND TP. Hồ Chí Minh

**Tham luận về “Tình hình thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh”**

### 1. Đặc điểm, tình hình và định hướng phát triển TP. Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế với quy mô dân số lớn nhất cả nước, tỷ lệ đô thị hóa cao nhất (gần 80%); là trung tâm tài chính, thương mại, văn hóa, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục đào tạo của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 về phương hướng phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị đã xác định Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng Đông Nam bộ và cả nước, mục tiêu đến năm 2030 là: “...trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, tài chính; thương mại, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á” và tầm nhìn đến năm 2045: “...phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hóa phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế”

Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: “Xây dựng, phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị năng động, sáng tạo, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị; đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, châu Á”; “Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, trung tâm phát triển của toàn vùng; chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, trở thành trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh trong khu vực; đi đầu về công nghiệp công nghệ cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.... Nghiên cứu khai thác tiềm năng và lợi thế để phát triển khu vực Thủ Đức, Cần Giờ trở thành động lực tăng trưởng mới cho Thành phố Hồ Chí Minh...”.

Để tận dụng tối đa giá trị địa kinh tế - chính trị của Thành phố; nắm bắt các cơ hội liên kết giữa Thành phố với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là các quốc gia trong khu vực; khai thác hiệu quả hành lang kinh tế Bắc Nam, Thành phố Hồ Chí Minh cần những đột phá hơn nữa trong cơ chế, chính sách, tổ chức chính quyền đô thị với bộ máy điều hành tương xứng. Do đó, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền nhằm phân định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn các cấp trong bộ máy hành chính, từ đó



sử dụng hiệu quả nhất, tối ưu nhất khả năng vận hành của hệ thống là hết sức cần thiết.

Phân cấp, phân quyền hành chính nhà nước là xu hướng tất yếu trong quản trị nhà nước trên thế giới và ở Việt Nam; thể hiện tầm nhìn và quan điểm đổi mới mạnh mẽ trong tư duy phát triển. Cùng với những đột phá trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế số, khoa học công nghệ, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền sẽ tạo nền tảng quan trọng để Thành phố phát triển nhanh, bền vững, gắn với liên kết vùng, khu vực, thế giới; phát triển đa trung tâm; hình thành “chuỗi đô thị” với các mô hình chính quyền đô thị đã được kiểm chứng vận hành hiệu quả.

## **2. Công tác triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Để đạt được mục tiêu đề ra tại các Nghị quyết nêu trên, Thành phố Hồ Chí Minh đã tham mưu Quốc hội ban hành nhiều chính sách, trong đó đặc biệt là Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng nhằm tạo điều kiện cho Thành phố Hồ Chí Minh khơi thông nguồn lực, tạo đà phát triển, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của Thành phố.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân Thành phố đã phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương đẩy mạnh phân cấp giữa Chính phủ với chính quyền địa phương; được cụ thể hóa qua các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành.

Trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị định, Thông tư chuyên ngành, Thành phố đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền ủy quyền và đạt được những kết quả quan trọng; tạo chuyển biến thực chất, tích cực trong hoạt động của chính quyền các cấp ở Thành phố. Song song, Thành phố cũng triển khai rà soát tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, xác định số lượng biên chế phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Nhiều thủ tục hành chính được Thành phố phân cấp, ủy quyền cho địa phương giải quyết đã giúp kéo giảm thời gian thực hiện thủ tục, phục vụ tốt hơn cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Việc đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có tác động quan trọng, hiệu quả trong quá trình thực hiện cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho công dân và doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực, phát huy sự chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương các cấp. Cũng nhờ chủ trương này, các cơ quan, đơn vị, cá nhân được phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm cao hơn, từ đó phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý nhà nước ở địa phương.

Việc phân cấp, ủy quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh được triển khai trên nguyên tắc đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng, gắn quyền hạn với trách nhiệm giải quyết công việc và cải cách hành chính trong các lĩnh vực được phân cấp. Đặc biệt là gắn phân cấp, ủy quyền với tăng cường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn sau khi đã phân cấp, ủy quyền; nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, công khai với người dân và với cơ quan cấp trên trong thực hiện nhiệm vụ.

### **3. Một số kết quả đạt được**

Với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, Thành phố đã chủ động chỉ đạo, thực hiện, tận dụng triệt để các cơ chế, chính sách đã được phân cấp, thí điểm, cụ thể:

(1) Thành lập Sở An toàn thực phẩm Thành phố thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về công tác an toàn thực phẩm trên các lĩnh vực thuộc Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Y tế.

(2) Hoàn thiện cơ cấu tổ bộ máy Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

(3) Ủy quyền cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố. Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành 58 quyết định ủy quyền với 174 nội dung, 33 Quyết định phân cấp với 130 nội dung cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên các lĩnh vực: đầu tư, tài chính, xây dựng, giao thông vận tải, đất đai, văn hóa, giáo dục, nội vụ, môi trường, du lịch.

Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 thông qua Đề án Phân cấp quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; theo đó, phân cấp 18 nội dung thuộc lĩnh vực văn hóa - thể thao, an toàn thực phẩm, khoa học công nghệ cho các cơ quan đơn vị, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện với mục tiêu: (1) Phân định rõ và chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với các sở - ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận - huyện; (2) Đảm bảo vai trò chủ đạo, sự quản lý thống nhất của chính quyền Thành phố; tăng cường quyền hạn, trách nhiệm và tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành; khai thác hiệu quả và phát huy nguồn lực của các địa phương, cơ quan, đơn vị; (3) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố, nhằm bảo đảm việc giải quyết công việc, giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn; xây dựng và phát triển Thành phố ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

## 4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn

### a) Thuận lợi

**Thứ nhất**, trong quá trình triển khai, Thành phố Hồ Chí Minh đã quán triệt tinh thần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền ở tất cả các cấp; tạo sự đồng bộ, thống nhất về mặt nhận thức chủ trương của toàn hệ thống. Qua đó, người đứng đầu cơ quan cấp dưới khi thực hiện nhiệm vụ được giao đã thực sự chủ động phát huy vai trò, tích cực rà soát các quy định liên quan, bám sát thực tiễn để kịp thời tham mưu, đề xuất Thành phố phân cấp, ủy quyền, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

**Thứ hai**, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền trên địa bàn Thành phố thời gian qua đã thực sự mang lại hiệu quả; giúp giảm các khâu trung gian; rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cho các ngành, các cấp chính quyền địa phương, giảm bớt các thủ tục hành chính phát sinh trong quá trình phối hợp; chất lượng phục vụ nhân dân, doanh nghiệp tốt hơn. Do vậy, nhận được sự đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng mạnh mẽ của toàn xã hội.

**Thứ ba**, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền đã giúp nâng cao hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; từ đó, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của Thành phố.

### b) Khó khăn

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận một số khó khăn nhất định, cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền vẫn phải trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành. Trong khi đó, căn cứ các quy định hiện hành thì đa phần thẩm quyền giải quyết các thủ tục tập trung nhiều ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình tự thực hiện cần phải qua nhiều khâu trung gian.

Điển hình, trong quá trình xây dựng Đề án Phân cấp quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét việc phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy trình vận hành các công trình thủy lợi vừa, lớn và các công trình liên quan đến 02 huyện trở lên (ngoại trừ Quy trình vận hành công trình thủy lợi nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự án đầu tư và các quyết định liên quan); xuất phát tự nhu cầu thực tiễn là số lượng công trình thủy lợi nêu trên tại Thành phố khá nhiều, gồm 1.153 công trình. Việc phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi là thủ tục hành chính được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại Quyết định số 3594/QĐ-BNN-TCTL ngày 20 tháng 8 năm 2021, là thủ tục liên thông với tổng thời gian thực hiện là 30 ngày, trong đó: thời gian giải quyết tại Ủy ban nhân dân Thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố là 05 ngày làm việc. Với khối lượng nhiều và thời gian ngắn, cộng với đặc thù là công trình thủy lợi nên đây là công tác thường xuyên nhằm vận hành đảm bảo an toàn, phát huy tối đa

mục tiêu nhiệm vụ của công trình. Xét theo đặc thù chuyên môn và đặc thù địa giới hành chính liên quan nhiều đơn vị cấp huyện, nên phù hợp phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 9 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 và công trình thủy lợi nhỏ*”. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thể phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà chỉ có thể phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; nhưng do đặc thù công trình thuộc địa bàn nhiều huyện, nên nếu phân cấp có khả năng phát sinh thủ tục phối hợp và định nghĩa mới, gây rắc rối, phức tạp.

**Thứ hai**, trong quá trình thực hiện, dù đã phân cấp, phân quyền, ủy quyền nhưng do chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị có sự liên quan lẫn nhau, nên khi thực hiện phải lấy ý kiến nhiều cơ quan, đơn vị, dẫn tới thời gian giải quyết vẫn còn chậm, một số trường hợp chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng.

**Thứ ba**, khối lượng thủ tục hành chính cần giải quyết tại Thành phố Hồ Chí Minh là rất lớn. Với đặc thù dân số khoảng 10 triệu người, quy mô hơn 300.000 doanh nghiệp, trong điều kiện đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có hạn; áp lực giải quyết thủ tục của Thành phố là một thực trạng không thể phủ nhận.

**Thứ tư**, trong quá trình triển khai, một số nội dung đã được quy định chủ trương phân cấp nhưng phải xin ý kiến cấp Bộ ngành quản lý. Điều này dẫn đến việc triển khai không triệt để; đôi khi thời gian chờ ý kiến đồng ý của cấp trên kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu quả nội dung đề xuất phân cấp.

Quán triệt tinh thần từ Hội nghị Trung ương 10 là “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, trong thời gian tới, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền phù hợp với năng lực thực hiện, điều kiện thực tế ở các ngành, lĩnh vực, địa phương; thậm chí, có thể đẩy mạnh hơn nữa phân cấp tới cấp phường. Đồng thời, tiếp tục đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ ngành các nội dung cần phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của Thành phố để tạo sự đột phá trong giai đoạn mới./.

## **9. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (thành phố Huế)**

### **Tham luận về “Giải pháp đẩy mạnh xây dựng, phát triển thành phố Huế trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết của Quốc hội”**

Năm 2024 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm bứt phá quyết định thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự báo, tình hình thời tiết cực đoan xuất hiện ngày càng nhiều; tình hình trong nước có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, Tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cụ thể có 13/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; trong đó: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 12.880 tỷ đồng, vượt 9,2% dự toán giao. Chỉ tiêu tăng trưởng GRDP ước đạt 8,15%, thấp hơn mục tiêu đề ra (8,5-9,5%) nhưng cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước (ước đạt 6,8-7%). Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1,2 tỷ Đô la Mỹ.

Đặc biệt, ngày 30/11/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 175/2024/QH15 về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương, cùng với đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1314/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. Theo các nghị quyết này, tỉnh Thừa Thiên Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương từ ngày 01/01/2025. Đây là một bước ngoặt lịch sử, không chỉ khẳng định vị thế đặc biệt của vùng đất Cố đô trên bản đồ quốc gia mà còn nhấn mạnh vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự kết nối và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thành phố Huế trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước.

Việc phát triển Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương đã được Bộ Chính trị, Trung ương quan tâm rất sớm và thường xuyên; cho đến nay, đã có 04 văn bản của Bộ Chính trị (02 Thông báo kết luận và 02 Nghị quyết của Bộ Chính trị), cụ thể: Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Thông báo số 175-TB/TW ngày 01/8/2014 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Triển khai Nghị quyết số 54-NQ/TW và Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị, thời gian qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã chủ động phối hợp ban, bộ, ngành Trung ương trong việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng cho vấn đề phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể: đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 02 Nghị quyết: Số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số

1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trong đó có tính đến yếu tố đặc thù đối với Thừa Thiên Huế.

Song song tiến trình đó, Tỉnh đã chủ động xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023) và phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 (tại Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024). Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng trong quá trình Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị.

Việc xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo các quan điểm, nguyên tắc: Bảo tồn, phát huy hiệu quả giá trị di sản Cố đô, bản sắc văn hóa Huế để thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương với đặc trưng: văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan thân thiện môi trường và thông minh.

Có thể nói, Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương đã được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở những góp ý quý báu của các chuyên gia, các ban, bộ ngành Trung ương, đã làm rõ những căn cứ pháp lý, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và đề ra mô hình đô thị, phương án cụ thể sắp xếp, thành lập đơn vị hành chính các cấp; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt; giúp thành phố Huế trực thuộc Trung ương thiết lập bộ máy quản lý hành chính phù hợp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Việc Quốc hội thông qua việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương có ý nghĩa chính trị, kinh tế - xã hội rất quan trọng, vừa hiện thực hóa chủ trương của Đảng, vừa thể hiện được ý chí, nguyện vọng và sự đồng thuận cao của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương là niềm tự hào không chỉ riêng đối với Nhân dân trong tỉnh, mà còn là niềm vui và sự ủng hộ của Nhân dân cả nước, là động lực để Thừa Thiên Huế tiếp tục phát huy truyền thống lịch sử, giá trị văn hóa đặc sắc Cố đô; phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới; đồng thời cùng với thành phố Đà Nẵng trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung và cả nước. Việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương là cơ sở để tổ chức chính quyền đô thị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng đời sống của người dân; là tiền đề quan trọng để hoàn thành mục tiêu "*Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao*" theo định hướng tại Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Đồng hành cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với vai trò là thành phố trực thuộc trung ương, thành phố di sản văn hóa đầu tiên của Việt Nam; trong thời gian tới, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể và toàn thể Nhân dân của địa phương sẽ tiếp tục đoàn kết, thống nhất để tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu như sau:

**Thứ nhất**, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 175/2024/QH15, ngày 30/11/2024 của Quốc hội về việc thành lập Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; Nghị quyết 1314/NQ-UBTVQH15, ngày 30/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của Thành phố Huế giai đoạn 2023 - 2025. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa đặc biệt quan trọng của thành phố Huế trực thuộc Trung ương. Khơi dậy tinh thần cống hiến, khát vọng đóng góp xây dựng quê hương, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong việc phát huy sức mạnh toàn dân; tạo khí thế, sức bật mới xây dựng thành phố Huế phát triển nhanh, bền vững.

**Thứ hai**, triển khai thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “*tin - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả*” theo các quy định của Trung ương. Quan tâm giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư. Chủ động chuẩn bị các điều kiện về bộ máy, nhân sự để kịp thời phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với vai trò, vị thế mới là thành phố trực thuộc Trung ương.

**Thứ ba**, triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế; tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch, đề án quan trọng. Phối hợp với các cơ quan Trung ương tiến hành sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị để báo cáo Bộ Chính trị và kiến nghị, đề xuất những chủ trương, định hướng mới bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Huế trong thời gian tới.

**Thứ tư**, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, nâng chuẩn các đô thị; ưu tiên mọi nguồn lực đầu tư cho mục tiêu bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị di sản cố đô, bản sắc văn hóa Huế - con người Huế một cách bền vững, theo hướng “bảo tồn đi liền với phát triển”; phát huy bản sắc văn hóa Huế, con người Huế; tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, an toàn và thân thiện để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển bền vững; khai thác các giá trị văn hóa, di sản để phát triển du lịch dịch vụ; góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân và sớm khắc phục một số tiêu chí đặc thù còn chưa đảm bảo của địa phương trong thời gian sớm nhất.

**Thứ năm,** thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, phát triển nhanh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghiệp động lực và dịch vụ có sức cạnh tranh, từ đó từng bước nâng cao thu nhập bình quân đầu người và các chỉ tiêu phát triển khác trên địa bàn thành phố Huế. Tiếp tục chỉnh trang đô thị, bảo đảm cảnh quan môi trường “xanh - sạch - sáng - không rác thải”, tăng cường trồng hoa, cây xanh dọc các tuyến đường, công viên, tạo điểm nhấn, ấn tượng tốt đẹp đối với mọi người dân, du khách..., tạo khí thế mới, động lực mới, sẵn sàng tâm thế của thành phố trực thuộc Trung ương thứ 6 của Việt Nam.

**Thứ sáu,** kiên trì mục tiêu phát triển xanh và bền vững, lấy du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng. Nâng tầm các hoạt động văn hóa, du lịch; khai thác tiềm năng, thế mạnh về di sản, văn hóa để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Huế xứng tầm là thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, an toàn của Việt Nam và thế giới; thúc đẩy phát triển liên kết Vùng, nâng cao vị thế là trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu của Vùng và cả nước.

**Thứ bảy,** phát triển bền vững kinh tế biển, đậm phá; xây dựng thành phố Huế trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước, là cực tăng trưởng, động lực phát triển của vùng động lực miền Trung và cả nước với hệ thống cảng biển nước sâu Chân Mây đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển chuỗi khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị biển - đậm phá Tam Giang - Cầu Hai đặc sắc của khu vực. Phát huy vai trò động lực quan trọng của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của vùng; ưu tiên thu hút các dự án lớn sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm.

**Thứ tám,** tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể thực trạng về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có ở địa phương, nhất là tại các đơn vị hành chính liên quan việc sắp xếp; trên cơ sở đó, căn cứ vào năng lực, sở trường, uy tín, kinh nghiệm công tác... của từng cá nhân gắn với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mới, nhất là đối với người đứng đầu để thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tình hình mới; trong đó quan tâm bố trí sử dụng đối với cán bộ có năng lực nổi trội, có trách nhiệm, tâm huyết với công việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Gắn việc bố trí, sắp xếp nhân sự với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đủ mạnh để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

**Thứ chín,** chủ động nắm chắc tình hình, triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành “điểm nóng” trên địa bàn, nhất là tại các khu đô thị; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng xã hội trật tự, kỷ



cương, an ninh, an toàn, lành mạnh phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Hy vọng rằng, với sự quan tâm hỗ trợ của các bộ, cơ quan Trung ương và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, trong thời gian tới, cùng với cả nước, với định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thành phố Huế sẽ từng bước khẳng định vai trò, vị thế của thành phố Huế trực thuộc Trung ương, sớm hoàn thành mục tiêu đưa Huế trở thành một trung tâm văn hóa lớn đặc sắc của cả nước, hướng đến đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh” theo đúng định hướng của Trung ương và Bộ Chính trị đã đề ra./.

## 10. UBND thành phố Đà Nẵng

### Tham luận về “Kết quả, giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện chuyển đổi số tại thành phố Đà Nẵng”

Xác định rõ mục tiêu “Cải cách hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp là TRUNG TÂM”, trong những năm qua, Công tác cải cách hành chính luôn được Thành ủy, HĐND và UBND thành phố quan tâm chỉ đạo với mục tiêu gắn cải cách hành chính với đổi mới, đề xuất các sáng kiến trong từng lĩnh vực, nhiệm vụ chuyên môn, gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số trên địa bàn thành phố. Qua đó, đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

#### I. Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn thành phố

1. Thành phố đã tích cực, trách nhiệm, chủ động tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hiện công tác cải cách hành chính, đặc biệt là công tác chuyển đổi số, theo đó đã ban hành nhiều Kế hoạch, Công văn chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn thành phố... Hiện nay, thành phố đang triển khai hợp nhất 03 Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc về công tác Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06/CP thành phố để tinh gọn bộ máy, thống nhất trong công tác chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực cải cách hành chính và chuyển đổi số.

2. Theo kết quả năm 2024, thành phố triển khai được 2.014 dịch vụ công trực tuyến (sau đây viết tắt là DVCTT) (1.878 toàn trình và 136 một phần), đạt tỷ lệ 99% và đảm bảo 100% DVC đủ điều kiện đã được triển khai toàn trình. Tích hợp 1.362 DVCTT lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 67%. Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến là 710/761 DVCTT có phát sinh hồ sơ, đạt tỷ lệ 93% (mục tiêu năm 2024 là 98%). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 92% (235.734/257.125 hồ sơ, không tính 219.493 hồ sơ lĩnh vực chứng thực; mục tiêu năm 2024 của Đà Nẵng là 95%), trong đó có 174.474/372.895 hồ sơ được xử lý toàn trình, đạt tỷ lệ 47%<sup>50</sup>.

3. Xây dựng Kho dữ liệu hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính số, Đến nay, Kho kết quả thủ tục hành chính số đã giúp cắt giảm một số thủ tục hành chính như các thủ tục cấp lại do hư hỏng, mất (toàn thành phố có khoảng 190 thủ tục, chiếm 10% tổng số thủ tục hành chính các loại); thực hiện ngay trong ngày đối với thủ tục cấp đổi (toàn thành phố có khoảng 180 thủ tục); không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp bản giấy thành phần hồ sơ đối với kết quả số đã có.

4. Thành phố Đà Nẵng đã đưa vào sử dụng chính thức Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh với cơ cấu 01 Trung tâm IOC cấp thành phố; 07 OC quận huyện và các OC chuyên ngành gồm giao thông, an ninh trật tự, môi trường... phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo thành

<sup>50</sup> Các số liệu trên không bao gồm 139 DVCTT mức độ 4 do Bộ, ngành triển khai

phố, lãnh đạo sở ban ngành và UBND các cấp. Hệ thống IOC Đà Nẵng đang cung cấp 15 nhóm dịch vụ với 150 bài toán giám sát, điều hành và hơn 50 bài toán phân tích, cảnh báo.

5. Theo xu hướng sử dụng Zalo của người dân (toàn Thành phố trung bình có gần 01 tài khoản Zalo/người dân); theo đó thành phố đã kết nối Hệ thống với Mạng Zalo để triển khai thêm chức năng thông báo các trạng thái hồ sơ DVCTT qua Zalo để người dân có thông tin kịp thời, chủ động xử lý. 06 trạng thái hồ sơ gồm: (1) Hồ sơ đã nộp (trên Hệ thống), chờ cán bộ một cửa tiếp nhận; (2) Hồ sơ cán bộ một cửa đã tiếp nhận (và chuyển cán bộ chuyên môn xử lý); (3) Hồ sơ đã bị từ chối (do không đủ/không đúng); (4) Hồ sơ yêu cầu bổ sung; (5): Hồ sơ đã xử lý xong, đề nghị nhận kết quả; (6) Thông báo nộp phí/lệ phí dịch vụ công.

## **II. Chuyển đổi số áp dụng trong quản lý điều hành của ngành Nội vụ thành phố Đà Nẵng cũng bước đầu mang lại những hiệu quả, chuyển biến rõ nét**

1. *Xây dựng các ứng dụng chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với ngành Nội vụ như: Xây dựng, ban hành quyết định đặc tả CSDL chuyên ngành và phần mềm QLNN chuyên ngành Nội vụ; xây dựng Kế hoạch, lộ trình số hóa các CSDL mở; chủ động triển khai hệ thống thi tuyển công chức bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính. Triển khai có hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức thành phố Đà Nẵng với hơn 30.000 hồ sơ, đồng bộ 100% hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Đặc biệt, Sở Nội vụ đã triển khai việc xác thực tự động dữ liệu hồ sơ CBCCVC để xác định các lỗi về thiếu dữ liệu, thiếu cập nhật trong hồ sơ, thay thế cho việc phải rà soát thủ công để sửa lỗi hồ sơ trên hệ thống. Bên cạnh đó, việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong các quy trình nghiệp vụ của Sở cũng ngày càng được hoàn thiện và triển khai rộng rãi trên địa bàn thành phố như: Hệ thống đánh giá kết quả làm việc hàng tháng, quý; hệ thống đánh giá xếp hạng công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ trực tuyến; công tác báo cáo, xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm...*

2. *Xây dựng Kho lưu trữ số của thành phố Đà Nẵng. Đây là Kho lưu trữ số đầu tiên được xây dựng và đã tập hợp, tích hợp thành công các nguồn dữ liệu khác nhau liên quan đến công tác lưu trữ. Việc xây dựng thành công Kho lưu trữ số thể hiện sự quyết tâm của lãnh đạo thành phố trong việc thực hiện chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh, tiếp tục đưa Đà Nẵng nằm trong nhóm dẫn đầu các bộ chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thành phố thông minh. Bên cạnh đó, đã hoàn thành chỉ tiêu lập hồ sơ điện tử để làm tiền đề cho việc chuyển đổi số hoàn toàn trong công tác lưu trữ. Thời gian qua, thành phố Đà Nẵng đã quyết tâm, tăng cường đẩy mạnh việc sử dụng văn bản điện tử, lập hồ sơ điện tử trong quản lý, điều hành và xử lý giải quyết công việc; trong đó, 100% văn bản văn bản đi, đến được đều đăng ký, quản lý tập trung trên Phần mềm Quản lý Văn bản và điều hành; 100% văn bản đi đều được gửi liên thông tạo ra nguồn dữ liệu đầu vào của các cơ quan, đơn vị ở định dạng điện tử. Trên cơ sở đó, 100% các cơ quan, đơn vị đều đã triển khai lập hồ sơ công việc điện tử với sự tham gia của 100% công*

chức tham mưu giải quyết công việc

**3. Các giải pháp về cải cách hành chính liên quan đến chuyển đổi số cũng được các đơn vị trong ngành Nội vụ triển khai và đem lại hiệu quả trên thực tế như:** đăng ký dịch vụ công trực tuyến bằng mã QR Code tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; tiếp tục ứng dụng Phần mềm khảo sát mức độ hài lòng tự động bằng AI Autocall tại quận Sơn Trà; nâng cao hiệu quả công tác tuyên dụng thông qua “Phần mềm tiếp nhận và trả kết quả tuyên dụng trực tuyến” tại quận Liên Chiểu... Đặc biệt là việc nghiên cứu “Phần mềm xếp hàng, hẹn giờ giao dịch thông minh (sử dụng mã QR CODE ONLINE) gắn với công tác khảo sát mức độ công tác khảo sát mức độ hài lòng” triển khai tại 02/07 quận với nhiều tính năng như: Hệ thống quét mã xếp hàng cho phép người dân, tổ chức có thể đặt lịch tại onlien, theo dõi lượt xếp hàng từ xa, có thời gian dự kiến đến giao dịch, có chức năng “Bấm số nhanh” dành cho những người lớn tuổi và chức năng “Ưu tiên” giao dịch đối với các đối tượng thuộc diện ưu tiên và triển khai khảo sát trực tuyến (thông qua lịch hẹn giao dịch và khi có kết quả thực hiện thủ tục hành chính)...

### **III. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn**

**1.** Việc đồng bộ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia gặp khó khăn do thay đổi các trường dữ liệu đầu vào, dẫn đến số liệu đo lường của địa phương chưa được ghi nhận chính xác (chủ yếu do số lượng hồ sơ chứng thực chưa đồng bộ lên đủ); hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hay gặp trở ngại.

**2.** TTHC của địa phương cơ bản phải theo TTHC Bộ ngành Trung ương, do vậy để áp dụng đơn giản TTHC (giảm khâu thực hiện, kế thừa lại dữ liệu, kết quả TTHC số) phải chờ căn cứ pháp lý từ Bộ ngành.

**3.** Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố đã có chức năng đáp ứng yêu cầu điện tử hóa để xử lý hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử. Tuy nhiên còn vướng mắc đối với các TTHC có thành phần hồ sơ lớn như ngành xây dựng, tài nguyên và môi trường thì quá trình luân chuyển xử lý hạn chế về đáp ứng dung lượng.

**4.** Một bộ phận người dân chưa thành thạo các thao tác thực hiện TTHC trên cổng dịch vụ công dẫn đến tiến độ giải quyết TTHC chậm, kết quả hạn chế. Quy trình thực hiện các TTHC trên Cổng dịch vụ công chưa tối ưu, phải thực hiện nhiều bước dẫn đến tâm lý người dân ngại thao tác trên môi trường điện tử.

### **IV. Để tiếp tục phát huy kết quả đạt được, đảm bảo triển khai đồng bộ, xuyên suốt và hiệu quả các nhiệm vụ thời gian tới, thành phố Đà Nẵng tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau**

**1.** Triển khai nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu xử lý toàn trình đối với TTHC có thành phần hồ sơ lớn. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng công nghệ AI, sinh trắc học để triển khai DVCTT đối với các TTHC còn phải làm trực tiếp như TTHC lĩnh vực chứng thực, hộ tịch (sử dụng

camera, quét hình ảnh ...).

**2.** Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó lưu ý việc rà soát, chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện giải pháp chuyển đổi VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**3.** Tập trung đẩy mạnh công tác số hoá tài liệu, làm sạch cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo tiến độ đề ra, nhất là các Cơ sở dữ liệu: hộ tịch điện tử; quốc tịch; lý lịch tư pháp; lao động việc làm; giáo dục nghề nghiệp; hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản gắn với Cơ sở dữ liệu đất đai; chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; đất đai gắn với hệ thống thông tin nhà ở....

**4.** Đẩy mạnh và nhân rộng các mô hình giải pháp về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố. Tiếp tục đề xuất các giải pháp nâng cao việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt./.

## 11. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### Tham luận về “Kết quả triển khai thực hiện và một số nội dung tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh”

Thực hiện phân cấp hợp lý về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa các cơ quan hành chính và chính quyền địa phương các cấp luôn là mục tiêu đồng thời là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công cuộc CCHC nhà nước trong giai đoạn qua.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, UBND tỉnh đã xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, là một trong những nội dung trong công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh.

Triển khai thực hiện: Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành nhiều Công văn<sup>51</sup> để chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan hành chính cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã: (1) Rà soát và tiếp tục đề xuất UBND tỉnh phân cấp cho cấp huyện, cấp xã hoặc ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh những nội dung thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh theo các văn bản pháp luật chuyên ngành hiện hành; (2) Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ quản lý ngành phân cấp mạnh hơn nữa cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của địa phương; đề xuất cần tiếp tục phân cấp mạnh trong thời gian tới.

#### 1. Kết quả thực hiện phân cấp, ủy quyền

Giai đoạn 2016 đến nay, UBND tỉnh đã tập trung đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trên nhiều lĩnh vực, cụ thể:

+ Về phân cấp: đã thực hiện phân cấp trong 7 lĩnh vực, với 23 nội dung, chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực trọng tâm như sau: Văn hóa và Thể thao (*1 nội dung*); Tài chính (*6 nội dung*); Xây dựng (*8 nội dung*); Giao thông và Vận tải (*1 nội dung*); *Sở Giao thông vận tải đang trình UBND tỉnh phân cấp về quản lý,*

<sup>51</sup> Công văn số 5300/UBND-SNV ngày 14/7/2016 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP về phân cấp quản lý nhà nước; Công văn số 12137/UBND-SNV ngày 10/11/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Công văn số 5266/UBND-SNV ngày 09/5/2022 về triển khai Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Công văn số 4440/UBND-VP ngày 17/4/2023 về rà soát, đẩy mạnh phân cấp và ủy quyền.

*khai thác, bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh*); Nội vụ (5 nội dung); Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1 nội dung), Công Thương (1 nội dung).

+ Về ủy quyền: đã thực hiện ủy quyền cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh trong 10 lĩnh vực, với 24 nội dung, chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực trọng tâm như sau: Giáo dục và đào tạo (3 nội dung); Lao động – Thương binh và Xã hội (5 nội dung); Khoa học và Công nghệ (2 nội dung); Văn hóa và Thể thao (1 nội dung); Tài nguyên và Môi trường (5 nội dung); Xây dựng (2 nội dung); Ngoại vụ (2 nội dung); Nội vụ (2 nội dung); Công Thương (1 nội dung); Y tế (1 nội dung).

### **a) Kết quả đạt được**

- Nhìn chung những nội dung phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nêu trên là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành, đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất. Góp phần giảm các thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giảm chi phí hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại của tổ chức, công dân. Đồng thời, phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, địa phương; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tích cực trong nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, tăng cường công tác cải cách hành chính.

- Việc phân cấp đã tạo điều kiện để các ngành, địa phương chủ động triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lĩnh vực được phân cấp, đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

### **b) Tồn tại, hạn chế**

- Mặc dù Luật tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Chính phủ về đã quy định nguyên tắc trong phân quyền, phân cấp, tuy nhiên các văn bản pháp luật chuyên ngành chưa được rà soát đầy đủ, kịp thời để ban hành đồng bộ thực hiện mục tiêu phân cấp, phân quyền theo tinh thần Nghị quyết của Chính phủ. Do đó có một số lĩnh vực địa phương còn thụ động, lúng túng, chưa mạnh dạn trong thực hiện phân cấp, phân quyền.

- Việc rà soát để phân định một cách rõ ràng và triệt để giữa nhiệm vụ, quyền hạn của Trung ương và của từng cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan hành chính cùng cấp luôn là nhiệm vụ thường xuyên để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, tuy nhiên một số cơ quan thường ít quan tâm khi thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ để phát hiện kiến nghị cấp có thẩm quyền những vấn đề bất hợp lý cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

- Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền về cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện, nhưng trong điều kiện tinh giản biên chế, không có biên chế để bổ sung nên áp lực công việc đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân cấp/ủy quyền rất lớn.

## **2. Đề xuất giải pháp thực hiện**

(1) Hoàn thiện, bổ sung các quy định của pháp luật về phân quyền, phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương đảm bảo cụ thể, xác định rõ chủ thể phân cấp, ủy quyền, chủ thể nhận phân cấp, ủy quyền; các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện về phân cấp, phân quyền, ủy quyền; đồng thời phải phân định rõ phân cấp thẩm quyền quyết định phải đi đôi với phân cấp về quản lý nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp.

(2) Bố trí đủ nguồn lực tương ứng để thực hiện phân cấp (tài chính, biên chế và các điều kiện cần thiết khác) để đồng bộ và tương ứng với yêu cầu nhiệm vụ được phân cấp.

(3) Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát giá, phí đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở đó, phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu được giao; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, loại bỏ các thủ tục thỏa thuận, chấp thuận, xin ý kiến, cho phép của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quản lý trên cơ sở quy hoạch và xác định rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật và đã được phân cấp, phân quyền quản lý.

Hiện nay, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành địa phương căn cứ quy định pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương chủ động rà soát, tiếp tục đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung đã được phân cấp, ủy quyền trong thời gian qua để tham mưu UBND tỉnh tiếp tục thực hiện phân cấp, ủy quyền trong thời gian tới; kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương phân cấp mạnh hơn nữa cho chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế địa phương, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, góp phần giảm thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giảm chi phí hành chính, đồng thời phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội./.



## 12. UBND tỉnh Bắc Giang

### Tham luận về “Đánh giá kết quả, tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang”

Năm 2024, tỉnh Bắc Giang cũng như nhiều địa phương khác có những thuận lợi và khó khăn, thách thức riêng, là 01 trong các tỉnh bị ảnh hưởng lớn bởi cơn bão Yagi. Dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song UBND tỉnh đã tập trung triển khai, cụ thể hóa các Chỉ thị, Nghị quyết về các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, tập trung vào những vấn đề trọng tâm như: Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chuyên đổi số; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đồng hành tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp; tập trung giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Do đó, công tác cải cách hành chính tỉnh Bắc Giang có bước đột phá, tạo chuyển biến căn bản, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả, Chỉ số PAR Index tỉnh Bắc Giang năm 2023 đạt 91,16/100 điểm, **xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc (tăng 2,62 điểm)**; 04 năm liên tiếp lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số dẫn đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) **đứng thứ 04/63 tỉnh, thành phố**; Chỉ số chuyển đổi số đứng **thứ 9** cả nước; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp **thứ 10**, nằm trong nhóm “**Cao nhất**” cả nước.

Tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, có nhiều chủ trương, giải pháp, mô hình nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, với phương châm “lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cho sự phục vụ”. Có thể kể đến một số kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính tỉnh Bắc Giang thời gian qua, như:

#### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tỉnh Bắc Giang đã chủ động, quyết liệt và đổi mới trong công tác chỉ đạo điều hành, tạo sự vào cuộc đồng bộ từ các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị, gắn công tác cải cách hành chính với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thường trực Tỉnh ủy giao nhiệm vụ trọng tâm cho từng đồng chí Thường trực, Thường vụ, hàng tháng có kiểm điểm, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện. HĐND tỉnh tổ chức các kỳ họp chuyên đề nhằm thảo luận, ban hành nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn; qua đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

Tỉnh Bắc Giang thành lập Tổ công tác tiếp nhận và xử lý thông tin, phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về các hành vi gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xây dựng Hệ

thống tiếp nhận thông tin phản ánh hiện trường của người dân, doanh nghiệp thông qua App Bacgiang-C; hiện có 493 phản ánh được các sở, ngành, địa phương tiếp nhận và xử lý trên hệ thống.

Đẩy mạnh triển khai, áp dụng, nhân rộng các sáng kiến, mô hình hay trong cải cách hành chính, như: “Trợ lý ảo” hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính; ứng dụng mã QR trong hướng dẫn thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến; các mô hình giải quyết thủ tục hành chính nhanh; đặt hẹn trực tuyến lịch hẹn tiếp nhận và trả kết quả; hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính ngoài giờ hành chính; thực hiện thủ tục hành chính tại nhà đối với các đối tượng yếu thế... qua đó góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đối với người dân, doanh nghiệp.

## **2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính**

Năm 2024, đã đề xuất phương án đơn giản hóa đối với 23 thủ tục hành chính trên 10 lĩnh vực tại 19 văn bản luật, nghị định, thông tư. Đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua việc cắt, giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa việc quy định, thực hiện thủ tục hành chính nhằm tiết kiệm chi phí nhất và tạo thuận lợi trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử, tỉnh Bắc Giang ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính “5 bước trên môi trường điện tử”, gồm Tiếp nhận, Thẩm định, Phê duyệt, Ký số và Trả kết quả. Đến nay, đã thực hiện số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.

## **3. Tập trung cao cải cách tổ chức bộ máy và chế độ công vụ**

Năm 2024, tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành việc thành lập Thị xã Việt Yên; nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Giang; sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ, huyện Lục Ngạn (mới) và huyện Sơn Động (giảm 17 đơn vị hành chính cấp xã). Đến 01/01/2025, tỉnh Bắc Giang có 07 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố; 192 đơn vị hành chính cấp xã (35 phường, 14 thị trấn, 143 xã).

Sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ-TW: Tỉnh Bắc Giang đã sắp xếp giảm 22 tổ chức (trong đó: 1 Văn phòng, 14 phòng chuyên môn, 02 Ban, 05 Chi cục). Giảm 07 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện. So với năm 2015, giảm 197 ĐVSNCL, đạt tỷ lệ 18,67%. (*vượt chỉ tiêu Trung ương giao*). Hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm đảm bảo tiến độ của công tác cải cách tiền lương.

## **4. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC**

Đưa kết quả Chỉ số CCHC là một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại người đứng đầu hằng năm. Từ năm 2023, Bắc Giang không xếp loại hoàn thành

tốt nhiệm vụ trở lên đối với những cơ quan, địa phương 2 năm liên tục đứng cuối hoặc 3 năm liên tục đứng trong nhóm 3 cơ quan đứng cuối (đối với các Sở), trong nhóm 2 địa phương đứng cuối (đối với cấp huyện).

Hàng tuần, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, công khai, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình giải quyết TTHC của các cơ quan, địa phương; yêu cầu các cơ quan, địa phương giải trình, xem xét trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng hồ sơ báo quá hạn; thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra hồ sơ quá hạn. Do đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn của tỉnh Bắc Giang luôn đạt tỷ lệ cao (trên 98%).

Thực hiện gắn camera tại Bộ phận Một cửa cấp xã, kết nối đến lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp tỉnh giúp theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp.

**5. Bắc Giang đặc biệt đầu tư phát triển chính quyền điện tử.** Đã xây dựng, triển khai và vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh. Các hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định. Kho dữ liệu số tỉnh đã tích hợp với các dữ liệu cơ sở chuyên ngành của tỉnh; xử lý, làm sạch dữ liệu, hình thành 07 cơ sở dữ liệu chung của tỉnh. Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đã kết nối đến Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với 13 dịch vụ đến các bộ, ngành Trung ương. Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang (Open Data) đã được xây dựng và phát triển với 92 danh mục dữ liệu mở. Cổng thông tin không gian (SDI) đã xây dựng để tạo nền tảng triển khai các ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý phát triển đô thị thông minh.

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt trong công tác cải cách hành chính, đã tác động tích cực đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang năm 2024 đạt được những kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh ước đạt **13,85%**, đứng đầu cả nước. Quy mô GRDP của tỉnh đạt **207** nghìn tỷ đồng, đứng đầu khu vực Trung du miền núi phía Bắc; GRDP bình quân đầu người đạt 4.370 USD, tăng **10,6%**. Giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ lần lượt tăng 30% và 11,6%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 60 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2023, riêng giá trị xuất khẩu đạt 33 tỷ USD tăng 20,4%. Tổng thu ngân sách cả năm ước đạt hơn 19,1 nghìn tỷ đồng, vượt 22,2% dự toán được giao. Thu hút đầu tư toàn tỉnh đạt trên 2,04 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi. Tính riêng thu hút FDI, Bắc Giang đứng thứ 10 cả nước. Toàn tỉnh giải ngân được gần 9,2 nghìn tỷ đồng, bằng 97,8% kế hoạch. Bắc Giang là một trong những thủ phủ khu công nghiệp phía Bắc với tỷ lệ lấp đầy cao. Khu công nghiệp Hòa Yên có quy mô gần 257 ha, vốn đầu tư hơn 3.700 tỷ đồng vừa được Chính phủ duyệt chủ trương đầu tư. Đến nay, tỉnh có **11 khu công nghiệp** với diện tích trên 2,7 nghìn ha.

Để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới, tỉnh Bắc Giang tiếp tục tập trung thực hiện giải pháp cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy để hoàn thành các dự án, đề án bảo đảm chất lượng; đẩy mạnh cải cách hành

chính gắn với chuyên đổi số, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành; chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính.

**Thứ hai**, tập trung cao cho đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, mở ra không gian, động lực mới cho phát triển. Từ năm 2021 đến nay, tỉnh đã tập trung mọi nguồn lực, huy động các nguồn vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đi trước một bước để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các lĩnh vực khác.

**Thứ ba**, tập trung đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư, nhất là trong cải cách hành chính. Đẩy mạnh chuyên đổi số, tăng cường phổ cập công nghệ thông tin, thanh toán không dùng tiền mặt, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến. Tập trung cải thiện tính tiên phong, gương mẫu, năng động, chuyên nghiệp của đội ngũ lãnh đạo các cấp, gắn với công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, phòng chống lợi ích nhóm.

**Thứ tư**, cải thiện mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước với người dân; tăng cường đối thoại, tiếp nhận, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân. Nghiêm túc thực hiện việc đánh giá người đứng đầu nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ. Đẩy mạnh thực hiện, nhân rộng các mô hình hay trong giải quyết thủ tục hành chính, mô hình “Chính quyền thân thiện” cấp xã. Qua đó, tạo đồng thuận cho Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**Thứ năm**, tập trung cao độ sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”. Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức để bộ máy chính quyền thực hiện sắp xếp đi vào hoạt động bình thường, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với tình hình địa phương, đảm bảo đúng quy định, không ảnh hưởng đến tâm tư, đồng thời nhằm giải quyết kịp thời nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức./.

### 13. UBND tỉnh Bình Dương

**Tham luận về “Kinh nghiệm về triển khai thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập”**

#### 1. Về công tác triển khai, điểm mới của Nghị định số 111/2022/NĐ-CP

Ngày 30/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 111/2022/NĐ-CP<sup>52</sup> có hiệu lực thi hành từ ngày 22/2/2023. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương đã chủ động phối hợp với Sở Tài chính có văn bản triển khai các nội dung về hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP.

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được Chính phủ ban hành thay thế Nghị định 68/2000/NĐ-CP<sup>53</sup> và một phần Nghị định 161/2018/NĐ-CP<sup>54</sup>, trong đó điều chỉnh, bổ sung nhiều nội dung quan trọng mới so với các văn bản trước đó. Nghị định bổ sung đối tượng điều chỉnh, áp dụng đối với cả cơ quan hành chính của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện.

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP nêu rõ các loại công việc thực hiện hợp đồng trong đó các **công việc hỗ trợ, phục vụ** (như lái xe, tạp vụ, bảo vệ, kỹ thuật, lễ tân...) trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật dân sự và quy định của pháp luật khác có liên quan. Số lượng hợp đồng này **không thuộc biên chế**, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Như vậy, tiền lương hợp đồng sẽ là **sự thỏa thuận** giữa các bên và không thuộc trường hợp được hưởng lương từ quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị.

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cho phép đơn vị sự nghiệp công lập được ký kết **hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ** cơ bản tháo gỡ nhiều khó khăn, giải quyết vướng mắc về nhân lực, đặc biệt đối trong lĩnh vực sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục. Trước đây tình trạng nhiều trường học, bệnh viện, các đơn vị sự nghiệp công lập... ký hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ là trái với quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP. Việc cho phép đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ cũng góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định pháp luật cho người lao động.

<sup>52</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

<sup>53</sup> Nghị định 68/2000/NĐ-CP, ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

<sup>54</sup> Nghị định 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp

Ngoài ra, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ về kinh phí thực hiện ký hợp đồng để giải quyết khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn thực hiện và bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện các quy định mới.

## 2. Về kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP

Trên cơ sở Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được ban hành, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương đã chủ động phối hợp với Sở Tài chính có văn bản triển khai các nội dung về đối tượng, phạm vi, các loại công việc thực hiện hợp đồng, hình thức và điều kiện ký kết hợp đồng thực hiện hỗ trợ phục vụ và hợp đồng chuyên môn, nguyên tắc xây dựng thang bảng lương, cách xếp lương, phụ cấp, nguồn thực hiện chi trả lương, mức tiền lương tham gia bảo hiểm xã hội... Trong đó nhấn mạnh việc thay đổi phương thức quản lý, chế độ tiền lương và cách thức phân bổ kinh phí.

Trước đây người lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thời gian rất dài thực hiện chế độ tiền lương như công chức, viên chức (*Hợp đồng 68 từ năm 2000 theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP*), tức được xếp lương theo ngạch, bậc, hệ số neo theo lương cơ sở. Người lao động do xếp lương theo ngạch, bậc nên được thực hiện chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và có các quyền lợi tương đồng như công chức, viên chức. Theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, tiền lương lao động hợp đồng theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật lao động (*tức theo quy định về lương tối thiểu vùng*) hoặc áp dụng theo bảng lương của công chức, viên chức phù hợp với khả năng ngân sách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Với điều kiện thực tế của tỉnh Bình Dương có khả năng đảm bảo kinh phí hợp đồng theo Bộ luật lao động, và để thống nhất, thuận tiện trong quản lý, cấp phát kinh phí, Sở Nội vụ thống nhất với Sở Tài chính tỉnh hướng dẫn thực hiện chi lương cho hợp đồng lao động theo quy định quy định của pháp luật lao động (theo lương tối thiểu vùng).

Theo đó, Sở Nội vụ xây dựng 01 thang bảng lương **mẫu** cho hợp đồng hỗ trợ, phục vụ và thang bảng lương cho hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ. Theo quy định của Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thì mức lương là thỏa thuận giữa 02 bên, tuy nhiên để đảm bảo tương quan về tiền lương của các cơ quan, đơn vị đối với cùng loại công việc (*ví dụ bảo vệ trường học, bệnh viên, trung tâm thì đều thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trụ sở đơn vị, trông giữ xe, phương tiện ra vào...*) do đó cũng cần 01 thang bảng lương mẫu để tham chiếu, tạo mặt bằng chung. Thang bảng lương tham chiếu hỗ trợ các đơn vị dễ dàng tham khảo, tránh “mạnh ai nấy làm”, giúp tạo ra mặt bằng về tiền lương, đảm bảo tương quan về tiền lương giữa các đơn vị cùng loại công việc, hạn chế tình trạng quá chênh lệch.

Về xây dựng thang bảng lương tham chiếu theo hướng là khởi điểm công việc đơn giản nhất là nhân viên phục vụ, tạp vụ có bậc 1 bằng với lương tối thiểu vùng, cứ 02 năm người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ thì ký hợp đồng theo bậc kế tiếp (tương tự như nâng bậc lương). Theo gợi ý thang bảng lương tham chiếu của Sở Nội vụ, chênh lệch bậc sau so với bậc trước phải tối thiểu ít nhất 05%. Đối

với các công việc đòi hỏi trách nhiệm, kỹ năng cao hơn (lái xe, nhân viên kỹ thuật, lễ tân...) hay hợp đồng chuyên môn từ Cao đẳng, Đại học, Thạc sỹ thì lương khởi điểm bậc 1 cao hơn ít nhất 20-30% so với lương tối thiểu vùng.

Các đơn vị có thể dựa vào thang bảng lương tham chiếu này để áp dụng hoặc điều chỉnh lại cho phù hợp với khả năng ngân sách của đơn vị (*thông thường các đơn vị sự nghiệp tự chủ nhóm 1, nhóm 2 xây dựng thang bảng lương cao hơn, thậm chí gấp rưỡi, gấp đôi thang bảng lương tham chiếu theo Bộ Luật lao động, đây cũng là điểm tích cực khuyến khích các đơn vị tự chủ. Tại Bình Dương khá nhiều đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ xây dựng lương khởi điểm cho nhân viên tạp vụ, bảo vệ 6.000.000 - 7.000.000 triệu/tháng, nếu là đơn vị sự nghiệp nhóm 1, nhóm 2 thì lương khởi điểm trình độ đại học có thể trên 10.000.000/tháng<sup>55</sup>*).

Tuy nhiên trở ngại lớn nhất khi triển khai hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP là cơ chế tài chính cấp phát. Mấu chốt là cơ chế kinh phí, trước đây cơ quan tài chính cấp phát tiền lương, kinh phí cho hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo hệ số lương theo ngạch bậc như công chức, viên chức, nhưng theo quy định Nghị định 111/2022/NĐ-CP kinh phí này nằm ngoài quỹ tiền lương công chức, viên chức. Như vậy cơ quan, đơn vị sẽ phải dự toán kinh phí này. Hiện nay các văn bản về xây dựng dự toán và kiểm soát chi của Bộ Tài chính vẫn còn hiệu lực, nên địa phương sẽ không có cơ sở xây dựng và phê duyệt lại dự toán kinh phí đối với các trường hợp hợp đồng hỗ trợ, phục vụ nếu như không có cơ quan thẩm định nhu cầu, cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu, số lượng.

Do đó, để giải quyết vấn đề này, Sở Nội vụ đã cùng Sở Tài chính thống nhất xác định việc cấp phát kinh phí theo nguyên tắc: **(1)** Dựa trên hiện trạng số lượng hợp đồng, hỗ trợ phục vụ hiện có, cơ quan, đơn vị sử dụng báo cáo nhu cầu hợp đồng, hỗ trợ phục vụ (*thông qua xây dựng nội dung vị trí việc làm cho nhóm hợp đồng, hỗ trợ phục vụ*); **(2)** Sở Nội vụ sẽ hỗ trợ Sở Tài chính thẩm định nhu cầu thực của các cơ quan, đơn vị, điều chỉnh tăng khi cần (ví dụ giao thêm xe, phát sinh trụ sở làm việc...), điều chỉnh giảm (khi thu hồi xe, khi sáp nhập, hợp nhất hoạt động...); **(3)** Căn cứ số lượng hợp đồng hỗ trợ phục vụ đã được thẩm định, hàng năm Sở Tài chính cấp phát kinh phí khoán cho đối tượng này theo 02 mức: **90** triệu đồng/người/năm đối với bảo vệ, tạp vụ, **95** triệu đồng/năm đối với lễ tân, lái xe (*các mức này được tính toán dựa trên mức tiền lương bình quân theo thang bảng lương tham chiếu của các trường hợp hợp đồng hỗ trợ phục vụ trên địa bàn tỉnh*). Ví dụ Sở Nội vụ thẩm định Cơ quan A có tối đa 3 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ là bảo vệ, tạp vụ thì Cơ quan A nếu sử dụng hết cả 03 chỉ tiêu thì được cấp 270 triệu/năm<sup>56</sup>. Cơ chế khoán này giúp đơn vị chủ động trong sử dụng kinh phí, chủ động sắp xếp, chi trả lương cho người lao động theo khả năng trong phạm vi kinh phí được cấp (đã tính toán phù hợp theo bảng lương tham chiếu). Như vậy, cơ chế này tạo ra một khuôn khổ tài

<sup>55</sup> VD Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh

<sup>56</sup> HĐ 111: 2021: 118 (hành chính) và 2513 (sự nghiệp); 2022:118 (hành chính) và 2518 (sự nghiệp); 2023: 197 (hành chính) và 2619 (sự nghiệp); 2024: 236 (hành chính) và 2977 (sự nghiệp);

chính rõ ràng, giúp cơ quan, đơn vị thực hiện thuận lợi, minh bạch, hiệu quả hơn việc ký kết và chi trả hợp đồng, phù hợp điều kiện địa phương.

Ngoài ra, để có cơ sở chi trả các chế độ phụ cấp, trợ cấp, nâng bậc lương, tiền thưởng cho người lao động thì cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xây dựng Quy chế tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Khi mức lương tối thiểu vùng hay lương cơ sở thay đổi thì cập nhật lại bảng lương dựa trên mức lương tối thiểu vùng hay lương cơ sở cho phù hợp. Quá trình xây dựng Quy chế phải có sự tham gia ý kiến và thống nhất của tổ chức Công đoàn cơ sở. Sau khi xây dựng xong quy chế, cơ quan đơn vị phải thực hiện công bố công khai tại nơi làm việc để người lao động được biết, thực hiện.

### **3. Một số khó khăn, thách thức**

Để tháo gỡ các vướng mắc trong cơ chế cấp phát kinh phí, Bình Dương đã chủ động xây dựng thang bảng lương tham chiếu, cơ chế thẩm định, khoán kinh phí, cùng yêu cầu xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, có sự tham gia của Công đoàn và công bố công khai tại cơ quan, đơn vị. Về cơ bản, việc chuyển từ tiền lương theo ngạch, bậc sang lương tối thiểu vùng theo Bộ Luật lao động đã cải thiện đáng kể về tiền lương của người lao động khi khởi điểm làm việc, tuy nhiên vẫn còn rất thấp so với các ngành nghề khác trong xã hội. Tình trạng lương thấp dẫn đến số lượng lớn người lao động nghỉ việc, bỏ việc nhất là ngành y tế, giáo dục và các cơ quan, đơn vị vùng sâu vùng xa khó tuyển người.

Hiện vẫn có tình trạng một số cơ quan, đơn vị ký kết hợp đồng lao động với cá nhân để thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ. Cá biệt có tình trạng ký hợp đồng lao động đối với công việc hỗ trợ, phục vụ nhưng lại bố trí làm chuyên môn, nghiệp vụ. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu xuất phát từ việc biên chế tại một số cơ quan còn hạn chế nhưng do khối lượng công việc ở các cơ quan này khá lớn nên tạm thời thực hiện việc tuyển dụng hợp đồng lao động để đáp ứng yêu cầu công việc.

Đa phần các cơ quan, đơn vị có nhu cầu về các công việc hỗ trợ, phục vụ thường ưu tiên ký hợp đồng lao động trực tiếp với cá nhân thay vì ưu tiên ký kết hợp đồng dịch vụ theo quy định. Bởi thực tế hiện nay, một số cơ quan, đơn vị, đặc biệt là ở những vùng nông thôn vùng xa thì việc tìm kiếm được đơn vị cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu cũng gặp nhiều khó khăn. Điều này dẫn đến khó phát triển dịch vụ cung ứng lao động hợp đồng hỗ trợ phục vụ cho cơ quan, đơn vị.

### **4. Đề xuất, kiến nghị**

Từ thực tiễn triển khai Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, tỉnh Bình Dương xin đưa ra một số đề xuất, kiến nghị sau:

**Thứ nhất**, đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát, cân đối biên chế công chức giữa các địa phương để phân bổ nguồn nhân lực phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc thù địa lý và quy mô dân số. Đặc biệt, với những địa phương có mức độ đô thị hóa cao, tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh



và đóng góp lớn cho ngân sách Trung ương như Bình Dương, việc phân bổ biên chế phù hợp là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng thực thi công vụ. Thực tế, Bình Dương nằm trong nhóm 5 địa phương thu hút FDI vượt mốc 20 tỷ USD, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8,5-9%/năm, dân số cơ học tăng nhanh, nhưng biên chế công chức được giao rất thấp (đứng thứ 52/63 tỉnh, thành). Điều này gây áp lực lớn lên đội ngũ hiện có. Do đó, kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ sớm điều chỉnh, bổ sung biên chế công chức cho Bình Dương và các địa phương tương tự, giúp giảm tình trạng quá tải công việc chuyên môn, đảm bảo chất lượng giải quyết công việc và ổn định đội ngũ.

**Thứ hai**, đề nghị cho phép xây dựng cơ chế đặc thù cho các địa phương có đóng góp ngân sách lớn, phát triển nhanh nhưng biên chế không tăng kịp. Cơ chế đặc thù này có thể là việc thí điểm ký hợp đồng công chức (có thời hạn) đối với vị trí hỗ trợ hoặc các vị trí hành chính không trực tiếp thực hiện quyền lực công vụ, nhằm linh hoạt đáp ứng nhu cầu công việc. Đây là giải pháp tạm thời trong giai đoạn chuyển tiếp trước khi điều chỉnh biên chế. Bộ Nội vụ có thể nghiên cứu, tham mưu Chính phủ và Quốc hội để ban hành các văn bản quy định, cho phép áp dụng cơ chế này trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó đánh giá hiệu quả để nhân rộng.

**Thứ ba**, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, các công việc hỗ trợ, phục vụ ưu tiên ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị cung cấp. Tuy nhiên, trên thực tế, tại một số địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa hoặc khu vực nông thôn, việc tìm đơn vị cung cấp dịch vụ đạt tiêu chuẩn là rất khó. Bình Dương kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có chính sách khuyến khích doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hỗ trợ, phục vụ bảo vệ, vệ sinh, tạp vụ, lái xe, lễ tân thông qua ưu đãi (thuế, vốn,...) Nhờ đó, các cơ quan nhà nước có thêm lựa chọn, giảm việc ký trực tiếp với cá nhân, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp.

**Thứ tư**, liên quan đến hợp đồng lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, hiện nay chỉ một số bộ ngành (Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) đã ban hành định mức nhân lực. Các lĩnh vực khác chưa có định mức, gây khó khăn cho địa phương xác định nhu cầu. Kiến nghị Bộ Nội vụ đôn đốc các bộ quản lý chuyên ngành sớm ban hành định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, không chỉ trong giáo dục, y tế mà còn các lĩnh vực khác. Có định mức rõ ràng, địa phương mới tính toán cụ thể số lao động thiếu so với chuẩn, từ đó tổ chức tuyển dụng, ký hợp đồng hợp lý, tránh tình trạng “vừa thừa vừa thiếu” hoặc ký hợp đồng chuyên môn vượt định mức cần thiết.

Tất cả các kiến nghị nêu trên không chỉ nhằm giúp Bình Dương mà còn giúp nhiều địa phương trong cả nước nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP hiệu lực, hiệu quả, hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, và đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương./.

## 14. UBND tỉnh Bình Thuận

### Tham luận về “Công tác giải quyết các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”

Tỉnh Bình Thuận hiện có 08 tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hồi giáo Bani, Bàlamôn giáo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Baha’I với 525 cơ sở tôn giáo, 1.238 chức sắc, 1.654 chức việc và 428.002 tín đồ, chiếm tỷ lệ 34,18% dân số của tỉnh. Tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cơ bản ổn định; các hoạt động tôn giáo diễn ra theo đúng Giáo luật, Hiến chương, Điều lệ, đường hướng và phương châm của giáo hội; đa số các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sống tốt đời, đẹp đạo, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự ở địa phương.

Để đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả, không để phát sinh điểm nóng về tôn giáo, trong quá trình giải quyết các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã thực hiện tốt một số công việc sau:

(1) Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo qua các thời kỳ như: Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi năm 1998, năm 2001), Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024, Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà, đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà, đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Chỉ thị số 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo..., theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đúng nguyên tắc: *Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà, đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà, đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà, đất, không xem xét trả lại nhà, đất. Trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo hợp pháp có nhu cầu chính đáng về đất đai để phục vụ cho hoạt động tôn giáo, căn cứ vào chính sách, pháp luật về đất đai, tôn giáo của Nhà nước, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ quỹ đất và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo tỉnh có ý kiến về việc giao diện tích đất phù hợp cho cơ sở tôn giáo sử dụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và giải thích cho các tổ chức, cơ sở tôn giáo “Đây là việc Nhà nước giao đất mới cho cơ sở tôn giáo hợp pháp sử dụng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của đồng bào có đạo, Nhà nước không trả lại nhà, đất”.*

(2) Trong quá trình giải quyết các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo, để đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành, địa phương và quy định thời gian thực hiện; đồng thời, đề ra những nội dung đề nghị sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội để công việc được triển khai hiệu quả, thống nhất. Định kỳ tổ chức đánh giá lại quá trình thực hiện để khắc phục những tồn tại, hạn chế và phát huy những việc làm được. Đối với những vấn đề nhạy cảm, phức tạp có nguy cơ ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời báo cáo xin ý kiến của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Công tác tôn giáo tỉnh, Tỉnh ủy và các bộ, ngành Trung ương.

(3) Đối với các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo không thể giải quyết trong thời gian ngắn do một số đối tượng lấn lướt chính quyền, không hợp tác, chống đối và có sự can thiệp, tác động của các thế lực thù địch, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định không chủ quan, nóng vội mà phải mềm dẻo, linh hoạt, kiên trì, bền bỉ, chỉ đạo các sở, ngành địa phương phân loại đối tượng để vận động, đấu tranh, tuyên truyền, trong đó xác định cụ thể đối tượng cầm đầu, đối tượng xúi dục, đối tượng bị kích động, để có đối sách, giải pháp phù hợp; đồng thời tranh thủ sự đồng thuận của các chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo với việc giải quyết của chính quyền, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự; quán triệt phương châm dùng tôn giáo để giải quyết vấn đề tôn giáo; tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận, không để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, gây rối, làm mất trật tự xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(4) Phổ biến, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đất đai liên quan đến tôn giáo bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương như: Trên báo, đài, phát tờ rơi, lồng ghép nội dung cần tuyên truyền, định hướng vào các buổi họp dân ở thôn, khu phố, các buổi sinh hoạt của các chi, tổ, hội, các buổi tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Quốc hội để người dân, tín đồ, chức sắc, chức việc biết, hiểu được vấn đề và đồng thuận với chính quyền (Đối với vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến Giáo xứ Thanh Hải, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết phát tờ rơi đến từng hộ gia đình có đông bà con giáo dân sinh sống).

(5) Để việc giải quyết các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo có hiệu quả thì các cấp, các ngành phải thực hiện tốt công tác nắm tình hình, xử lý kịp thời những vụ việc phát sinh có liên quan đến tôn giáo ngay từ cơ sở, đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, giải quyết các vụ việc phức tạp về đất đai liên quan đến tôn giáo phải được cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo ngay từ đầu, xuyên suốt, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội với chính quyền địa phương thì vụ việc sẽ đạt hiệu quả cao nhất./.

## 15. UBND thành phố Cần Thơ

### Tham luận về “Công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ tại thành phố Cần Thơ và một số khuyến nghị trong phạm vi thành phố”

#### I. Khái quát tình hình tổ chức và hoạt động các hội, quỹ

Trong thời gian qua, thành phố Cần Thơ đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, quỹ trên địa bàn. Công tác quản lý Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của hội, quỹ ngày càng được nâng cao, các cấp chính quyền, địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện cho tổ chức hội, quỹ tham gia vào đời sống xã hội và phát huy được vai trò tham gia phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

##### 1. Về tình hình tổ chức, hoạt động hội, quỹ tại địa phương

Tính đến nay, trên địa bàn thành phố có 609 tổ chức hội, quỹ đang hoạt động, bao gồm: 105 hội, quỹ cấp thành phố (101 tổ chức hội; 04 quỹ<sup>57</sup>); 72 hội cấp quận, huyện và 432 hội cấp xã, phường, thị trấn, cụ thể:

a) Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Cấp thành phố: 16 hội<sup>58</sup> được phân bổ 108 biên chế; Cấp quận, huyện: 54 hội, phân bổ 106 biên chế (trong đó 06 hội/quận, huyện và 12 biên chế/quận, huyện);

b) Hội quần chúng không do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Cấp thành phố: 85 hội; Cấp quận, huyện: 18 hội; Hội cấp xã, phường, thị trấn: 432 hội.

Ngoài ra, trong năm 2024, thành phố đã cho phép thành lập mới 09 tổ chức hội quần chúng<sup>59</sup>, đang xin chủ trương để thực hiện thủ tục thành lập Hội Người cao tuổi thành phố và quận, huyện.

##### 2. Về hoạt động của quỹ, hội

a) Xuất phát từ vai trò, vị trí và chức năng nhiệm vụ của mình, nhìn chung trong thời gian qua các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn thành phố luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động hội, quỹ bám sát theo các nội dung của điều lệ hội, quỹ quy định, đảm bảo không vi phạm pháp luật và điều lệ hội, quỹ;

b) Các tổ chức hội, quỹ đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đến hội viên và Nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Phối hợp chặt chẽ

<sup>57</sup> Quỹ Phát triển thể thao thành tích cao thành phố Cần Thơ; Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế Cần Thơ; Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Cần Thơ; Quỹ Khuyến học Phạm Văn Trà thành phố Cần Thơ.

<sup>58</sup> Gồm: Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nhà báo, Hội Chữ thập đỏ, Ban Đại diện Hội Người cao tuổi, Hội Người mù, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin, Hội Cựu Thanh niên xung phong, Hội Người tù kháng chiến, Hội Khuyến học, Hội Luật gia, Hội Người Khuyết tật, Hội Đông y và Hội Y học.

<sup>59</sup> 08 Hội Cựu Công an nhân dân quận, huyện và Hội Xét nghiệm Y học Cần Thơ.

với các Sở, ban ngành, Đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, giúp đỡ những đối tượng gặp khó khăn; góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố khối đoàn kết dân tộc, tham gia tư vấn xây dựng cơ chế, chính sách đối với các chính sách thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà các hội, quỹ hoạt động; thúc đẩy các hoạt động hữu nghị, hợp tác và giao lưu văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật theo quy định, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

### **3. Về kinh phí hoạt động**

a) Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao hàng năm và kế hoạch hoạt động của từng hội; bảo đảm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao và hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động; được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, các dịch vụ công; thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội; thực hiện các chương trình, đề tài, dự án;

b) Hội quần chúng không do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định<sup>60</sup>; việc hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các hội gắn với nhiệm vụ do lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương giao;

c) Việc sử dụng kinh phí của hội, quỹ đúng theo quy định của pháp luật; hàng năm có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

## **II. Về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ**

Trên cơ sở thực hiện các Kết luận, Nghị quyết của Bộ Chính trị, các văn bản quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành có liên quan, Ban Thường vụ Thành ủy, hướng dẫn và kiểm tra của cơ quan tham mưu quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực, công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ tại thành phố đã đạt được kết quả như sau:

*Thứ nhất*, các thủ tục có liên quan công tác hội<sup>61</sup>, quỹ<sup>62</sup> được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định.

*Thứ hai*, công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ trên địa bàn thành phố ngày càng được nâng lên, các địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện cho sự phát triển và mở rộng các hoạt động xã hội, từ thiện, giúp đỡ những đối tượng gặp khó

<sup>60</sup> Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (hiện nay được thực hiện bởi Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội).

<sup>61</sup> Thủ tục về hội: công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.

<sup>62</sup> Thủ tục về quỹ: cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập

khăn; góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố khối đoàn kết dân tộc, tham gia tư vấn, phản biện xã hội, xây dựng cơ chế, chính sách đối với các chính sách thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà các hội hoạt động; thúc đẩy các hoạt động hữu nghị, hợp tác và giao lưu văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật theo quy định, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

*Thứ ba*, quán triệt tinh thần tại các chủ trương, quy định về hội quần chúng trong tình hình mới, thành phố Cần Thơ rà soát lại các tổ chức hội, xem xét sáp nhập một số hội có tôn chỉ, mục đích, nội dung hoạt động có tính chất tương đồng (bao gồm hội cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã) gắn với thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội; giải thể đối với các hội không hoạt động liên tục trong 12 tháng hoặc quá nhiệm kỳ mà không tổ chức Đại hội, số lượng hội viên không đảm bảo theo quy định, các hội hoạt động kém hiệu quả, hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, điều lệ hội và vi phạm pháp luật. Theo đó, bên cạnh việc cho phép thành lập mới các tổ chức hội, thành phố đã thực hiện thủ tục giải thể 07 hội<sup>63</sup>.

### **III. Thuận lợi, khó khăn**

#### ***1. Thuận lợi***

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền; sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các ngành, các tổ chức hội, quỹ trên địa bàn thành phố đã hoạt động đúng theo tôn chỉ, mục đích và điều lệ hội, quỹ phát huy vai trò, trách nhiệm và chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; thực hiện ngày càng tốt hơn nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội, quỹ; tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tham gia có chất lượng các phong trào thi đua yêu nước.

Hoạt động của các hội, quỹ đã đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều phương diện: Tập hợp, phản ánh yêu cầu, nguyện vọng cũng như bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của quần chúng nhân dân; tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò tư vấn, giám sát và phản biện xã hội đối với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương; thu hút được hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước do từng tổ chức hội và địa phương phát động. Huy động các nguồn lực để thực hiện các chính sách an sinh xã hội; tổ chức quỹ hoạt động hiệu quả tạo điều kiện cho người dân tiếp cận được nguồn vốn, giải quyết công ăn việc làm, tổ chức sản xuất kinh doanh, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững cho các đối tượng có khó khăn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa

<sup>63</sup> Hội Khoa học kinh tế tỉnh Cần Thơ; Liên đoàn quần vợt thành phố Cần Thơ (đã được cho phép thành lập lại), Hội Judo thành phố Cần Thơ; Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục thành phố Cần Thơ; Hội Cựu giáo chức thành phố Cần Thơ; Hội Cơ khí và Đúc luyện kim Cần Thơ; Hội Kim hoàn đá quý thành phố Cần Thơ

phương, thực hiện việc chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, hỗ trợ giúp nhau phát triển kinh tế, vươn lên trong cuộc sống, đáp ứng ngày càng đa dạng nhu cầu của Nhân dân, tạo được sự đồng thuận và hưởng ứng mạnh mẽ của cộng đồng.

## **2. Hạn chế, khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, thành phố cũng còn có một số khó khăn trong quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ cụ thể như sau:

a) Hoạt động của một số hội chưa sát với thực tế; sự phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể còn thiếu chặt chẽ; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới; tính tự nguyện, tự trang trải kinh phí, tự chịu trách nhiệm chưa được quán triệt và thực hiện đầy đủ, còn trông chờ vào nhà nước. Nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội chưa rõ nét, chưa cuốn hút đông đảo hội viên tham gia. Hạn chế trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan;

b) Các cấp, các ngành chưa dành thời gian nghiên cứu sâu về hoạt động, đặc thù của các lĩnh vực hội; chưa thấy được những hiệu quả và những đóng góp của các hội quần chúng đã góp phần cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; chưa thật sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo, tạo điều kiện cho hội hoạt động; vai trò của tổ chức, đảng viên, hội viên thuộc các đoàn thể chính trị - xã hội trong các hội chưa được phát huy;

c) Công tác vận động quỹ còn khó khăn, do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế chung của xã hội, nhiều tổ chức cùng vận động, ngoài ra chính quyền các địa phương đang tập trung vận động để thực hiện xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị, tuyên truyền, khuyến học, do đó chưa có tổ chức, cá nhân hỗ trợ vốn cho hoạt động Quỹ ổn định;

d) Một số tổ chức Quỹ phối hợp chưa chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực Quỹ hoạt động, thiếu chủ động trong việc đề xuất các chính sách, giải pháp trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với Quỹ.

## **IV. Một số khuyến nghị, định hướng**

Để phát huy vai trò của các tổ chức hội, quỹ, trong thời gian tới, thành phố Cần Thơ khuyến nghị và định hướng một số nội dung sau:

a) Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiếp tục triển khai, quán triệt chủ trương và các quy định, chỉ đạo có liên quan về công tác hội, quỹ; tăng cường kiểm tra, giám sát về vai trò tổ chức và hoạt động hội, quỹ. Trên cơ sở đó, tiếp tục củng cố, tạo điều kiện cho các tổ chức hội, quỹ hiện có hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phù hợp chủ trương và quy định pháp luật.

b) Đối với cơ quan, đơn vị và địa phương

Các sở, ban ngành thành phố được giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội, quỹ, cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện tốt chủ trương, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, quỹ và các văn bản

khác có liên quan. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các các hội, quỹ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; trình cấp thẩm quyền xem xét, cho ý kiến những đề xuất, kiến nghị chính đáng của các tổ chức hội, quỹ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hội, quỹ hoạt động hiệu quả, thiết thực, đúng tôn chỉ, mục đích, điều lệ hội, quỹ và quy định của pháp luật.

c) Đối với các tổ chức hội, quỹ

*Thứ nhất*, cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ hội, hội viên. Tiếp tục củng cố, kiện toàn, phát triển tổ chức Hội vững mạnh; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, bảo đảm sinh hoạt Hội theo Điều lệ, chăm lo nâng cao trình độ chính trị, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, cập nhật kiến thức pháp lý cho hội viên; chủ động củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Hội phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định pháp luật.

*Thứ hai*, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức và hoạt động góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp Hội sát với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Kịp thời tổ chức thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất được Đảng, Nhà nước giao, trong đó chú trọng mở rộng và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm theo quy định pháp luật mà hội có thể mạnh./.



## 16. UBND tỉnh Hải Dương

### Tham luận về “Kinh nghiệm thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Hải Dương”

Hải Dương là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nằm trong vùng tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tỉnh có diện tích tự nhiên 1.668,28 km<sup>2</sup> (theo Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); dân số 2.154.900 người (do Công an tỉnh cung cấp đến 31/12/2023). Tỉnh Hải Dương có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (Gồm 02 thành phố trực thuộc tỉnh: Hải Dương, Chí Linh; 01 thị xã: Kinh Môn và 09 huyện: Bình Giang, Cẩm Giàng, Gia Lộc, Nam Sách, Ninh Giang, Thanh Hà, Thanh Miện và Tứ Kỳ). Từ ngày 01/12/2024, theo Nghị quyết số 1250/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2023-2025, tỉnh Hải Dương có 207 đơn vị hành chính cấp xã (151 xã, 46 phường và 10 thị trấn).

Xuất phát từ vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và từ đặc điểm của chính quyền cấp xã là nơi trực tiếp tổ chức đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống; nơi gần dân nhất, tiếp thu những ý kiến của nhân dân để phản ánh cho Đảng và Nhà nước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật. Về số lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định, mỗi đơn vị hành chính có từ 18 đến 23 người, mỗi cán bộ, công chức đều có vị trí việc làm tương đối cụ thể theo từng chức danh, đều phải giải quyết một khối lượng công việc rất lớn, đa dạng và phức tạp, liên quan đến mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở cơ sở; do vậy, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và phát triển của từng địa phương và của cả tỉnh. Trong những năm qua, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp của tỉnh Hải Dương luôn quan tâm đến nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cả về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, đây là nội dung trọng tâm, then chốt góp phần xây dựng hệ thống chính trị, chính quyền vững mạnh từ cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. So sánh trong 05 năm trở lại đây, kể từ năm 2019, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng cao rõ rệt, cụ thể:

\* *Năm 2019*: Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số cán bộ công chức cấp xã của tỉnh là 4.319 người (2.359 cán bộ và 1.960 công chức). Trong đó: Về trình độ đào tạo chuyên môn: Trên đại học là 70 người chiếm 1,6%; Đại học là 3.214 người chiếm 74,4 %; Cao đẳng, Trung cấp là 1.035 người chiếm 24%. Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân là 61 người, chiếm 1,4 %; Trung cấp là 2.975 người, chiếm 68,8%; Sơ cấp, chưa qua đào tạo là 1.283 người, chiếm 29,8%.

\* *Năm 2024*: Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 4.366 người (2.311 cán bộ và 2.055 công chức). Trong đó: Về trình độ đào tạo chuyên môn: Trên đại học có: 181 người, chiếm 4,1%; Đại học có 3.855 người chiếm 88,3%; Cao đẳng, trung cấp có 330 người chiếm 7,6%. Về trình độ lý luận chính trị: Cao

cấp, cử nhân: 68 người, chiếm 1,6 %; Trung cấp: 3.820 người, chiếm 87,5%; Sơ cấp, chưa qua đào tạo : 478 người, chiếm 10,9% (*tỷ lệ nhỏ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh có trình độ chuyên môn dưới đại học, chủ yếu là chức danh cán bộ Chủ tịch Hội cựu chiến binh (là những sỹ quan đã nghỉ hưu tham gia công tác) và công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (theo quy định chỉ yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn từ trung cấp quân sự cơ sở trở lên)*). Hàng năm, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được đánh giá, xếp loại đạt mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ cao.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng cao, đóng góp rất lớn trong tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nhất là cấp xã trong triển khai tốt việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Năm 2024, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hải Dương luôn đạt ở mức cao, ước đạt 10,2%. Quy mô GRDP đạt trên 211.000 tỷ đồng (tăng gấp **1,13** lần so với năm 2023), cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Thu ngân sách Nhà nước cao nhất từ trước đến nay, ước đạt 28.813 tỷ đồng (vượt **46,7%** dự toán, tăng **28,5%** so với năm 2023). Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ vững là một trong những tỉnh có chất lượng giáo dục hàng đầu trong cả nước. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, khoa học công nghệ tiếp tục phát triển, hài hòa với phát triển kinh tế; quốc phòng- an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo và củng cố. Tỉnh Hải Dương là một trong 05 tỉnh đầu tiên của cả nước đã hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới từ năm 2023.

Để có được đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ, chất lượng như đã nói ở trên, Hải Dương đưa ra một số kinh nghiệm trong việc thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh như sau:

**Thứ nhất là**, hoàn thiện các quy định của tỉnh về cán bộ, công chức cấp xã theo thẩm quyền, cụ thể:

Theo quy định tiêu chuẩn về cán bộ, công chức cấp xã chỉ yêu cầu tốt nghiệp trung cấp như hiện nay là quá thấp. Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phải tốt nghiệp đại học. Vì vậy, bám sát vào quy định của trung ương, tỉnh đã xây dựng và ban hành các quy định của tỉnh phù hợp với tình hình địa phương để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, như: Căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ngay năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành 02 quyết định gồm: Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND về Tuyển dụng công chức cấp xã; Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng cán bộ công chức. Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, UBND tỉnh kịp thời ban hành Quyết định 39/2023/QĐ-UBND ngày 10/11/2024 về quy chế tuyển dụng công chức cấp xã; Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức

vụ cán bộ, chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 Quy định về quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

**Thứ hai là**, hoàn thiện công tác phân tích công việc, xác định vị trí việc làm và xây dựng khung năng lực đối với các vị trí chức danh.

Công tác phân tích công việc, xác định vị trí việc làm và xây dựng khung năng lực đối với các vị trí chức danh cán bộ, công chức là cơ sở để tạo nguồn, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức cấp xã. Đây là bước tiền quan trọng hướng tới chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần trực tiếp nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Hoàn thiện công tác phân tích công việc, xác định vị trí việc làm và xây dựng khung năng lực đối với các vị trí chức danh, coi đây là công cụ quan trọng nhất trong quản lý cán bộ, công chức nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung trong đó có cán bộ, công chức cấp xã

**Thứ ba là**, đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, thu hút nhân tài, trí thức trẻ vào bộ máy chính quyền cấp xã, cụ thể:

- Đối với cán bộ được tuyển chọn thông qua bầu cử, ngoài quy định chung, ngay từ trước năm 2010, công tác quy hoạch, lựa chọn nhân sự cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã gồm các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND cấp xã, tỉnh đã có quy định phải có trình chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên.

- Đối với tuyển dụng công chức, trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, tỉnh đã quy định đầu vào công chức phải có chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên, đúng với vị trí cần tuyển (trừ chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn từ trung cấp quân sự cơ sở trở lên).

- Tăng cường thu hút đối với những người tốt nghiệp đại học loại xuất sắc; người có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với chuyên môn của các chức danh công chức cấp xã về công tác ở cấp xã. Ở một số huyện, thành phố khi tuyển dụng công chức ở một số chức danh đã yêu cầu tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (như thành phố Chí Linh).

**Thứ tư là**, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã vừa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, vừa thông thạo kỹ năng hành chính, hiểu biết pháp luật, có năng lực làm việc và ứng xử phù hợp, đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại, chuyên nghiệp.

Căn cứ vị trí việc làm và khung năng lực đối với các vị trí chức danh cán

bộ công chức; Sở Nội vụ, có văn bản giao cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh phối hợp với UBND cấp huyện khảo sát, điều tra, đánh giá một cách khách quan thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã về tiêu chuẩn, điều kiện; độ tuổi, thâm niên công tác theo vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, tỉnh đã phối hợp với các cơ sở đào tạo có chất lượng, uy tín như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính... mở các lớp đại học tại địa phương tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo vừa làm việc vừa học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm đảm nhiệm. Đối với cán bộ, công chức lớn tuổi ở cấp xã hiện nay, nếu không đáp ứng đủ trình độ chuyên môn, không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thì giải quyết theo chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc để kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cho phù hợp với quy định.

**Thứ năm là**, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Xây dựng văn hóa ứng xử, giao tiếp cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phù hợp mục tiêu cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân.

**Thứ sáu là**, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất cho cán bộ, công chức thực thi công vụ, công chức./.

## **17. UBND thành phố Hải Phòng**

### **Tham luận về “Kinh nghiệm trong việc thực hiện thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Hải Phòng”**

Ngày 13/11/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông đã qua Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, tạo điều kiện về hành lang pháp lý để thành phố triển khai những chính sách mang tính đột phá, trong đó có chính sách về thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố, theo đó thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0.8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo.

Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Quốc hội, ngày 20/7/2022, Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý sau đó được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 nhằm hoàn thiện quy định, phù hợp với thực tiễn triển khai.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định việc chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố theo 02 nhóm đối tượng và theo hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm như sau:

(1) Nhóm 1 gồm Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể, bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã, những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức tại các Hội đặc thù do thành phố quản lý giao biên chế được hưởng hệ số 0.6 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo (nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên) và 0.4 lần mức lương nêu trên (nếu hoàn thành nhiệm vụ).

(2) Nhóm 2 gồm Viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể, những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng viên chức tại các Hội đặc thù do thành phố quản lý và giao biên chế được hưởng hệ số 0.4 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo (nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên) và 0.2 lần mức lương

nêu trên (nếu hoàn thành nhiệm vụ).

Theo lộ trình, hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm này sẽ tăng đều 0.1 mỗi năm từ năm 2022 cho đến năm 2024 và duy trì đến năm 2026.

### **1. Về nguyên tắc chi thu nhập bình quân tăng thêm**

Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

### **2. Về kết quả thực hiện**

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến 2024, thành phố đã chi tổng cộng hơn 4.000 tỷ đồng cho chính sách thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Cụ thể, trong năm 2022, tổng kinh phí chi trả đạt 1.072,3 tỷ đồng, đảm bảo cho 38.306 người được hưởng lợi. Năm 2023, kinh phí chi trả là 1.013,8 tỷ đồng, với số người hưởng lợi tăng lên 38.467 người. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối ngân sách, đặc biệt là khi triển khai các chính sách an sinh xã hội khác và tình hình phục hồi sau đại dịch COVID19, thành phố vẫn đảm bảo nguồn lực tài chính cho chính sách này.

Đến năm 2024, dự kiến tổng kinh phí chi trả đạt hơn 2.000 tỷ đồng, số người hưởng lợi tạm ước thực hiện bằng năm 2023 và đảm bảo lộ trình tăng hệ số điều chỉnh thu nhập.

Việc triển khai chính sách thu nhập tăng thêm cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một minh chứng rõ ràng cho sự quan tâm của chính quyền thành phố, đồng thời cho thấy tầm nhìn chiến lược trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững.

Trước tiên, về mặt kinh tế, việc chi trả thu nhập tăng thêm giúp cải thiện đời sống của cán bộ, công chức, viên chức thành phố; tạo động lực mạnh mẽ trong công việc, cải thiện đáng kể hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, giảm phiền hà sách nhiễu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ. Số lượng cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2023 đã tăng so với năm 2022, đặc biệt tại các đơn vị cấp xã, nơi trước đây thường gặp khó khăn trong việc giữ chân nhân sự. So với các giai đoạn trước, số công chức, viên chức xin thôi việc tại thành phố có xu hướng giảm (từ 289 công chức, viên chức xin thôi việc trong giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/4/2023 giảm xuống còn 104 công chức, viên chức xin thôi việc giai đoạn từ 01/5/2023 đến 30/9/2023).

Ngoài ra, chính sách còn giúp Hải Phòng trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhân tài trẻ. Kỳ tuyển dụng công chức năm 2024 ghi nhận tỷ lệ 3,56 thí sinh cạnh tranh cho một chỉ tiêu, cao nhất trong vòng 14 năm qua. Nhiều thí sinh có

trình độ thạc sĩ, đại học từ các trường uy tín trên cả nước đã chọn Hải Phòng làm nơi công hiến.

### **3. Về bài học kinh nghiệm**

Dù đã đạt được kết quả thiết thực, song thành phố Hải Phòng luôn nhận thức rõ ràng những thách thức cần khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện chính sách. Việc cân đối nguồn ngân sách, nhất là trong bối cảnh cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn từ phía chính quyền địa phương. Thành phố Hải Phòng cũng đang tích cực nghiên cứu, đề xuất, cải thiện các phương thức triển khai để đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả và tính bền vững. Tại dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, bên cạnh nhiều chính sách cơ chế đặc thù vượt trội, thành phố Hải Phòng tiếp tục đề xuất Quốc Hội xem xét, kế thừa nội dung chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương để tạo động lực nâng cao chất lượng nền công vụ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao ngang tầm nhiều vụ để tiếp đà bứt phá trong kỉ nguyên phát triển mới.

Trong bối cảnh toàn hệ thống chính trị đang khẩn trương thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức nhà nước theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, với phương châm “vừa chạy vừa xếp hàng,” “thời gian không chờ đợi,” “phải làm ngay, càng làm sớm càng có lợi cho dân, cho nước,” chính sách thu nhập tăng thêm là minh chứng rõ nét cho tính ưu việt của phương pháp thu hút, giữ chân nhân tài, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trong ba năm qua, thành phố đã chứng kiến một bước đột phá quan trọng, không chỉ là con số hơn 4.000 tỷ đồng hay 38.000 cán bộ, công chức, viên chức thụ hưởng, mà chính là sự đổi thay trong tâm thế, động lực và chất lượng phục vụ nhân dân, là bài học kinh nghiệm quý báu không chỉ cho Hải Phòng mà còn cho các địa phương khác, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay./.

## 18. UBND tỉnh Hòa Bình

### Tham luận về “Triển khai Đợt thi đua cao điểm “450 ngày đêm hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, nhiệm vụ và giải pháp”

Trong những năm qua, tinh thần thi đua yêu nước của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được phát huy, phong trào thi đua thực sự là động lực thúc đẩy, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, trong đó nhiều phong trào thi đua về công tác xã hội, hướng về người nghèo, người có công, người yếu thế đã thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tham gia. Với nhiều chương trình, đề án hỗ trợ nhà ở, đặc biệt là 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, từ nguồn ngân sách Nhà nước và xã hội hóa, tỉnh Hòa Bình đã triển khai hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhiều nhà ở cho hộ gia đình người có công, hộ nghèo trong toàn tỉnh, nhờ vậy, đến hết năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đã giảm đáng kể xuống còn 6,9%, đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, tính đến hết tháng 9/2024 toàn tỉnh Hòa Bình vẫn còn 6.362 hộ đang ở nhà tạm, nhà dột nát, trong đó có 3.194 hộ có nhà không đảm bảo tiêu chí “03 cứng”: Cứng nền, cứng mái, cứng tường và đang có nhu cầu cấp bách về nhà ở.

Hưởng ứng phong trào thi đua **“Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”** do Thủ tướng Chính phủ phát động. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình trình Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo tỉnh Hòa Bình (*gồm 22 thành viên, trong đó: Trưởng ban Chỉ đạo là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy. Các Phó Trưởng ban Chỉ đạo gồm: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh*)<sup>64</sup>; Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình phê duyệt Đề án “Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2024 - 2025”<sup>65</sup>.

Ngày 09/10/2024, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hòa Bình đã tổ chức Lễ phát động Đợt thi đua cao điểm **“450 ngày đêm hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình”** tại huyện Lạc Sơn, với nhiệm vụ đến hết năm 2025 hoàn thành mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn **3.194 nhà tạm, nhà dột nát** cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở, nhà xuống cấp cần được sửa chữa, xây mới trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; tạo đà để tập trung thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ

<sup>64</sup> Quyết định số 1292/QĐ-TU ngày 04/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình trình Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo tỉnh Hòa Bình.

<sup>65</sup> Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt Đề án “Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2024 - 2025”.



tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII.

Đợt thi đua cao điểm đã tạo khí thế thi đua sôi nổi, thu hút sự vào cuộc đồng bộ, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, với tinh thần tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách”, nhân ái, nghĩa tình, “thương người như thể thương thân” để giúp đỡ cho người có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở. Kết quả từ khi triển khai Đợt thi đua đến nay, Quỹ vì người nghèo tỉnh Hòa Bình đã vận động và tiếp nhận **43,6 tỷ đồng** từ nguồn phân bổ của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nguồn ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để thực hiện Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh. Tính đến 20/11/2024, toàn tỉnh Hòa Bình đã phân bổ kinh phí cho các địa phương để thực hiện và xóa được **348 nhà tạm, nhà dột nát** với tổng kinh phí hỗ trợ là **17,4 tỷ đồng**; dự kiến đến hết năm 2024 toàn tỉnh sẽ xóa được **872 nhà tạm, nhà dột nát/3.194** hộ có nhà tạm, nhà dột nát (có nhu cầu cấp thiết cần hỗ trợ xây dựng) với tổng kinh phí hỗ trợ là **43,6 tỷ đồng**; các hộ còn lại (có nhu cầu sửa chữa) sẽ xóa hoàn toàn vào năm 2025.

Để đạt được những kết quả trên, tỉnh Hòa Bình đã nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Ban, Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; đặc biệt khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam lựa chọn Hòa Bình là nơi tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua **“Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”** đã tạo được hiệu ứng tích cực, sức lan tỏa sâu rộng và tạo ra được sự quyết tâm cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Trong thời gian tới, tỉnh Hòa Bình tiếp tục triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

**Một là**, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác giảm nghèo, trong đó xác định việc thực hiện xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo là một trong những nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm trong chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, góp phần thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

**Hai là**, tiếp tục chỉ đạo quán triệt, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”; Công điện số 117/CĐ-TTgCP ngày 18/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh, triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 25/4/2024 của Tỉnh ủy Hòa Bình về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 13/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 25/4/2024 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt Đề án “Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2024 - 2025”.

**Ba là,** đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện Đợt thi đua “450 ngày đêm hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình” gắn với thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia, các dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, nhằm song hành cùng với Quỹ “Vì người nghèo” của tỉnh, phấn đấu đến hết năm 2025, hoàn thành mục tiêu Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và hỗ trợ gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở, nhà xuống cấp cần được sửa chữa, xây mới trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, gia đình, dòng họ, cộng đồng, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, tích cực tham gia ủng hộ, hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo sửa chữa và xây dựng nhà ở mới. Đồng thời, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, giúp cho hộ nghèo thấy rõ sự giúp đỡ của Nhà nước, của cộng đồng chỉ là sự hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là chính.

**Bốn là,** phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong việc triển khai thực hiện xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo, trong đó phân công đoàn viên, hội viên của các đoàn thể chính trị - xã hội đảm nhận nhiệm vụ cụ thể, để vận động sự tham gia của cộng đồng, xã hội chung tay thực hiện hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo và hộ cận nghèo là đoàn viên, hội viên của tổ chức mình làm mới và sửa chữa nhà ở, gắn với Phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

**Năm là,** triển khai lồng ghép đồng bộ nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, chương trình giảm nghèo đang thực hiện trên địa bàn tỉnh với Đề án xóa nhà tạm, dột nát nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội và được tiếp cận thuận lợi các cơ chế chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế, hỗ trợ sửa chữa, xây dựng nhà ở mới để có kế hoạch triển khai thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, có hiệu quả, tạo đồng thuận cao trong xã hội. Thực hiện hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế, tìm kiếm việc làm và xóa nhà tạm, dột nát, sửa chữa và xây dựng nhà ở mới, khuyến khích hộ nghèo nỗ lực cố gắng, vươn lên thoát nghèo bền vững.

**Sáu là,** kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể,

cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong đợt thi đua. Tập trung khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức, người dân và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có những đề xuất, sáng kiến hoặc trực tiếp đóng góp tích cực, góp phần xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thiết thực lập thành tích chào mừng 80 năm ngày Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 02/9; Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Hòa Bình lần thứ VI tiến tới Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025; Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng./.

## 19. UBND tỉnh Lai Châu

### **Tham luận về “Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu và nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới”**

Trong thời gian qua, dưới sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, đặc biệt là Bộ Nội vụ và sự phối hợp của các cấp, các ngành, UBND tỉnh Lai Châu đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số. Tỉnh Lai Châu đã cụ thể hóa nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, như: Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/3/2021 về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, về xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Qua đó, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh, đồng thời tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, tạo niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Tỉnh Lai Châu thực hiện tốt chính sách ưu tiên trong tuyển dụng người dân tộc thiểu số ở địa phương để đảm bảo nguồn công chức, viên chức phục vụ lâu dài tại tỉnh. Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/3/2021 của Tỉnh ủy xác định hàng năm dành 40% chỉ tiêu để tuyển dụng riêng người dân tộc thiểu số. Kết quả, từ năm 2020 đến nay toàn tỉnh đã tuyển dụng được 1.023 công chức, viên chức, trong đó 93 công chức (dân tộc thiểu số 51 người, chiếm 54,83%), 930 viên chức (dân tộc thiểu số 592 người, chiếm 64%). Tiếp nhận vào làm công chức 161 công chức, trong đó dân tộc thiểu số 39 người, chiếm 24,22%.

Công tác luân chuyển, điều động để đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng được quan tâm thực hiện. Qua đó đã khắc phục được tình trạng cục bộ, khép kín; tăng cường, bổ sung nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số; đã luân chuyển từ tỉnh về giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy, phó chủ tịch UBND huyện và cơ quan hành chính nhà nước; lựa chọn cán bộ ở các phòng, ban của huyện, thành phố có năng lực, uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để luân chuyển về giữ các chức vụ chủ chốt ở cấp xã và luân chuyển giữa các xã. Việc luân chuyển, điều động gắn với người đứng đầu không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tập trung rà soát, cử cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số đi đào tạo, bồi dưỡng cả về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị; chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới theo tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm. Từ năm 2020 đến nay đã cử 10.150 lượt cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đi đào tạo, bồi dưỡng (chiếm 68,15% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng). Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần từng bước nâng cao trình độ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn chức danh; hiệu quả tham mưu, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ có chuyển biến tích cực.

Quan tâm quy hoạch cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị trên nguyên tắc chỉ phê duyệt quy hoạch khi đảm bảo tỷ lệ người dân tộc thiểu số và thành phần dân tộc cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị; đối với những nơi chưa đảm bảo tỷ lệ người dân tộc thiểu số thì để khuyết, bổ sung hàng năm; gắn quy hoạch cán bộ cấp xã với quy hoạch cấp huyện.

Đến nay, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số cơ bản đủ về số lượng, chất lượng được nâng lên. Toàn tỉnh có 5.916 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (chiếm 37,39% so với tổng số cán bộ, công chức, viên chức). Trong đó:

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số cấp tỉnh chiếm 27,25%, vượt 7,25% so với tỷ lệ đề ra; cấp huyện chiếm 42,22%, vượt 7,22% so với tỷ lệ đề ra; cấp xã chiếm 77,4%, vượt 27,4% so với tỷ lệ đề ra.

- Số có trình độ chuyên môn đại học trở lên chiếm 74,13%, cao đẳng chiếm 11%, trình độ cử nhân và cao cấp lý luận chính trị chiếm 2,35%, trung cấp lý luận chính trị chiếm 12,08%.

- Về nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số của Ban Dân tộc tỉnh và Phòng Dân tộc các huyện, thành phố: Đều vượt tỷ lệ theo quy định<sup>66</sup>.

- Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý:

- + Trưởng, phó các sở, ban, ngành tỉnh đạt 15%, trong đó có 12/27 sở, ban, ngành tỉnh đạt 44,4%.

- + Trưởng, phó cấp phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh đạt 13%, trong đó có 30/111 tổ chức, đơn vị đạt 27%.

- + Trưởng phó các phòng chuyên môn cấp huyện đạt 27%, trong đó có 49/95 cơ quan đạt 48,4%.

**Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số ở tỉnh vẫn còn một số hạn chế như:**

---

<sup>66</sup> Ban Dân tộc tỉnh: 10/22 cán bộ, công chức, chiếm 45,45%, vượt 5,45% so với tỷ lệ đề ra. Phòng Dân tộc cấp huyện: 19/26 cán bộ, công chức, chiếm 73,07%, vượt 23,07% so với tỷ lệ đề ra.

- Một số dân tộc của tỉnh có rất ít cán bộ, công chức, viên chức như: Mảng, Si La, La Hủ, Công, Khơ Mú, Kháng, Lào, Lự. Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, cấp phòng ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thấp hoặc chưa có. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số giữ chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện còn thấp chưa đạt tỷ lệ theo Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chất lượng nguồn nhân lực một số dân tộc thiểu số ít người còn thấp. Nguồn tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số còn thiếu; kết quả thi tuyển công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số trên địa bàn trúng tuyển đạt tỷ lệ rất thấp.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số chưa đồng đều, một số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số khả năng phối hợp, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của cấp trên vào thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

*\* Nguyên nhân:*

- Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ dân trí chưa đồng đều. Chất lượng nguồn nhân lực một số dân tộc còn thấp, nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số có nơi còn khó khăn.

- Chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút chưa đủ mạnh để tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nhất là người dân tộc thiểu số tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác tại tỉnh.

- Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số ở một số cơ quan còn ít nên việc giới thiệu quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý chưa đảm bảo theo cơ cấu theo quy định.

**Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong thời gian tới, tỉnh xác định một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:**

*Một là*, tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số. Nêu cao vai trò của các cơ quan, đơn vị trong hướng dẫn, chỉ đạo, quản lý, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng. Huy động được tinh thần và trách nhiệm của cán bộ người dân tộc thiểu số trong việc tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*Hai là*, tiếp tục triển khai, thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện đúng, đầy đủ, có hiệu quả các chế độ, chính sách ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức người

dân tộc thiểu số. Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách có tính đặc thù trong tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng; chế độ chính sách trong đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn, điều kiện trong quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số.

**Ba là,** xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu theo Quyết định số 402/2016/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện tốt Kết luận số 209-KL/TU ngày 06/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 15/3/2021 về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**Bốn là,** tiếp tục làm tốt công tác tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số cả trước mắt và lâu dài; chú trọng phát hiện những học sinh giỏi, nhất là học sinh dân tộc thiểu số rất ít người mà hiện nay chưa có hoặc có ít cán bộ để đưa đi đào tạo ở các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện, tỉnh, cử tuyển đi học ở các trường chuyên nghiệp. Thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng công chức, viên chức, trong đó hằng năm tiếp tục dành 40% chỉ tiêu để tổ chức tuyển dụng riêng người dân tộc thiểu số, đặc biệt quan tâm đến một số dân tộc ít người như Cống, Mảng, La Hủ, Si La, Lự, Lào; có lộ trình cụ thể để bố trí sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển ra trường theo vị trí việc làm; quan tâm tuyển dụng công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số; cấp có thẩm quyền chỉ phê duyệt quy hoạch khi đảm bảo tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số và cơ cấu thành phần dân tộc phù hợp.

**Năm là,** thường xuyên rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, đánh giá đúng thực chất, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị, từ đó làm cơ sở để xây dựng quy hoạch, tạo nguồn, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số một cách hợp lý và có hiệu quả. Quan tâm bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cán bộ người dân tộc thiểu số ở một số ngành, lĩnh vực chưa có hoặc có ít cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số; trong đó chú trọng một số dân tộc có tỷ lệ dân số cao nhưng số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý còn ít. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về công tác dân tộc thiểu số. Kịp thời phát hiện những khó khăn, bất cập ở cơ sở để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời.

**Bên cạnh những giải pháp nêu trên, để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, tỉnh Lai Châu đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:**

1) Đề nghị các bộ, ngành Trung ương theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp

có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, thu hút, đãi ngộ, sử dụng và quản lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, nhất là cán bộ, công chức cấp xã ở các địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

2) Đề nghị xem xét mở rộng đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 về quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc thiểu số miền núi có ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được tham gia học cử tuyển để tăng số lượng học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số được tham gia đào tạo cử tuyển góp phần khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là khắc phục tình trạng thiếu giáo viên Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc tại các địa phương.

3) Đề nghị sớm sửa đổi quy định tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

4) Đề nghị xem xét, có chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức đối với người dân tộc thiểu số ở những tỉnh miền núi để nâng cao tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số đảm bảo đạt tỷ lệ theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới./.



## 20. UBND Lâm Đồng

### **Tham luận về “Triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”**

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước với mục tiêu nhằm mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Xác định công tác sắp xếp các đơn vị hành chính là công việc khó, phức tạp, ảnh hưởng và tác động sâu rộng đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống của Nhân dân. Đề tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn tỉnh, quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ.

Ngay từ khi có các văn bản chỉ đạo, triển khai của Trung ương. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh Lâm Đồng và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo đúng quy định đề ra; Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 34 văn bản; HĐND tỉnh ban hành 10 văn bản; Ban cán sự đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh ban hành 107 văn bản (*Ban cán sự đảng UBND tỉnh, ban hành 20 văn bản, UBND tỉnh ban hành 87 văn bản*) trong đó tập trung vào các nội dung lớn như: Quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; Thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo; Quyết định thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; thông qua các Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy định hướng về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi và mức hỗ trợ đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp; quy định chính sách hỗ trợ thêm đối với một số đối tượng tinh giản biên chế dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ban hành Phương án tổng thể, Đề án sắp xếp ĐVHC trình Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hồ sơ Đề án sắp xếp. Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn Tổ chức kỳ họp HĐND để kiện toàn bộ máy chính quyền của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và triển khai tổ chức thực hiện, công bố Nghị quyết, quyết định thành lập Đảng bộ; quyết

định phê chuẩn các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện Đa Huoai mới...

Việc triển khai sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được triển khai đồng bộ, có sự đồng thuận, thống nhất cao của cử tri các địa phương thực hiện sắp xếp sáp nhập. Số cử tri tham gia lấy ý kiến sắp xếp 03 huyện chiếm tỷ lệ cao 89.282/92.115 cử tri, đạt 96,92%. Có 83,23% cử tri đồng ý nhập 03 huyện thành 01 huyện, lấy tên là huyện Đa Huoai; có nhiều xã tỷ lệ cử tri tham gia lấy ý kiến đạt trên 90% trở lên. HĐND cấp xã, cấp huyện và tỉnh Lâm Đồng tán thành chủ trương về việc sắp xếp đơn vị hành chính với sự biểu quyết thống nhất của 100% đại biểu tham dự nhất trí.

Trên cơ sở Tờ trình đề nghị của UBND tỉnh Lâm Đồng; công tác thẩm định, thẩm tra của Bộ Nội vụ, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, tại kỳ họp ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025. Theo Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, huyện Đa Huoai mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 huyện: huyện Đa Huoai, huyện Đa Têh và huyện Cát Tiên. Sau khi sáp nhập, huyện Đa Huoai có diện tích tự nhiên 1.448,48 km<sup>2</sup> (*đứng thứ 3 toàn tỉnh*), dân số hơn 146.064 người (*đứng thứ 6 toàn tỉnh*). Cùng với việc thành lập huyện Đa Huoai mới, huyện Đa Huoai cũng tiến hành sắp xếp 08 đơn vị hành chính cấp xã (*gồm: nhập xã Phước Lộc vào xã Hà Lâm, xã Đa Tôn vào xã Đa Oai, xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị và thành lập xã Bà Gia trên cơ sở nhập xã Đoàn Kết và xã Đa P'loa*).

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của 03 huyện Đa Huoai, Đa Têh, Cát Tiên và sắp xếp xã Pró vào xã Quảng Lập thuộc huyện Đơn Dương; tỉnh Lâm Đồng giảm 02 đơn vị hành chính cấp huyện (*còn 10 cấp huyện, gồm 02 thành phố, 08 huyện*). Giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã (*còn 137 cấp xã gồm 106 xã, 18 phường và 13 thị trấn*).

Tỉnh Lâm Đồng là một trong số 63 tỉnh, thành duy nhất của cả nước thực hiện sắp xếp **03 đơn vị hành chính huyện thành một**; tại kỳ họp ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã biểu dương Lâm Đồng cùng 03 tỉnh thực hiện tốt việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đảm bảo hiệu quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 141-KH/TU ngày 05/11/2024 thành lập tổ chức bộ máy, sắp xếp nhân sự các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, giai đoạn 2023 - 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 9743/KH-UBND ngày 08/11/2024 triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch số 10502/KH-UBND ngày 29/11/2024 tổ chức Lễ công bố thành lập huyện Đa Huoai theo Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Ngày 02/12/2024, Thường trực Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị công bố

Quyết định thành lập Đảng bộ huyện Đa Huoai mới. Ngày 03/12/2024, HĐND huyện Đa Huoai tổ chức kỳ họp HĐND để thành lập, kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự của HĐND, UBND nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Ngày 04/12/2024, Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Nghị quyết, Quyết định phê chuẩn nhân sự Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND và UBND huyện Đa Huoai. Ngày 05/12/2024, Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh long trọng tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập huyện Đa Huoai theo Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy từ đầu tháng 12/2024, Đảng bộ, Chính quyền huyện Đa Huoai mới chính thức đi vào hoạt động theo quy định.

Như vậy có thể nói, việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 2023-2025 thể hiện sự quyết tâm chính trị của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc quyết liệt và hưởng ứng tích cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và đặc biệt là sự đồng thuận của người dân, cử tri tại các địa bàn thực hiện sắp xếp, sáp nhập. Bên cạnh đó việc thực hiện quy trình, thủ tục sắp xếp đơn vị hành chính với khối lượng công việc lớn phải hoàn thành đúng tiến độ theo chỉ đạo của Trung ương; trong quá trình thực hiện, tỉnh Lâm Đồng luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự quan tâm, giúp đỡ, phối hợp của Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, các bộ, ngành Trung ương. Cùng với sự lãnh đạo chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, tỉnh Lâm Đồng đã trình hồ sơ Đề án gửi Trung ương theo đúng quy định, đề án đảm bảo chặt chẽ được Bộ Nội vụ, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao; đồng thời có sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt đầy trách nhiệm của đồng chí Quyền Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, công tác tham mưu triển khai của các Sở, ban, ngành địa phương, trong đó có vai trò rất lớn của Sở Nội vụ (cơ quan thường trực) Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Lâm Đồng.

Qua việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

**Thứ nhất**, phải làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ liên quan đến sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; nhất là phải tập trung tuyên truyền sâu rộng sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2025, đặc biệt là các quy định, hướng dẫn về chế độ chính sách của Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để cán bộ, đảng viên, CBCCVN và Nhân dân hiểu rõ và tích cực triển khai đồng thuận, thực hiện đạt kết quả, hiệu quả cao nhất.

**Thứ hai**, việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức đảm bảo nguyên tắc thống nhất tổ chức Đảng, các cơ quan, tổ chức cùng cấp, đáp ứng yêu cầu chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**Thứ ba**, các cấp uỷ đảng, chính quyền trong tỉnh thường xuyên đi sâu, đi sát, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, trong đó đặc biệt chú ý các trường hợp dôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính để có phương án giải quyết, hỗ trợ thấu tình, đạt lý, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trong đó chú trọng phương châm làm việc: Các cơ quan tham mưu thực hiện, cấp uỷ chính quyền địa phương ở ĐVHC thực hiện sắp xếp cần chủ động thời gian, làm việc không kể ngày đêm, để tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được giao, không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, không để bỏ trống địa bàn, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của người dân...

**Thứ tư**, chỉ đạo bố trí, quản lý, sử dụng trụ sở, tài sản công của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không để trụ sở cấp huyện, cấp xã để hoang, bỏ trống. Có biện pháp huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư đối với các đơn vị hành chính sau sắp xếp.

**Thứ năm**, tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách ở các địa phương, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Tích cực, chủ động tham mưu ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ thêm đối với một số đối tượng tinh giản biên chế dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Thứ sáu**, kịp thời tuyên truyền, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện công tác sắp xếp đơn vị hành chính. Có các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời có biện pháp xử lý đối với trường hợp vi phạm theo quy định.

Có thể khẳng định, trong giai đoạn 2023-2025, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo đúng chủ trương, Nghị quyết và tiến trình đề ra; đây sẽ là kinh nghiệm để tỉnh Lâm Đồng tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2026-2030.

Tuy nhiên, để làm tốt hơn nữa công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cho giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh Lâm Đồng mạnh dạn đề xuất với Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Trung ương một số nội dung sau:

1) Sớm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với việc xây dựng Phương án, Đề án... sắp xếp đơn vị hành chính để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất trong cả nước.

2) Lộ trình kế hoạch triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cần được ban hành sớm để các địa phương chủ động thực hiện./.

## 21. UBND tỉnh Lạng Sơn

### Tham luận về “Công tác triển khai nâng cấp, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Lạng Sơn”

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Nội vụ về việc triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; UBND tỉnh Lạng Sơn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn, VNPT Lạng Sơn và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai nâng cấp phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Bộ Nội vụ; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai cập nhật, bổ sung, chuẩn hoá thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn theo yêu cầu, quy định của Bộ Nội vụ; ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật, bổ sung, xác nhận hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn với Cơ sở dữ liệu quốc gia. Bên cạnh đó, để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, chia sẻ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (*Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 27/12/2023*).

Kết quả, đến hết giai đoạn 1 (trước ngày 30/4/2023): UBND tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện đồng bộ **27.636** (tỷ lệ 100%) hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, là một trong 09/63 tỉnh hoàn thành tỷ lệ 100% đảm bảo đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

Tiếp tục triển khai giai đoạn 2: Đến ngày 12/12/2023, UBND tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện phê duyệt **27.889** (tỷ lệ 100%) hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, hoàn thành trước thời hạn yêu cầu của Bộ Nội vụ (*trước 31/12/2023*).

Trong năm 2024, để tiếp tục triển khai kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo nguyên tắc "**Đúng, đủ, sạch, sống**", góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động, kịp thời,

cập nhật bổ sung thông tin đầy đủ, chính xác khi có biến động của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; thường xuyên đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức chủ động cập nhật, bổ sung thông tin; công chức phụ trách tài quản khoản trị thường xuyên rà soát, kiểm duyệt trước khi xác nhận hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định.

Trên cơ sở Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác và phê duyệt dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức đã ban hành, UBND tỉnh Lạng Sơn tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ tỉnh Lạng Sơn hằng tháng thường xuyên theo dõi, phê duyệt dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định<sup>67</sup>. Qua theo dõi, 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức có biến động của cán bộ, công chức, viên chức đều được cập nhật về Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Kết quả kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức giúp UBND tỉnh Lạng Sơn thực hiện quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức hiệu quả, giảm chi phí, thời gian, công sức, thuận tiện trong việc tra cứu tìm kiếm hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời có thể trích xuất, kê khai, bổ sung thông tin, lý lịch hàng năm của cán bộ, bộ công chức, viên chức hoặc thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo yêu cầu quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai, thực hiện nâng cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh Lạng Sơn còn có một số khó khăn, vướng mắc như sau:

**Thứ nhất**, quá trình tổ chức triển khai, thực hiện việc nâng cấp, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo sát sao việc cập nhật, bổ sung, rà soát, kiểm duyệt, xác nhận thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý dẫn đến việc dữ liệu chưa đầy đủ.

**Thứ hai**, một số trường thông tin tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức chưa đầy đủ, đồng bộ như: thiếu thông tin về mã chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương quy định tại các Nghị định, Thông tư cũ gây khó khăn đến việc cập nhật, bổ sung thông tin.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện tốt kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức từ phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, UBND tỉnh Lạng Sơn tiếp tục triển khai một số giải pháp sau:

(1) Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quan tâm, sâu sát rà soát, cập nhật, bổ sung thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo “Đúng - Đủ - Sạch- Sòng”; thường xuyên đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức kịp thời cập

<sup>67</sup>Theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BNV “Trong vòng 05 ngày cuối từng tháng, người có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số tại Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương”.

nhật, bổ sung thông tin khi có biến động; quản lý, rà soát, kiểm duyệt dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trước khi xác nhận đảm bảo theo quy định.

(2) Tăng cường và nâng cao chất lượng tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.

(3) Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với VNPT Lạng Sơn và các cơ quan có liên quan nghiên cứu nâng cấp, bổ sung các tính năng của phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn phục vụ khai thác, sử dụng, quản lý có hiệu quả dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn./.

## 22. UBND tỉnh Nam Định

### **Tham luận về “Triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Nam Định theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”**

Việc sắp xếp đơn vị hành chính là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, hợp với ý nguyện của nhân dân, tạo không gian mới để phát triển kinh tế - xã hội và thu gọn đầu mối, giảm bớt số lượng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng đó, ngay sau khi Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Nam Định đã tập trung truyền truyền đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; quyết tâm thực hiện, triển khai đến cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức xây dựng Phương án, Đề án, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Ngày 15/3/2024, tỉnh Nam Định đã trình Bộ Nội vụ hồ sơ sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, sớm hơn 1,5 tháng so với lộ trình đăng ký.

Ngày 23/7/2024, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1104/NQ-QH về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Nam Định, theo đó thực hiện sáp nhập huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định; sắp xếp, sáp nhập 77 đơn vị hành chính cấp xã, thành 26 đơn vị cấp xã mới. Sau sắp xếp, tỉnh Nam Định có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 08 huyện và 01 thành phố), có 175 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 146 xã, 14 phường, 15 thị trấn); giảm 01 đơn vị hành chính cấp huyện, 51 đơn vị hành chính cấp xã. Nam Định là một trong ba tỉnh đầu tiên được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và là một trong những địa phương có số lượng sắp xếp lớn nhất cả nước.

Ngay sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết, tỉnh Nam Định đã tập trung triển khai các nhiệm vụ để tổ chức sắp xếp theo đúng thời gian của nghị quyết, đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau khi sắp xếp. Các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan Nhà nước tại các đơn vị tiến hành sắp xếp đã tích cực kiện toàn về bộ máy, tổ chức, nhân sự, tổ chức bàn giao tài sản, tài chính, tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thu hồi và cấp phát con dấu... đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, bình thường, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy trong hệ thống chính trị ở các đơn vị hành chính tiến hành sắp xếp, nhất là tại bộ phận một cửa ngay trong ngày 01/9/2024; không làm xáo trộn đời sống, sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị, doanh nghiệp.

Đến nay, sau hơn ba tháng triển khai thực Nghị quyết số 1104 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tổ chức bộ máy của thành phố Nam Định mới và 26 đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp hoạt động ổn định, thông suốt; việc



sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>68</sup> bảo đảm tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Các địa phương đã bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mới.

Việc thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dồi dư do sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện ngay theo đúng quy định Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và chính sách hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh.

Nhân dịp này, tôi cũng xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo Bộ Nội vụ, các vụ, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ, đặc biệt là cá nhân đồng chí Bộ trưởng đã quan tâm, giúp đỡ, ủng hộ tỉnh Nam Định trong việc sắp xếp đơn vị hành chính nói riêng và các nhiệm vụ khác thuộc chức năng quản lý của Bộ Nội vụ trong suốt thời gian qua.

Để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong thời gian tới, tỉnh Nam Định tập trung triển khai các nhiệm vụ, sau:

**1.** Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về kết quả, tác dụng của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đến các tầng lớp nhân dân để tạo sự đồng thuận trong xã hội, làm cơ sở cho việc triển khai ở giai đoạn 2026 - 2030.

**2.** Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**3.** Các đơn vị sau sắp xếp tiếp tục rà soát các nhiệm vụ, công việc để tất cả các cơ quan, đơn vị hoạt động đồng bộ, hiệu quả, tạo thuận tiện nhất cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính. Khi tiếp nhận bàn giao tài sản, tài chính, hồ sơ, tài liệu... có trách nhiệm đối khớp và bảo quản, lưu trữ theo đúng quy định, không để thất lạc, hư hỏng tài liệu và bàn giao thiếu hồ sơ. Có phương án quản lý, sử dụng hiệu quả, điều chuyển tài sản, trụ sở các đơn vị theo phương án và quy định của pháp luật, không được để hoang hóa, xuống cấp tài sản, trụ sở

**4.** Đẩy mạnh việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp theo đúng quy định, gắn với việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 và Đề án số hóa hộ tịch đã được phê duyệt. Kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

---

<sup>68</sup> Sau sáp nhập, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Nam Định gồm 02 đơn vị sự nghiệp văn hóa, 01 đơn vị sự nghiệp y tế và 36 trạm y tế xã, phường, 05 đơn vị sự nghiệp khác, 100 đơn vị sự nghiệp giáo dục.

**5.** Các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn chuẩn bị tốt các nội dung để tiến hành Đại hội Đảng bộ cấp xã, cấp huyện nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo quy định.

**6.** Về Kiến nghị, đề xuất

1) Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn kịp thời những nội dung liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư.

2) Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu đề xuất với Chính phủ giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ cấp xã dôi dư tính thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết như với công chức cấp xã./.

## 23. UBND tỉnh Ninh Bình

### Tham luận về “Chuyển đổi số trong công tác văn thư lưu trữ của tỉnh Ninh Bình”

Chuyển đổi số là trụ cột cốt lõi cho định hướng chiến lược phát triển tỉnh Ninh Bình đến năm 2035 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng Đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo; trong đó, xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số là 01 trong 03 khâu đột phá và 01 trong 06 nhiệm vụ trọng tâm gắn với ngành Nội vụ đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 mà tỉnh Ninh Bình đang tập trung thực hiện đó là “*Tập trung cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; nâng cao năng lực cạnh tranh*”.

Trước những yêu cầu cấp thiết trong tình hình mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về chuyển đổi số của tỉnh, của ngành Nội vụ, trong đó đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm thể hiện sự quyết tâm chuyển đổi số công tác văn thư, lưu trữ như: xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; số hóa, lập hồ sơ điện tử và tiếp nhận hồ sơ, tài liệu điện tử Kho dữ liệu điện tử bảo đảm kết nối, chia sẻ, tích hợp với nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành, địa phương...

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024 - 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Kế hoạch nhằm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”, Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025”... nhằm từng bước triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực nói chung và lĩnh vực văn thư, lưu trữ nói riêng trên địa bàn tỉnh.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự cố gắng nỗ lực của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh, công tác ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ đã mang lại một số kết quả tích cực:

**Một là**, nhận thức của các cấp, các ngành về chuyển đổi số, về tầm quan trọng của công tác văn thư, lưu trữ đã có sự chuyển biến tích cực. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, của cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số, văn thư, lưu trữ được nâng cao; 100% các cơ quan, đơn vị đã sử dụng văn bản điện tử trong giải quyết công việc chuyên môn.

**Hai là**, Ninh Bình đã xây dựng, hình thành cơ bản các Hệ thống thông tin, hạ tầng, nền tảng của chính quyền điện tử phục vụ cho phát triển chính quyền số, chuyển đổi số: Trung tâm Dữ liệu tỉnh đang từng bước hoàn thiện; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) được đầu tư, đảm bảo kết nối, liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (NDXP) quốc gia; Nền tảng điện toán đám mây dùng riêng của tỉnh đang được triển khai; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống hợp không giấy tờ (eCabinet)... được triển khai, hoạt động ổn định, hiệu quả. Bước đầu đã xây dựng kho dữ liệu dùng chung để lưu trữ, chia sẻ, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các dữ liệu điện tử, phục vụ cho việc quyết định chính sách, quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân của các cơ quan, tổ chức.

**Ba là**, đã xây dựng và hoàn thiện Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice. 100% các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh sử dụng Hệ thống với tổng số tài khoản người dùng là 11.211. Tỷ lệ ký số văn bản điện tử của các cơ quan cấp tỉnh đạt 95,3%, cấp huyện đạt 91,7%, cấp xã đạt 97%; công tác lập hồ sơ điện tử bước đầu được thực hiện tạo tiền đề quan trọng trong giao nộp hồ sơ vào Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử tỉnh.

**Bốn là**, đã tích cực triển khai số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu về hồ sơ, văn bản lưu trữ tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ sở dữ liệu đã được chuẩn hóa, sẵn sàng cho việc tích hợp, chia sẻ chủ yếu trên các hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung của tỉnh... Các sở, ngành cơ bản hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đang tích cực triển khai thực hiện số hóa bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Bên cạnh đó, công tác số hóa hồ sơ, tài liệu tại Kho lưu trữ lịch sử của tỉnh được thực hiện từ năm 2020 theo Đề án “Tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ lịch sử”, đến nay đã hoàn thành số hóa khoảng hơn 2 triệu trang tài liệu. Công tác số hóa giúp cho việc quản lý, bảo quản an toàn và tổ chức khai thác, sử dụng nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và công dân; giảm thiểu sự xuống cấp về mặt vật lý và hóa học của tài liệu gốc.

**Năm là**, việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác văn thư, lưu trữ được quan tâm chú trọng; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung rà soát, đánh giá nhu cầu và tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh.

Từ những kết quả nổi bật trên, có thể khẳng định: *Chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả nhất định, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.*

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn không ít những khó khăn, thách thức như: Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử còn chưa có sự thống nhất trong cả nước; công tác lập hồ sơ, giao nộp hồ sơ, tài liệu điện tử vào Lưu trữ cơ quan và Lưu trữ lịch sử tuy đã có hướng dẫn, nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn khó khăn; lưu trữ tài liệu số của các cơ quan, tổ chức nhà nước tiềm ẩn nguy cơ về an toàn an ninh thông tin.

Năm 2025 là năm cuối nhiệm kỳ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm vụ đặt ra cho năm 2025 và giai đoạn 2025 - 2030 là rất lớn. Tỉnh Ninh Bình xác định nhiệm vụ năm 2025, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tổ chức thành công Đại hội đảng các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy “*Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*” gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ; trong đó tiếp tục quan tâm đẩy mạnh chuyển đổi số. Để phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể năm 2025 và các năm tiếp theo đối với chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

(1) Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện 3 khâu đột phá, 6 nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, trong đó có các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến lĩnh vực của ngành Nội vụ.

(2) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số cũng như thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đồng bộ ở các cấp, các ngành bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

(3) Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp để tiếp nhận hồ sơ, tài liệu điện tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn vào Lưu trữ lịch sử, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo Nghị quyết số 01- NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Quyết định số 458/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(4) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ quan, đơn vị, Kho lưu trữ số tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất việc lưu trữ, chia sẻ, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình chuyển đổi số.

(5) Triển khai các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số gắn với công tác văn thư, lưu trữ cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, khó khăn đối với chuyển đổi số trong công tác văn thư, lưu trữ, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm hơn nữa của Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ, Bộ Nội vụ, các Bộ ngành Trung ương và kiến nghị, đề xuất một số nội dung:

*Thứ nhất:* Sớm ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện Luật Lưu trữ năm 2024; đặc biệt là các văn bản về quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ điện tử để địa phương có căn cứ thực hiện.

*Thứ hai:* Xây dựng hệ thống dùng chung trong công tác lưu trữ của ngành Nội vụ, thống nhất từ trung ương tới địa phương như Hệ thống quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu điện tử, xác thực tài liệu lưu trữ số; đồng thời đảm bảo sự kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu của các ngành khác./.

## 24. UBND tỉnh Quảng Ninh

### Tham luận về “Kinh nghiệm thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trong công tác bầu cử Trưởng thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”

Trong những năm qua, Đảng ta có nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, như: *Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị “Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026”*. Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương về tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã xây dựng Đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” (Đề án 25); đồng thời, ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 3/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh “Về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”; trong đó, đề ra nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cấp xã và thôn, khu phố, trong đó mô hình “*Dân tin - Đảng cử*”, nhất thể hóa chức danh Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, khu phố là một giải pháp hiệu quả trong đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản biên chế ở địa phương, cơ sở.

Ngay từ năm 2015, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động của tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh và phát hiện ra một số bất cập, mâu thuẫn cần tập trung khắc phục kịp thời, trong đó có cấp cơ sở và mô hình tổ chức ở thôn, khu phố. Toàn tỉnh chỉ có 32,8% trưởng thôn, khu phố là đảng viên; tỷ lệ bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, khu phố (*gọi tắt là Trưởng thôn*) còn thấp (chỉ chiếm 21,8%); trình độ, năng lực hoạt động thực tiễn của một số người chưa đáp ứng yêu cầu, bí thư chi bộ thiếu kiến thức, kỹ năng điều hành hoạt động của thôn, khu phố, trưởng thôn chưa là đảng viên thì thiếu kiến thức, hiểu biết về công tác đảng nên công tác lãnh đạo, điều hành thôn, khu phố còn lúng túng, cứng nhắc, chưa thực sự hiệu quả, thậm chí có người còn vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng...

Qua khảo sát, tổng kết thực tiễn, tỉnh Quảng Ninh nhận thấy, ở những nơi có Trưởng thôn là đảng viên, đặc biệt là Bí thư chi bộ thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đó rất thuận lợi, tránh được sự trùng chéo, đùn đẩy, giảm khâu trung gian, tạo sự thống nhất, đồng thuận ngay từ việc ban hành nghị quyết đến chỉ đạo thực hiện, qua đó nhận được sự ủng hộ, đồng tình cao của nhân dân. Khi Trưởng thôn là Bí thư chi bộ sẽ có điều kiện

trực tiếp cùng chi ủy, chi bộ bàn bạc, thảo luận xây dựng nghị quyết sát với thực tiễn công việc của thôn, khu phố đồng thời việc triển khai thực hiện nghị quyết của chi bộ, chủ trương chỉ đạo của cấp ủy cấp trên cũng thuận lợi hơn; phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong công việc cũng như cuộc sống thường ngày. Ngược lại, khi Trưởng thôn không là Bí thư chi bộ hoặc chưa phải là đảng viên thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo sẽ gặp khó khăn hơn, đặc biệt là việc tiếp thu, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của chi bộ.

Từ thực tiễn đó, ngày 28/12/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU về “**Thống nhất nhiệm kỳ đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở với bầu Trưởng thôn, khu phố, nhiệm kỳ 2017 - 2020**”. Trong đó, đặt ra mục tiêu thực hiện 100% Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn với phương châm lựa chọn nhân sự theo phương thức “**Dân tin - Đảng cử**”; thống nhất và đồng bộ nhiệm kỳ đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở với nhiệm kỳ Trưởng thôn; toàn tỉnh bầu cử Trưởng thôn trong một ngày, sau đó đồng loạt tiến hành Đại hội chi bộ thôn, khu phố. Đến nay, Tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện thành công mô hình “**Dân tin - Đảng cử**” **được 03 nhiệm kỳ** (2017 - 2020; 2020 - 2022; 2022 - 2025) với tỷ lệ 100% Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, chất lượng đội ngũ Trưởng thôn ngày càng được nâng cao (*Nhiệm kỳ 2022 – 2025, đội ngũ Trưởng thôn có trình độ văn hóa THPT chiếm trên 75%; trình độ chuyên môn Đại học trở lên chiếm trên 20%; Cao đẳng, Trung cấp chiếm trên 31%; Trình độ lý luận chính trị Trung cấp trở lên chiếm trên 28%*). Ở mỗi nhiệm kỳ bầu cử Trưởng thôn, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều ban hành văn bản lãnh đạo chỉ đạo để thống nhất thực hiện trong toàn tỉnh.

Nhiệm kỳ 2025 - 2027, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục thực hiện mô hình ‘**Dân tin - Đảng cử**’, toàn tỉnh thực hiện bầu cử Trưởng thôn vào Chủ nhật, ngày 15/12/2024, sau đó đồng loạt tiến hành Đại hội chi bộ thôn, khu phố xong trước ngày 15/01/2025. Thực hiện mô hình “**Dân tin - Đảng cử**” nhân sự bầu Trưởng thôn gắn với nhân sự chi ủy và Bí thư chi bộ, tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác nhân sự Trưởng thôn; người trúng cử Trưởng thôn (Dân tin) sẽ được giới thiệu để bầu Bí thư tại Đại hội chi bộ thôn, bản, khu phố (Đảng cử); do vậy, ngoài đáp ứng tiêu chuẩn của cấp ủy viên theo quy định của Đảng còn đáp ứng tiêu chuẩn Trưởng thôn theo quy định của pháp luật; thực hiện kỷ lưỡng công tác hiệp thương nhân sự, phát huy cao nhất quyền đề cử, ứng cử của cử tri trong bầu cử Trưởng thôn, nêu cao tinh thần dân chủ, khách quan, minh bạch tại các bước nhân sự đặc biệt là hiệp thương bước 2 (lấy ý kiến cử tri về nhân sự ứng cử) để chốt danh sách chính thức những người ứng cử Trưởng thôn. Theo đó, chất lượng nhân sự ứng cử nhiệm kỳ 2025-2027 được nâng cao: Trình độ văn hóa THPT chiếm trên 74%; Trình độ chuyên môn Đại học trở lên chiếm trên 23%, Cao đẳng, Trung cấp chiếm trên 29%; Trình độ lý luận chính trị Trung cấp trở lên chiếm trên 27%; quan tâm trẻ hóa đội ngũ với trên 16% dưới 40 tuổi (nhân sự trẻ nhất 22 tuổi); đây là dự nguồn quan trọng để tuyển dụng, bổ nhiệm vào cán bộ, công chức cấp xã khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.



Nhiệm kỳ 2025 - 2027 là nhiệm kỳ đầu tiên thực hiện bầu cử Trưởng thôn theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh; sự vào cuộc đầy trách nhiệm và quyết tâm của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp, công tác hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ chi tiết, kỹ càng...; do đó, tất cả các công việc chuẩn bị cho ngày bầu cử Trưởng thôn, khu phố đã hoàn tất, như: Quyết định tổ chức bầu cử; thành lập Tổ bầu cử; lập và niêm yết danh sách người ứng cử; lựa chọn hình thức bầu cử; lập và niêm yết danh sách cử tri đều được triển khai sớm hơn so với thời hạn và bảo đảm theo quy định.

Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, sự vào cuộc đầy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là sự tin tưởng, đồng thuận của cử tri Nhân dân, chúng tôi tin tưởng cuộc bầu cử Trưởng thôn nhiệm kỳ 2025-2027 sẽ thành công tốt đẹp trên mọi phương diện.

Thành công của mô hình “Dân tin - Đảng cử” ở tỉnh Quảng Ninh trong 3 nhiệm kỳ vừa qua đã đạt được những kết quả rất tích cực, trở thành điểm sáng trong cả nước. Qua thực tiễn minh chứng đây là chủ trương đúng đắn, góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ đảng ở khu dân cư; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ngay từ cơ sở. Hiệu quả, vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo nhiệm vụ của chi bộ đối với toàn bộ hoạt động ở thôn, khu phố được nâng lên rõ rệt, gắn kết nhiệm vụ của Bí thư chi bộ và Trưởng thôn; giảm các khâu trung gian, tránh sự trùng chéo, đùn đẩy, né tránh hoặc có “khoảng trống” trong lãnh đạo của chi bộ và điều hành của Trưởng thôn.

Với mô hình này, cơ cấu bộ máy ở các thôn, bản, khu phố gọn nhẹ hơn, tạo sự thống nhất, đồng thuận ngay từ việc ban hành nghị quyết đến tổ chức thực hiện. Hầu hết các thôn, bản, khu phố đều giữ vững danh hiệu Chi bộ trong sạch, vững mạnh, thôn, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; đồng thời, phát huy năng lực cá nhân, tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của cán bộ, đảng viên, hạn chế tình trạng trông chờ, ỷ lại, né tránh, nể nang trong công việc; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” nhất thể hóa chức danh Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm, phát huy tinh thần, trách nhiệm, phẩm chất, năng lực, đạo đức của Bí thư chi bộ, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng ở cơ sở. Cùng với đó, công tác phát triển đảng viên được đặc biệt quan tâm, nhất là ở thôn, bản, khu phố có ít đảng viên. Công tác vận động nhân dân có chuyển biến rõ nét, nhân dân đồng thuận, nhất là khi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, như: Chương trình 135, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình xóa

đổi, giảm nghèo; ủng hộ giải phóng mặt bằng các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở cơ sở. Đồng thời, góp phần xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, khắc phục tình trạng hành chính hóa, tiết kiệm thời gian, kinh phí và cơ sở vật chất, hướng mạnh về cơ sở.

Mô hình “Dân tin - Đảng cử” mà tỉnh Quảng Ninh lãnh đạo, chỉ đạo trong các nhiệm kỳ vừa qua đã thể hiện sự lãnh đạo tuyệt đối toàn diện của Đảng, đặc biệt là thể hiện uy tín của cán bộ, đảng viên khi được giới thiệu tham gia vào làm trưởng thôn trong toàn tỉnh. Qua mô hình cũng thể hiện rõ tinh thần tập trung dân chủ và nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; việc tiếp thu ý kiến của nhân dân để đưa ra chủ trương đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân từ mỗi chi bộ; thể hiện tính đấu tranh phê bình và tự phê bình rất cao; việc truyền tải chủ trương, chính sách của Đảng. Nhà nước đến với Nhân dân rất nhanh chóng và kịp thời.

Thực hiện mô hình “Dân tin-Đảng cử” và chú trọng đến công tác nhân sự Trưởng thôn có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy cao nhất quyền đề cử, ứng cử của cử tri trong bầu cử Trưởng thôn; đảm bảo phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất ở cộng đồng dân cư.

Với những kết quả tích cực đã đạt được, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục duy trì, triển khai hiệu quả mô hình “Dân tin - Đảng cử”, nhất thể hóa Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn. Bởi vậy, ngay sau cuộc bầu cử trưởng thôn, khu phố nhiệm kỳ 2025-2027 hoàn thành, tỉnh sẽ bắt tay vào công tác chuẩn bị đại hội chi bộ theo đúng kế hoạch đặt ra. Cùng với đó, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, khu phố, nhất là về năng lực nắm tình hình nhân dân, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với Nhân dân, đáp ứng vọng của Nhân dân./.

## 25. UBND tỉnh Quảng Trị

**Tham luận về “Đẩy mạnh công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”**

Tỉnh Quảng Trị luôn xác định việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là yếu tố cốt lõi phục vụ cho quá trình phát triển, hội nhập ngày càng sâu rộng của địa phương.

Chính sách về tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã được triển khai thực hiện từ rất sớm, vào đầu những năm 2000 khi mà tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ rất thấp, không thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong giai đoạn này, tỉnh Quảng Trị đã xây dựng được chính sách đào tạo, bồi dưỡng tài năng, thu hút nhân tài, chính sách khuyến khích sử dụng sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác tại cơ sở, đây là những đòn bẩy thúc đẩy việc thực hiện chiến lược cán bộ theo tinh thần Nghị quyết TW 3 (khóa 8), Nghị quyết Đại hội IX, Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước giai đoạn 2001 - 2005, Nghị quyết Đại hội 13 Đảng bộ tỉnh Quảng Trị và Kế hoạch số 1214/KH-TU của Tỉnh ủy Quảng Trị.

Việc từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, khắc phục tình trạng thiếu hụt cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị, địa phương là yêu cầu cấp bách, thiết thực để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, đồng thời là yếu tố then chốt để thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2001 - 2010. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tỉnh Quảng Trị ban hành chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2020, kết hợp với việc tuyển dụng các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng theo Nghị định 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ (*người tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước; người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài*) là những yếu tố quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Trị trong những năm qua.

Tuy nhiên, các chính sách về tuyển dụng thu hút của tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn trước vẫn còn một số hạn chế, bất cập dẫn đến phát sinh tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, đã giải quyết được các tồn tại, hạn chế trong công tác thu hút nhân tài; tạo điều kiện cho các địa phương có căn

cứ pháp lý để triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và mang lại hiệu quả cao.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Công văn số 6370/UBND-NC ngày 18/12/2017 kịp thời triển khai Nghị định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, trong đó giao nhiệm vụ cho Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị là cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện Nghị định.

Nhằm nâng cao nhận thức của lãnh đạo, công chức, viên chức các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn, tỉnh Quảng Trị đã thường xuyên quán triệt, phổ biến nội dung các chính sách thu hút theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP thông qua các lớp tập huấn về công tác nội vụ hằng năm hoặc lồng ghép trong nội dung triển khai kế hoạch công tác năm của ngành nội vụ; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi nội dung Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đến các đối tượng có liên quan bằng nhiều hình thức: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; qua báo, Đài Phát thanh và Truyền hình... Trên cơ sở đó, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đã dần được nâng cao; hằng năm đều có sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để đẩy mạnh hơn nữa việc phát hiện, tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, cạnh tranh và nhằm triển khai có hiệu quả hơn Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, gắn với các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo ban hành Thông báo số 133/TB-SNV ngày 05/6/2019 về việc đăng ký nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có nguyện vọng vào làm việc tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, thông qua Báo Quảng Trị và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Quảng Trị đưa tin để các đối tượng đủ điều kiện được biết, nộp hồ sơ về Sở Nội vụ tỉnh Quảng Trị thẩm định, sau đó sẽ giới thiệu những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tuyển dụng xem xét, đề xuất tuyển dụng theo đúng quy định; đồng thời trong các kỳ thi tuyển công chức, thống nhất kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, UBND tỉnh đều yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện ưu tiên tuyển dụng vào công chức, viên chức trước các đối tượng thu hút theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, sau đó mới thực hiện tuyển dụng các đối tượng khác theo đúng quy định.

***Quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Quảng Trị đã đạt được những kết quả sau:***

*- Về công tác phát hiện sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ:*

Việc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền thường xuyên, liên tục về các nội dung Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã tác động lớn đến nhận thức của lãnh đạo, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Hằng năm, căn cứ vào tình hình sử dụng biên chế, vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã chủ động trong việc đăng ký, đề nghị tuyển dụng các đối tượng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc liên hệ với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài tỉnh để tìm hiểu, phát hiện những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP vẫn chưa được tiến hành đầy đủ.

Quá trình phát hiện, thông báo việc tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bước đầu đã tạo được sự quan tâm của xã hội, qua đó đã thu hút được một số sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, góp phần tích cực đến việc nâng cao nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn vừa qua, từ đó thúc đẩy quá trình phát triển, nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

*- Kết quả tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ:*

Công tác phát hiện, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ luôn được quan tâm, chú trọng trong thời gian vừa qua.

Đối với việc tuyển dụng viên chức, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh căn cứ vào vị trí việc làm được phê duyệt để thực hiện tuyển dụng trước các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và lĩnh vực y tế. ***Theo đó, từ năm 2018 đến nay, tỉnh Quảng Trị đã tuyển dụng 18 viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, gồm: 13 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và 05 cán bộ khoa học trẻ có trình độ Thạc sĩ.***

Đối với việc tuyển dụng công chức, hằng năm khi xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh, UBND tỉnh Quảng Trị luôn xác định tổ chức trước việc tuyển dụng đối với các thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, sau đó nếu còn chỉ tiêu thì mới tổ chức thi tuyển đối với các đối tượng khác theo quy định. Bước đầu đã thu hút được một số cán bộ khoa học trẻ có trình độ Thạc sĩ về công tác, phục vụ cho sự nghiệp phát triển của tỉnh nhà. ***Từ năm 2018 đến nay, đã tuyển dụng được 10 công chức vào làm việc trong các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.***

Ngoài ra, đối với khối đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh, từ năm 2018 đến nay đã tuyển dụng được 06 công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ (*05 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc và 01 cán bộ khoa học trẻ*).

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ sau khi được tuyển dụng:

Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tuyển dụng đã thể hiện được tính trách nhiệm trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của công chức, viên chức; không ngừng rèn luyện, học tập, nghiên cứu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác, quản lý, năng lực nghiên cứu khoa học. Qua thực tiễn công tác cho thấy, các công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã thể hiện được trình độ, năng lực của bản thân, hoàn thành tốt các công việc được giao theo yêu cầu nhiệm vụ và được cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức đánh giá cao; với phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức được đào tạo chính quy, bài bản, đã góp phần cải tiến lề lối, phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả trong hoạt động công vụ và hoạt động nghề nghiệp tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức được tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về trang thiết bị, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút ngày càng phát huy năng lực, tính sáng tạo của bản thân nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, từ đó xem xét, đưa vào quy hoạch đối với những người đủ điều kiện để xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý trong thời gian tới.

Qua quá trình triển khai và thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Trị tự đánh giá và đề ra phương hướng, cũng như đề xuất một số kiến nghị như sau:

**\* Mặt được**

+ Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã được triển khai nhanh chóng, đồng bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền về các nội dung của Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã được thực hiện sâu rộng, đầy đủ, kịp thời bằng nhiều hình thức; đã gắn trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực, phối hợp của từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai thi hành Nghị định.

+ Quá trình thực hiện luôn được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh quan tâm, chú trọng; việc phát hiện, tuyển dụng, áp dụng các chế độ, chính sách sau khi được tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan. Qua đó đã bổ sung và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại các sở, ban, ngành và UBND các

huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua, tạo tiền đề cho đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả trong công việc, đóng góp tích cực vào sự phát triển của từng cơ quan, đơn vị và đã có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị.

**\* *Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân***

+ Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chỉ mới thu hút, tuyển dụng được vào viên chức đối với một số sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trong lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, chưa có trường hợp nào đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP là sinh viên ngành y tế tốt nghiệp xuất sắc hoặc bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học hoặc người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học đăng ký vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Do địa kinh tế của tỉnh Quảng Trị không được thuận lợi, đồng thời chính sách thu hút cũng chưa đủ sức hấp dẫn để những đối tượng trên mong muốn được vào làm việc tại tỉnh Quảng Trị.

+ Đối tượng thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ còn hạn chế, do đó chưa thực sự thu hút được nhiều người có tài năng, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong môi trường quốc tế nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

**\* *Phương hướng thực hiện trong thời gian tới***

+ Tỉnh Quảng Trị sẽ tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị định số 140/2017/NĐ-CP để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của chính sách.

+ Hằng năm, thường xuyên yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phát hiện, tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, cạnh tranh.

+ Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai thi hành Nghị định, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

**\* *Kiến nghị, đề xuất***

+ Việc tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng còn xuất phát từ thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, địa kinh tế và nhu cầu hội nhập quốc tế của địa phương. Do đó, kính đề nghị Bộ Nội vụ cần có nghiên cứu để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện các chính sách thu hút theo từng vùng, từng địa phương, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế, nhất là trong điều kiện phải thực hiện tinh giản biên chế để nâng

cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

+ Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng áp dụng chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ là sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc phải có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc các năm học của bậc đại học, việc quy định như vậy sẽ hạn chế và có rất ít đối tượng đảm bảo tiêu chuẩn, mặt khác chưa tạo được sự công bằng giữa sinh viên được đánh giá kết quả học tập theo năm và sinh viên học theo tín chỉ (chỉ nên quy định tốt nghiệp xuất sắc, không nên quy định các năm học phải xuất sắc); bên cạnh đó cũng chưa thể thu hút được các đối tượng có năng lực toàn diện (ngoài trình độ chuyên môn cần phải đảm bảo yêu cầu về ngoại ngữ, tin học...). Do đó, để thực sự thu hút được người có tài năng, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong môi trường quốc tế, nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, trình Chính phủ mở rộng đối tượng, bổ sung các tiêu chí để thu hút các đối tượng khác toàn diện hơn, như các sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, có điểm đầu vào đại học từ 24 điểm trở lên hoặc có 12 năm học phổ thông đạt loại giỏi, có trình độ ngoại ngữ tương đương IELTS 5.5 trở lên./.



## 26. UBND tỉnh Tây Ninh

### Tham luận về “Thực hiện quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt tại tỉnh Tây Ninh”

Công tác quản lý, sử dụng viên chức dựa trên Đề án vị trí việc làm là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Điều này giúp đảm bảo tính khoa học, khách quan trong việc bố trí nhân lực, tránh tình trạng vừa thừa, vừa thiếu, bảo đảm cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp hợp lý, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Tại Tây Ninh, việc triển khai Đề án vị trí việc làm không chỉ căn cứ quan trọng để thực hiện tuyển dụng, đánh giá, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm; thực hiện các chế độ, chính sách, như nâng ngạch, thăng hạng, ... mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị đáp ứng yêu cầu về tinh giản biên chế, tăng cường tính minh bạch và chuyên nghiệp trong quản lý viên chức trong nền hành chính công hiện nay.

#### 1. Thực trạng triển khai tại tỉnh Tây Ninh

##### a) Kết quả đạt được

- *Xây dựng phê duyệt Đề án vị trí việc làm:* Năm 2024, UBND tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo sát sao các địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng phê duyệt Đề án vị trí việc làm; kết quả 504/504 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Đề án đã xác định rõ 2.147 chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, bám sát danh mục vị trí việc làm theo quy định của bộ, ngành có liên quan và phù hợp với tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Tuyển dụng minh bạch:* Việc tuyển dụng viên chức thời gian qua được thực hiện kịp thời, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; bổ sung số lượng viên chức đáp ứng yêu cầu công tác tại đơn vị, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc và sử dụng đúng cách theo từng vị trí, năng lực. Từ năm 2010 đến nay, tỉnh đã tuyển dụng được 4.577 viên chức thông qua các kỳ thi tuyển và xét tuyển theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, cạnh tranh.

- *Sử dụng hiệu quả:* Sử dụng và quản lý viên chức từng bước chặt chẽ, hiệu quả. Viên chức được phân công công tác phù hợp với chức danh nghề nghiệp và yêu cầu vị trí việc làm. Công tác đánh giá chất lượng và xếp loại viên chức được thực hiện định kỳ, đảm bảo minh bạch và công bằng. Công tác bổ nhiệm, xếp lương, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm đối với viên chức được thực hiện nghiêm túc. Từ năm 2010 đến nay đã thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương cho 13.062 viên chức, đảm bảo các quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục.

Đồng thời, các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức đều đặn, với 08 kỳ thi và 3.237 người trúng tuyển, góp phần nâng cao trình độ và cơ cấu nhân lực trong các đơn vị sự nghiệp.

- *Đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng*: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công (ban hành 02 Nghị quyết). Đây là cơ sở pháp lý, để các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh chủ động, tăng cường phối hợp tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức an tâm khi được cử tham gia đào tạo nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới.

Tăng cường kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan, các trường đại học, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề, mời chuyên gia trong, ngoài nước đến giảng dạy. Từ năm 2021 đến năm 2024 mở **198** lớp với **20.326** lượt; mỗi năm, bình quân tổ chức khoảng 50 khóa đào tạo, bồi dưỡng cho khoảng 5.081 lượt CBCCVN trên địa bàn tỉnh. Nội dung tập trung vào nâng cao năng lực tuy duy, tầm nhìn chiến lược cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBCCVN, nhất là nâng cao khả năng thích ứng sự thay đổi trong bối cảnh mới, kỹ năng mềm và thái độ làm việc để viên chức đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc.

### ***b) Những khó khăn, tồn tại***

- Việc tuyển dụng viên chức đối với ngành y tế, giáo dục còn nhiều khó khăn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" vẫn xảy ra ở một số đơn vị.

- Chưa có chính sách thực sự hấp dẫn để giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Khó khăn trong việc thực hiện chuyên đổi vị trí công tác đối với vị trí kế toán đơn vị sự nghiệp.

## **2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện**

(1) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời đại mới.

(2) UBND tỉnh Tây Ninh sẽ tiếp tục chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị rà soát thực hiện công tác tuyển dụng viên chức theo đúng thẩm quyền, quy định pháp luật nhằm bổ sung đủ số lượng viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tiếp tục rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc và sử dụng viên chức hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc phân công, đánh giá và sử dụng nhân lực dựa trên Đề án vị trí việc làm.

(3) Rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý

theo đúng quy định. Đây là tiền đề quan trọng để khắc phục tình trạng “vừa thừa, vừa thiếu” trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị.

(4) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Đề án phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, tiếp tục triển khai triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh.

(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục các hạn chế trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Trong thời gian tới, tỉnh Tây Ninh sẽ tiếp tục triển khai hiệu quả các quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, mong nhận được sự quan tâm, hướng dẫn từ Bộ Nội vụ và các cơ quan Trung ương để hoàn thiện hơn nữa công tác này./.

## 27. UBND tỉnh Tiền Giang

### Tham luận về “Kết quả triển khai thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành”

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 4 ngày 10/11/2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2023. Cụ thể hóa nội dung được giao theo Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đây là các văn bản pháp lý rất quan trọng, cho thấy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến việc xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện “tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân”, để dân chủ ở nước ta ngày một trở thành giá trị đích thực, vừa là mục tiêu vừa là động lực chủ yếu của phát triển xã hội, của công cuộc đổi mới đất nước.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Xuyên suốt thời gian qua, UBND tỉnh Tiền Giang luôn xác định phát huy dân chủ ở cơ sở là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển toàn diện các mặt của đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

Với tinh thần đó, sau khi Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở được thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động ban hành Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 11/5/2023 về triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Sau hơn một năm triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản quy định chi tiết, tỉnh Tiền Giang ghi nhận được nhiều kết quả nổi bật trên địa bàn liên quan đến công tác bảo đảm, phát huy dân chủ ở cơ sở, cụ thể như sau:

- **Thứ nhất**, công tác quán triệt, tuyên truyền về Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai quyết liệt. Phương pháp tuyên truyền linh động, phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc thù của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Cụ thể, sau Hội nghị tuyên truyền Luật do UBND tỉnh tổ chức, các cơ quan, đơn vị tiếp tục tuyên truyền trong nội bộ thông qua các hình thức phù hợp như niêm yết tại cơ quan, đơn vị; đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc qua ứng dụng văn phòng điện tử... đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp tuyên truyền cùng với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đẩy mạnh

công tác tuyên truyền Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là thông qua hệ thống truyền thanh tại từng xã, phường, thị trấn để Nhân dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt. Thông qua công tác tuyên truyền đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và của Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của thực hiện dân chủ ở cơ sở và nhiệm vụ, quyền hạn của từng cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các nội dung về dân chủ ở cơ sở.

- **Thứ hai**, các quy định của Luật và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP đã được triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc tại cuộc bầu cử Trưởng ấp, Trưởng khu phố nhiệm kỳ 2024 - 2029 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, qua đó đóng góp vào thành công của bầu cử nhiệm kỳ mới. Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Trưởng ấp, trưởng khu phố nhiệm kỳ 2024 - 2029 diễn ra đúng quy định pháp luật, an toàn, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương bám sát các quy định mới của Luật và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bầu cử trưởng ấp, trưởng khu phố trong quá trình tổ chức thực hiện, phải thực sự đưa cuộc bầu cử trưởng ấp, trưởng khu phố nhiệm kỳ 2024 - 2029 trở thành minh chứng sinh động của việc phát huy dân chủ ở cơ sở tại tỉnh Tiền Giang. Bằng sự vào cuộc quyết liệt của các ngành, các cấp, sự đồng lòng, chung sức của các tầng lớp nhân dân, cuộc bầu cử Trưởng ấp, Trưởng khu phố nhiệm kỳ 2024 - 2029 đã thành công tốt đẹp, đã bầu được 1.005 Trưởng ấp, khu phố, trong đó có 871 Bí thư Chi bộ trúng cử Trưởng ấp, Trưởng khu phố (số còn lại đa phần ứng cử mới và gắn với công tác nhân sự đại hội chi bộ). Tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố được giữ vững, tiếp tục đóng góp vào việc phát huy dân chủ ở từng xã, phường, thị trấn trong thời gian tới.

- **Thứ ba**, việc triển khai thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở thời gian qua còn gắn liền với công tác tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Đề án thành lập, sắp xếp các ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Cụ thể hóa quy định về việc tổ chức các nội dung để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định theo Điều 25 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương có ĐVHC cấp xã thuộc diện thành lập, sắp xếp thực hiện nghiêm công tác niêm yết, phát phiếu lấy ý kiến Nhân dân về việc thành lập, sắp xếp các ĐVHC cấp xã liên quan. Qua các lần lấy ý kiến, đại bộ phận Nhân dân đều đồng thuận cao (từ trên 97%) với chủ trương thành lập, sắp xếp các ĐVHC cấp xã theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, qua đó góp phần tạo điều kiện để UBND tỉnh Tiền Giang hoàn thiện hồ sơ Đề án kịp tiến độ để trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

- **Thứ tư**, căn cứ thẩm quyền được giao tại Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Nghị quyết đã xác định cụ thể nội dung của từng giải pháp để phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện của địa phương, lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở để đánh giá xếp loại hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân theo phân cấp quản lý cán bộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được vừa nêu, công tác triển khai thực hiện

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh Tiền Giang cũng gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như sau:

(1) Trong triển khai thực hiện cuộc họp theo từng cụm dân cư: Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, trường hợp thôn, tổ dân phố (tại tỉnh Tiền Giang là ấp, khu phố) có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho ấp, khu phố trong công tác tổ chức triển khai, lấy ý kiến đối với các nội dung Nhân dân bàn và quyết định theo Điều 15 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tuy nhiên, đối với nội dung bầu Trưởng ấp, khu phố, theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP, tại cuộc họp, đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp có quyền tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn điều kiện để tham gia bầu. Do đó, nếu tổ chức họp theo cụm, khi phát sinh trường hợp tự ứng cử, đề cử tại một cụm thì các cụm còn lại không thể tham gia thảo luận, biểu quyết kịp thời về trường hợp tự ứng cử, đề cử này, đặc biệt là khi các cụm lệch nhau về thời điểm tổ chức họp.

(2) Trong công tác xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn, tỉnh Tiền Giang còn gặp lúng túng trong việc xác định về hình thức Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có phải là văn bản quy phạm pháp luật hay không. Theo hướng dẫn, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiều địa phương đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở với hình thức Nghị quyết thông thường. Tuy nhiên, sau khi có ý kiến chính thức của Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện quy trình xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở theo trình tự xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Nhằm tiếp tục triển khai nghiêm túc các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định một số vấn đề trọng tâm sau đây:

*Thứ nhất*, tiếp tục tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và mọi tầng lớp Nhân dân, làm cho nhận thức về thực hành dân chủ ở cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân ngày càng sâu sắc, tiến bộ, hiểu được ý nghĩa, giá trị của việc phát huy dân chủ ở cơ sở trong xây dựng Đảng và Chính quyền, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh.

*Thứ hai*, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang để vừa đảm bảo các quy định chung của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, vừa phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tiễn của tỉnh Tiền Giang.

*Thứ ba*, tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, trong đó chú trọng rà soát, tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng để phát huy hơn nữa quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân tại địa phương; nâng cao chất lượng của Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, đảm bảo hoạt động của Ủy ban nhân dân chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân, đồng thời thông qua hội nghị để kịp thời nắm bắt, giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương, góp phần phát huy dân chủ ở cơ sở.

*Thứ tư*, triển khai hiệu quả dân chủ ở cơ quan, đơn vị, trong đó gắn với nội dung sắp xếp tổ chức, bộ máy theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

*Thứ năm*, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở các tổ chức có sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh, giúp phát huy dân chủ rộng khắp tại các doanh nghiệp đảm bảo theo quy định pháp luật./.

## 28. UBND tỉnh Thái Nguyên

### Tham luận về “Thi đua thực hiện các khâu đột phá phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên”

Thái Nguyên là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc bộ. Chính vì vậy việc xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ, đóng vai trò quyết định trong việc đưa Thái Nguyên trở thành vùng kinh tế trọng điểm khu vực Trung du, miền núi phía Bắc.

Năm 2024, với sự quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã đạt được một số thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội như: Tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước tăng 6,5%; cơ cấu kinh tế: Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,34%, khu vực dịch vụ và thuế tăng 8,13%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,01%; Thu ngân sách nhà nước ước đạt 19.680 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người ước đạt 119,2 triệu đồng/người; Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm 0,92%/năm.

Để thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu đến năm 2030, đưa Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao; trung tâm giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; trung tâm du lịch; trung tâm chuyển đổi số của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030. Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã và đang tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp với phương châm **Tám chữ vàng: Ổn định - Kế thừa- Đổi mới- Phát triển.**

Cùng với đó, định hướng phát triển tỉnh sẽ tập trung vào **03 đột phá:**

- (1) **Hạ tầng** đi trước một bước, bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng số.
- (2) **Phát triển nhân lực** với năng lực số, tạo sức cạnh tranh mới.
- (3) **Xây dựng thể chế** nhằm kiến tạo không gian phát triển mới

Tại Hội nghị hôm nay, tỉnh Thái Nguyên phát biểu tập trung vào khâu đột phá đầu tiên là **“Hạ tầng đi trước một bước, bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng số”**.

Nhằm quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên đã có những chỉ đạo sát sao, giải pháp quyết liệt trong việc thực hiện các phong trào thi đua do Thủ tướng phát động, Trung ương tổ chức triển khai. Xác định là một trong những phong trào thi đua trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và Nhân dân, ngày 07/3/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND triển khai thực hiện phong trào thi đua “Thái Nguyên đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.



Phong trào thi đua đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền tích cực triển khai thực hiện và đã bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định và nổi bật như sau:

*\* Về lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:* Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh được chú trọng đầu tư, tạo liên kết, liên hoàn, thông suốt giữa mạng lưới giao thông các cấp. Tỉnh Thái Nguyên triển khai 26 dự án công trình cấp tỉnh quản lý thuộc lĩnh vực giao thông với tổng kế hoạch vốn được giao là 4.128 tỷ đồng. Nhiều dự án, công trình đang đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, trên địa bàn của tỉnh có 02 tuyến đường cao tốc đã được quy hoạch (*tuyến đường Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn và tuyến vành đai V*). Xác định tuyến đường Vành đai V là tuyến đường quan trọng, kết nối liên tỉnh trong Vùng Thủ đô Hà Nội, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo quyết liệt các sở, ngành có liên quan tập trung cao độ, tỉnh chủ động đầu tư một vài đoạn tuyến bằng ngân sách địa phương đoạn tuyến nối đường Vành đai 5 với tỉnh Bắc Giang đã được thông xe trước 13,5 tháng so với thời gian thực hiện của cả Dự án; các đoạn tuyến còn lại dự kiến hoàn thành ngày 31/3/2025, vượt 9 tháng so với tiến độ phê duyệt.

*\* Trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:* Thời kỳ 2021-2030, tỉnh quy hoạch 11 khu công nghiệp và 01 khu công nghệ thông tin tập trung. Hiện nay đã có 06 khu công nghiệp có chủ đầu tư; trong đó 05 khu công nghiệp đang duy trì hoạt động ổn định, dự án khu công nghiệp Sông Công II - giai đoạn 2 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư vào tháng 3/2024 với tổng mức đầu tư gần 4.000 tỷ đồng. Tỉnh thành lập mới 14 cụm công nghiệp, trong đó có 12 cụm công nghiệp tại các địa phương phía Nam. Các khu, cụm công nghiệp thành lập từ giai đoạn trước cũng được tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào và hệ thống kết nối với các tuyến giao thông quan trọng như cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường Quốc lộ 3 để phục vụ tốt hơn nhu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư, mở rộng sản xuất. Để đáp ứng nhu cầu điện cung ứng cho sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển, tỉnh Thái Nguyên đã hợp tác chặt chẽ với Tổng Công ty Điện lực miền Bắc để triển khai một số dự án điện trọng điểm.

*\* Trong lĩnh vực chuyển đổi số,* Thái Nguyên là tỉnh đi tiên phong về chuyển đổi số và sẽ phát triển bằng chuyển đổi số trong đó đặc biệt chú trọng đến phát triển hạ tầng số, phát huy các lợi thế, thành quả, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bằng những cách làm sáng tạo, đột phá trong 2 năm liên tiếp 2022, 2023, Thái Nguyên đứng vị trí thứ 8/63 tỉnh thành phố trong cả nước về chỉ số Chuyển đổi số (DTI) đồng thời là 1 trong 10 địa phương dẫn đầu về hạ tầng số. Về chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực hiện môi trường điện tử đến ngày 3/9/2024, Thái Nguyên đạt 83,87/100 điểm, đứng thứ 7/63 tỉnh, thành phố. Đến nay tỉnh đã hoàn thành tích hợp 25/25 Dịch vụ công thiết yếu (theo Đề án 06) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, triển khai nền tảng địa chỉ số thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Trên bình diện lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây

dụng Đảng, Thái Nguyên cũng là địa phương đi đầu trong chuyển đổi số gắn với ứng dụng Sổ tay Đảng viên điện tử... Đây là những kết quả tiêu biểu biểu khẳng định vị thế của Thái Nguyên trên bản đồ chuyển đổi số quốc gia.

*\* Về các dự án hạ tầng xã hội, phát triển hệ thống đô thị và nông thôn* cũng được quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư; trong đó một số dự án quy mô lớn đang được tập trung triển khai như: dự án Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên với tổng mức đầu tư 405 tỷ đồng; dự án Sân vận động tỉnh Thái Nguyên với tổng mức đầu tư hơn 466 tỷ đồng... sẽ góp phần phục vụ tốt hoạt động chính quyền và người dân. Các công trình, dự án đầu tư công hoàn thành và đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả; các dự án hạ tầng xã hội được đầu tư khang trang, hiện đại.

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025 gắn với phong trào “Thái Nguyên chung sức xây dựng nông thôn mới”. Đến nay, Thái Nguyên có 03 thành phố, 03 huyện (6/9 đơn vị) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

*\* Trong lĩnh vực văn hóa thể thao và du lịch:* Thái Nguyên là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, nơi được chọn làm căn cứ địa cách mạng, thủ đô kháng chiến, giáp Thủ đô Hà Nội đồng thời có nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng. Dựa vào nguồn lực và tiềm năng này, năm 2024, Thái Nguyên tập trung phát triển mạnh các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá tâm linh, gắn với các di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng trong tỉnh. Trong đó, tập trung vào các địa điểm chính như: Khu du lịch hồ Núi Cốc; Khu vực sườn đông Tam Đảo (hồ Suối Lạnh, hồ Ghènh Chè; suối Kẹm, các vùng sản xuất chè gắn với phát triển du lịch;...); Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK);...

Hướng tới Đại hội XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025, tỉnh Thái Nguyên đã tập trung thực hiện phong trào thi đua nhằm phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương. Trong đó, trọng tâm là thi đua tập trung, nghiên cứu đề đổi mới cơ chế, chính sách, hoàn thiện thể chế, luật pháp, quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư kết cấu hạ tầng để huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng; tập trung đầu tư, triển khai, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm của tỉnh có quy mô lớn nhằm tăng cường kết nối vùng, liên vùng, khu vực, và các nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao.

Tại Hội nghị hôm nay, tỉnh Thái Nguyên mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự quan tâm, tạo điều kiện của các Bộ, ngành Trung ương và sự phối hợp của các tỉnh bạn, đồng thời có một số đề xuất, kiến nghị sau:

**1. Đề nghị Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn vốn Ngân sách Trung ương để hỗ trợ tỉnh triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng quan trọng, mang tính liên kết vùng trên địa bàn tỉnh như:**

Tuyến đường liên kết, kết nối tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Tuyên Quang; đầu tư hoàn thiện Đường vành đai V qua tỉnh Thái Nguyên tạo động lực đưa tỉnh Thái Nguyên thực sự trở thành “cực tăng trưởng” của Vùng trung du miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**2.** Đề nghị Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải quan tâm đầu tư hoàn chỉnh các tuyến: Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và các đường quốc lộ kết nối tỉnh Thái Nguyên với tỉnh bạn.

**3.** Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm hoàn thiện nội dung báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, trình Chính phủ, Quốc hội ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển Vùng./.

## 29. UBND tỉnh Yên Bái

### Tham luận về “Kết quả triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách” của tỉnh Yên Bái năm 2024”

Những năm qua, công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Yên Bái quan tâm chỉ đạo, sự tham gia hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể. Dành sự quan tâm sâu sắc đến công tác cán bộ nữ, những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết, đề án, chính sách quan trọng về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Điển hình như: Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 06/11/2007 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngay sau khi nhận được Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách, giai đoạn 2021- 2030”, UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 27/01/2021 để tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với nhiều nội dung cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, đề ra mục tiêu, lộ trình, thời gian để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Yên Bái và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, vai trò bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp hoạch định chính sách của tỉnh Yên Bái đã đạt được nhiều kết quả tích cực: (1) Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp là **22,5%**, cao hơn nhiệm kỳ trước và **thuộc nhóm cao trong 63 tỉnh, thành phố**; tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cả 3 cấp đều đạt trên 15%. Đặc biệt, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt **50%** (tăng 16,7% so với nhiệm kỳ trước), **xếp thứ 5 trong toàn quốc** và **thứ 3 trong khu vực 25 tỉnh, thành miền Bắc**; (2) Tỷ lệ cơ quan hành chính, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 61,2%; (3) Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp đạt 45,7%; Theo kết quả rà soát, bổ sung và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ tới, số lượng cán bộ nữ được quy hoạch các chức danh đều tăng so với nhiệm kỳ trước. Trong đó, tỷ lệ cán bộ nữ chiếm 22% trong quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; chiếm 25% trong quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chiếm 31% trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo sở, ngành; chiếm 25,4% quy hoạch trong các chức danh lãnh đạo chủ chốt các địa phương.

Cùng với đó, để xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ cho tỉnh, đặc biệt là tạo nguồn đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, Tỉnh ủy Yên Bái

đã ban hành Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 về “*Xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035*”. Qua đó, đã tuyển chọn được 117/150 cán bộ nữ và người dân tộc thiểu số là nữ tham gia Đề án (đạt tỷ lệ 61,9%). Cán bộ tham gia Đề án được đào tạo, bồi dưỡng trong nước, ngoài nước và tại các Tập đoàn kinh tế lớn. Đồng thời, để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ Đề án (trong đó có cán bộ nữ) được rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, thử thách qua thực tiễn công tác, tại cơ sở, nhất là được rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc luân chuyển, điều động, biệt phái đối với cán bộ tham gia Đề án theo hướng: đưa cán bộ từ các cơ quan, đơn vị khối tỉnh về cấp huyện, cấp xã; từ cấp huyện về cấp xã và bổ nhiệm hoặc bầu giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý; đưa cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp xã lên cấp huyện, từ cấp huyện lên cấp tỉnh để giúp cán bộ mở rộng tư duy, tầm nhìn, được rèn luyện, thử thách ở môi trường công việc rộng hơn, có tính bao quát, toàn diện hơn.

Kết quả, sau Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, đã có 40 cán bộ Đề án là cấp ủy viên các cấp cơ sở; 24 đồng chí là cấp ủy viên cấp trên cơ sở. Đặc biệt từ khi thực hiện Đề án đến nay, có 130 lượt cán bộ được luân chuyển, điều động, biệt phái, 101 đồng chí thay đổi vị trí công tác theo chiều hướng tích cực (trong đó có 69 đồng chí được bổ nhiệm chức vụ cao hơn, 19 đồng chí được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý). Bên cạnh đó, hằng năm, đến dịp Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền các cấp đều tổ chức gặp mặt, đối thoại với đội ngũ cán bộ nữ để ghi nhận, tôn vinh các tấm gương, điển hình tiêu biểu là cán bộ nữ; ngoài ra tỉnh cũng tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, thể hiện sự quan tâm đặc biệt tới đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức khóa học trực tuyến “Phụ nữ tự tin làm kinh tế” với 500 học viên; tỷ lệ nữ tham gia xây dựng các dự án, đề án khoa học các cấp chiếm khoảng 40% trên tổng số người tham gia; tỷ lệ tiếp cận các khóa đào tạo về khoa học, công nghệ chiếm khoảng 50% cho mỗi giới.

Với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự đồng hành tích cực của các cơ quan, đơn vị, địa phương nên trong những năm gần đây, tỉnh Yên Bái xuất hiện ngày càng nhiều các tấm gương phụ nữ điển hình, tiên tiến trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng. Nữ lãnh đạo, quản lý các cấp ngày càng được trẻ hóa, dù ở cương vị nào, vị trí lãnh đạo nào cũng không ngừng phấn đấu, nâng cao năng lực, tự tin, bản lĩnh, trí tuệ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao “giỏi việc nước, đảm việc nhà”, được Đảng, Nhà nước và xã hội ghi nhận, đánh giá cao. Qua đó cho thấy, vai trò và vị thế của phụ nữ lãnh đạo trong xã hội cũng như trong các cấp ủy được ghi nhận và được khẳng định ngày càng rõ nét hơn. Trong đó, nhiều đồng chí được tin nhiệm giữ vị trí quan trọng của Bộ, ngành Trung ương và địa phương, đặc biệt, rất vinh dự và tự hào khi tỉnh

Yên Bái có 01 đồng chí lãnh đạo nữ là Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tại các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng xuất hiện nhiều tấm gương chị em cán bộ nữ rất nhiệt tình, tâm huyết với công việc, được đồng chí, đồng nghiệp tin nhiệm, quý mến. Tinh thần trách nhiệm, nỗ lực, cống hiến của đồng chí đã thực sự tạo động lực tinh thần rất lớn, truyền cảm hứng, thắp ngọn lửa đam mê và khát vọng cống hiến cho chị em phụ nữ phấn đấu học tập và noi theo.

Tuy nhiên, do đặc thù Yên Bái là tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nên bên cạnh những kết quả đạt được thì quá trình triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách” theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc, hạn chế như: Chính sách đối với cán bộ nữ, lao động nữ tại các cơ quan, đơn vị còn có mặt hạn chế; người đứng đầu một số đơn vị, địa phương chưa dành sự quan tâm đúng mức đối với cán bộ nữ

Thực tiễn cho thấy ở nhiều địa phương, cơ sở, phụ nữ chính là lực lượng nòng cốt đóng góp trí tuệ, khả năng, công sức của mình trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị vững mạnh; chăm lo thiết thực đến đời sống nhân dân nhưng vẫn làm tốt thiên chức người vợ, người mẹ, xây đắp hạnh phúc gia đình”. Vì vậy, để tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 2282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đạt được các mục tiêu theo kế hoạch đề ra, tỉnh Yên Bái đề xuất một số giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Các ngành, các cấp cần đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và vai trò, vị trí, tiềm năng của phụ nữ trong thời kỳ mới. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới để đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án, chính sách đối với cán bộ nữ để động viên, khuyến khích và bảo đảm cho cán bộ nữ được tham gia đầy đủ vào các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quan tâm, xây dựng Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức nữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Tiếp tục có nhiều giải pháp đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ gắn với quy hoạch, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị thông qua việc tổ chức các đoàn công tác để cán bộ nữ có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong xây dựng và triển khai chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là trong việc

triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

5. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp kịp thời nắm tình hình tư tưởng, nguyện vọng của nữ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, từ đó kịp thời tham mưu đề ra giải pháp khả thi giải quyết những vấn đề vướng mắc về tư tưởng, nhất là trong việc giải quyết chế độ chính sách đối với lao động nữ, công tác cán bộ nữ sau khi thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Cùng với đó, tạo điều kiện và cơ hội bình đẳng để toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phát huy năng lực, tham gia, đóng góp, tiếp cận nguồn lực chung và thụ hưởng các thành quả trong mọi lĩnh vực, tiến tới bình đẳng giới thực chất, đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

5. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục ban hành nhiều đề án, chính sách vượt trội đối với những cán bộ nữ thực sự có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có đức, có tài, có nhiều đóng góp vào kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó tạo động lực thúc đẩy để đội ngũ cán bộ nữ tiếp tục có nhiều cống hiến, đóng góp quý giá cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, góp phần quan trọng xây dựng người phụ nữ Việt Nam thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo và hội nhập./.

## **NỘI DUNG TRAO ĐỔI, GIẢI ĐÁP KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

### **I. LĨNH VỰC TỔ CHỨC - BIÊN CHẾ**

*1. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP<sup>69</sup> và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP<sup>70</sup>; hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL (tỉnh Hà Giang, tỉnh Hà Nam, tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Hải Phòng).*

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP: Để kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Kết luận số 28-KL/TW<sup>71</sup>, Kết luận số 40-KL/TW<sup>72</sup> và Quy định số 70-QĐ/TW<sup>73</sup>, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1046/QĐ-TTg<sup>74</sup>, năm 2023 Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>75</sup>, Chính phủ đã chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo lộ trình sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương đánh giá, tổng kết để đề xuất sửa đổi, bổ sung 04 Luật nêu trên; đồng thời làm cơ sở để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP theo quy định.

b) Về hướng dẫn định mức biên chế công chức: Đây là nhiệm vụ Chính phủ đã giao cho các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP hướng dẫn cùng với VTVL. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 18-NQ/TW không đặt ra vấn đề hướng dẫn định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính; hiện nay Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 71-QĐ/TW<sup>76</sup>, theo đó biên chế công chức giai đoạn 2022-2026 giảm 5% so với năm 2021. Mặt khác, trong quá trình triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn, nhiều bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã có ý kiến việc đưa ra tiêu chí, yêu cầu để xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính là rất khó. Theo đó, trong thời gian tới khi sửa đổi Nghị định số 62/2020/NĐ-CP sẽ nghiên cứu để đưa nội dung hướng dẫn về định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính ra khỏi nhiệm vụ của các bộ quản lý

<sup>69</sup> Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về VTVL và biên chế công chức.

<sup>70</sup> Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL.

<sup>71</sup> Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>72</sup> Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.

<sup>73</sup> Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

<sup>74</sup> Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 về kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW và Quy định số 70-QĐ/TW.

<sup>75</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

<sup>76</sup> Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026.



ngành, lĩnh vực.

c) Về hướng dẫn định mức số lượng người làm việc: Đây là nhiệm vụ được giao cho các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, Nghị quyết số 38/NQ-CP<sup>77</sup>, Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến của địa phương và tiếp tục đôn đốc các bộ khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn, làm cơ sở để các địa phương tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị sửa đổi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP về thẩm quyền quy định cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành cho thống nhất (tỉnh Hà Nam, tỉnh Hà Giang).

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP<sup>78</sup> thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL thuộc sở, nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của luật chuyên ngành. Trường hợp luật chuyên ngành không quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP<sup>79</sup>.

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành các Nghị định để thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (tỉnh Hà Nam).

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Khoản 1 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: “Việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật” và khoản 2 Điều 13: “Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước phân cấp”. Tại Nghị quyết số 04/NQ-CP<sup>80</sup> đã giao trách nhiệm cụ thể cho các bộ quản lý ngành, lĩnh vực sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã và đang triển khai các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, nội dung định hướng phân cấp, phân quyền. Ngoài ra, trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ đã rà soát, tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP<sup>81</sup> và Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có nội dung định hướng phân cấp, phân quyền; trong đó đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 53 văn bản, gồm: 16 luật<sup>82</sup> ;

<sup>77</sup> Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

<sup>78</sup> Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

<sup>79</sup> Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>80</sup> Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

<sup>81</sup> Văn bản số 5852/BNV-TCBC ngày 20/9/2024 của Bộ Nội vụ về việc báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

<sup>82</sup> Thuộc 12 ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01); Thông tin và Truyền thông (01); Giao thông vận tải (01); Xây dựng (03); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (02); Tư pháp (01); Lao động – Thương binh và Xã hội (01); Y tế (01); Giáo dục và Đào tạo (01); Công Thương (01); Khoa học và Công nghệ (02); Kế hoạch và Đầu tư (01).

24 Nghị định của Chính phủ<sup>83</sup>; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ<sup>84</sup> và 12 Thông tư<sup>85</sup> để tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đối với 08 ngành, lĩnh vực theo mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 04/NQ-CP.

Ngày 22/10/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 856/TTg-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Bộ Nội vụ có Văn bản 7030/BNV-TCBC ngày 05/11/2024 đề nghị các bộ, ngành nghiên cứu sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; kết quả triển khai gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 31/12/2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**4. Đề nghị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP<sup>86</sup> và hướng dẫn các địa phương thực hiện (tỉnh Hà Nam, tỉnh Lai Châu, tỉnh Quảng Ngãi).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, thời gian qua các bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã triển khai xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Tính đến thời điểm ngày 30/10/2024, có 06 bộ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực (bao gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính). Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện.

**5. Đề nghị sửa đổi, bổ sung các thông tư hướng dẫn về VTVL (tỉnh Hà Nam, tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Hà Nội).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 465/VPCP-TCCV ngày 19/01/2024 về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các Thông tư hướng dẫn về VTVL, hiện nay đã có 02 Bộ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn về VTVL<sup>87</sup>; các bộ, ngành khác đang rà soát, trong trường hợp có vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung các Thông tư thì sẽ xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

<sup>83</sup> Thuộc 12 ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01); Thông tin và Truyền thông (01); Ngoại giao (01); Giao thông vận tải (01); Xây dựng (03); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (02); Lao động – Thương binh và Xã hội (02); Giáo dục và Đào tạo (06); Công Thương (02); Khoa học và Công nghệ (01); Kế hoạch và Đầu tư (03); Thanh tra (01).

<sup>84</sup> Thuộc ngành giáo dục và đào tạo.

<sup>85</sup> Thuộc 08 ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01); Xây dựng (01); Lao động – Thương binh và Xã hội (01); Giáo dục và Đào tạo (03); Công Thương (02); Khoa học và Công nghệ (01); Tài chính (02); Kế hoạch và Đầu tư (01).

<sup>86</sup> Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

<sup>87</sup> Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành: (1) Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV hướng dẫn về VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL; (2) Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 01/2024/TTBTTTT ngày 29/3/2024 sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông và Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 hướng dẫn về VTVL lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông.

**6. Đề nghị ban hành Thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; hướng dẫn xếp hạng các ĐVSNCL (tỉnh Hà Tĩnh).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực quản lý. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ chưa ban hành hướng dẫn nêu trên, đề nghị UBND cấp tỉnh căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP để quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ĐVSNCL theo thẩm quyền; trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì gửi lấy ý kiến của bộ quản lý về ngành, lĩnh vực theo quy định.

Nghị định số 123/2016/NĐ-CP<sup>88</sup> quy định “Bộ có nhiệm vụ hướng dẫn việc phân loại, xếp hạng các ĐVSNCL thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý”. Theo đó, thẩm quyền này cũng được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ. Bộ Nội vụ sẽ phối hợp, đôn đốc các bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

**7. Đề nghị sửa đổi quy định tiêu chí thành lập ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên để tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong sắp xếp tổ chức bộ máy (tỉnh Hà Tĩnh).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP đã quy định rõ điều kiện thành lập ĐVSNCL (trong đó gồm cả ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên), bảo đảm phù hợp với vị trí pháp lý và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị. Đề nghị địa phương thực hiện theo quy định.

**8. Kiến nghị Trung ương sớm phê duyệt quy hoạch mạng lưới ĐVSNCL ngành, lĩnh vực (tỉnh Bình Thuận).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Nghị định số 120/2020/NĐ-CP<sup>89</sup> quy định Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực. Tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14) có 15 nội dung quy hoạch mạng lưới ĐVSNCL của 07 ngành, lĩnh vực<sup>90</sup>. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

<sup>88</sup> Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

<sup>89</sup> Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

<sup>90</sup> Gồm: Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia (lĩnh vực tài nguyên và môi trường); mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản (lĩnh vực thông tin và truyền thông); mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao (lĩnh vực văn hóa, thể thao); tổ chức khoa học và công nghệ công lập (lĩnh vực khoa học công nghệ); cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (lĩnh vực giáo dục và đào tạo); mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng và cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi (lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội); cơ sở y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (lĩnh vực y tế); Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL thuộc các lĩnh vực, gồm: Lao động - thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; thông tin và truyền thông; văn hóa, thể thao và du lịch; y tế; tư pháp.

**9. Đề nghị bổ sung biên chế giáo viên năm học 2024-2025 (tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bắc Kạn).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Trong giai đoạn 2022-2026, để bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp” và khắc phục trước mắt tình trạng thiếu giáo viên, Bộ Nội vụ đã tham mưu, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị bổ sung 65.980 biên chế giáo viên cho các địa phương (Trong đó: Tỉnh Thái Nguyên năm học 2022-2023 được bổ sung 1.157 biên chế, năm học 2023-2024 được bổ sung 1.092 biên chế, năm học 2024-2025 được bổ sung 428 biên chế; (2) Tỉnh Lâm Đồng năm học 2022-2023 được bổ sung 44 biên chế, năm học 2023-2024 được bổ sung 209 biên chế, năm học 2024-2025 được bổ sung 102 biên chế; (3) Tỉnh Đắk Lắk năm học 2024-2025 được bổ sung 113 biên chế; (4) Tỉnh Đắk Nông năm học 2024-2025 được bổ sung 336 biên chế; (5) Tỉnh Bình Phước năm học 2022-2023 được bổ sung 198 biên chế, năm học 2023-2024 được bổ sung 293 biên chế, năm học 2024-2025 được bổ sung 152 biên chế; (6) Tỉnh Bắc Kạn năm học 2022-2023 được bổ sung 16 biên chế, năm học 2023-2024 được bổ sung 24 biên chế). Riêng với tỉnh Bắc Kạn, trên cơ sở quy mô số học sinh đối với từng cấp học, từng vùng của tỉnh tại Văn bản số 398/BC-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về nhu cầu biên chế giáo viên năm học 2024-2025 và chỉ tiêu biên chế giáo viên đã được giao, đối chiếu quy định về định mức biên chế giáo viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT<sup>91</sup> và Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT<sup>92</sup> thì năm học 2024-2025 tỉnh Bắc Kạn thừa 623 biên chế giáo viên so với định mức quy định.

Do đó đề nghị các địa phương tuyển dụng, sử dụng hết số chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao bổ sung nêu trên. Trường hợp đã tuyển dụng, sử dụng hết chỉ tiêu được giao mà vẫn thiếu giáo viên phục vụ công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập của địa phương, đề nghị nghiên cứu triển khai các giải pháp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 7751/VPCP-TCCV ngày 22/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc bổ sung biên chế giáo viên năm học 2024-2025 và ý kiến của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 7434/BNV-TCBC ngày 20/11/2024 về việc thực hiện bổ sung biên chế giáo viên công lập năm học 2024-2025.

**10. Đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp sắp xếp tổ chức bộ máy cấp huyện của ngành BHXH Việt Nam; xem xét, cho phép giữ ổn định biên chế công chức, số lượng người làm việc của ngành BHXH Việt Nam giai đoạn 2022-2026 (Bảo hiểm xã hội Việt Nam).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Về tổ chức bộ máy: Ngày 20/11/2024 tại Văn bản số 8543/VPCP-TCCV về

<sup>91</sup> Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về VTVL, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

<sup>92</sup> Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về VTVL, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của các tổng cục, vụ, cục, các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ thực hiện một cách tổng thể, đồng bộ trên cơ sở kết quả tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017. Do vậy, Bộ Nội vụ ghi nhận ý kiến kiến nghị của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và sẽ nghiên cứu một cách tổng thể sau khi thực hiện xong việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

b) Về biên chế: Căn cứ theo Quy định số 70-QĐ/TW<sup>93</sup>, trên cơ sở đề nghị của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo, đề xuất Bộ Chính trị không thực hiện giảm 10% số lượng người làm việc tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam giai đoạn 2022-2026<sup>94</sup> và Bộ Nội vụ tiếp tục báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị về nội dung trên<sup>95</sup>. Trong khi Bộ Chính trị chưa có ý kiến, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện quản lý, sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao tại Quyết định số 73-QĐ/TW<sup>96</sup> và Văn bản số 2347/BNV-TCBC ngày 19/5/2023 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam giai đoạn 2023-2026.

**11. Đề nghị nghiên cứu, xem xét, đề xuất Chính phủ bổ sung biên chế đối với Bộ Xây dựng (Bộ Xây dựng).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ thẩm quyền quản lý biên chế theo Quy định số 70-QĐ/TW<sup>97</sup>, trên cơ sở đề nghị của Bộ Xây dựng, Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị về việc bổ sung biên chế công chức đối với Bộ Xây dựng do được cơ quan có thẩm quyền giao bổ sung nhiệm vụ<sup>98</sup> và Bộ Nội vụ tiếp tục báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị về việc bổ sung biên chế công chức đối với Bộ Xây dựng nêu trên<sup>99</sup>. Trong khi Bộ Chính trị chưa có ý kiến, đề nghị Bộ Xây dựng thực hiện quản lý, sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao tại Quyết định số 73-QĐ/TW<sup>100</sup> và Quyết định số 1259/QĐ-TTg<sup>101</sup> ngày 18/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>93</sup> Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

<sup>94</sup> Tại Tờ trình số 2439- TTTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 về việc điều chuyển, giao, bổ sung biên chế công chức ở một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương; Công văn số 625-CV/BCSĐCP ngày 21/02/2022 về việc báo cáo số liệu biên chế giai đoạn 2016 - 2021, đề xuất biên chế giai đoạn 2022-2026.

<sup>95</sup> Tại Văn bản số 6958/BC-BNV ngày 01/11/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế giai đoạn 2022-2026.

<sup>96</sup> Quyết định số 73-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế của các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026.

<sup>97</sup> Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

<sup>98</sup> Tại Tờ trình số 2439-TTTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 về việc điều chuyển, giao, bổ sung biên chế công chức ở một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương.

<sup>99</sup> Tại Văn bản số 6958/BC-BNV ngày 01/11/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế giai đoạn 2022-2026.

<sup>100</sup> Quyết định số 73-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế của các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026.

<sup>101</sup> Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 18/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là ĐVSNCL, biên chế cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, biên chế hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026.

**12. Đề nghị điều chuyển biên chế sự nghiệp thành biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng QLNN và giao biên chế công chức cho tổ chức hành chính có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù chưa được giao biên chế công chức (Bộ Giao thông vận tải, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bình Phước, tỉnh Đắk Lắk).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Đề việc quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 thực hiện đúng quy định của pháp luật, Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị về việc điều chuyển biên chế viên chức làm việc tại các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước thành biên chế công chức và giao biên chế công chức cho một số tổ chức hành chính có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù chưa được giao biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương tại Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023. Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 27/3/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế đối với kết quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị, Bộ Nội vụ đã rà soát và báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ<sup>102</sup> về việc điều chuyển số viên chức thực tế làm việc tại VTVL công chức trong các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của một số bộ, ngành, địa phương thành biên chế công chức (trong đó có các cảng vụ hàng hải, cảng vụ hàng không, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc các Cục của Bộ Giao thông vận tải; các trạm, hạt thuộc các Chi cục của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tỉnh Bình Phước, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Đắk Lắk) và giao biên chế công chức cho một số tổ chức hành chính có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù chưa được giao biên chế công chức (trong đó có Cục Đăng kiểm Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải) để trình Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Sau khi cấp có thẩm quyền có ý kiến sẽ là cơ sở để bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

**13. Đề nghị báo cáo Ban Chỉ đạo kéo dài thời gian hoàn thành việc sắp xếp, thu gọn đầu mối ĐVSNCL thuộc bộ và thuộc các đơn vị thuộc bộ trong năm 2025 để bảo đảm tính khả thi (Bộ Giao thông vận tải).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 8543/VPCP-TCCV<sup>103</sup>, việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của các tổng cục, vụ, cục, các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ thực hiện một cách tổng thể, đồng bộ trên cơ sở kết quả tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>104</sup>.

**14. Đề nghị sửa đổi Nghị định số 120/2020/NĐ-CP theo hướng các ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được chủ động quyết định số lượng đầu mối của tổ chức (Bộ Giao thông vận tải).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP đã quy định “ĐVSNCL tự

<sup>102</sup> Tại Văn bản số 6958/BC-BNV ngày 01/11/2024.

<sup>103</sup> Văn bản số 8543/VPCP-TCCV ngày 20/11/2024 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>104</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định”. Đề nghị đơn vị căn cứ thực hiện.

**15. Đề nghị tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND Thành phố Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Yên Bái khẩn trương tiếp nhận nguyên trạng các cơ sở y tế (Bệnh viện GTVT Thành phố Hồ Chí Minh; Bệnh viện GTVT Yên Bái) về địa phương quản lý (Bộ Giao thông vận tải).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 56/2022/NĐ-CP<sup>105</sup> quy định: Cục Y tế Giao thông vận tải tiếp tục duy trì hoạt động theo quy định hiện hành cho đến khi Bộ Giao thông vận tải hoàn thành việc bàn giao nguyên trạng các cơ sở y tế thuộc Cục Y tế Giao thông vận tải về địa phương quản lý và Trung tâm Y tế - Môi trường lao động Giao thông vận tải được thành lập theo quy định tại Quyết định số 1922/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1922/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổ chức lại Cục Y tế Giao thông vận tải thuộc Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập Trung tâm Y tế - Môi trường lao động Giao thông vận tải trên cơ sở tổ chức lại Cục Y tế Giao thông vận tải. Theo đó, trường hợp có vướng mắc trong việc tổ chức lại Cục Y tế Giao thông vận tải, đề nghị Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

**16. Đề nghị có ý kiến về việc số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các ĐVSNCL chưa có hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức số lượng người làm việc (tỉnh Lâm Đồng).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP<sup>106</sup> thì Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCL của bộ, ngành, địa phương và thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực chưa có hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc (sau đây gọi tắt là biên chế viên chức) đối với ĐVSNCL của bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, ngày 18/7/2022, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 70-QĐ/TW về quản lý biên chế của hệ thống chính trị đã giao Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý

<sup>105</sup> Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

<sup>106</sup> Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL.

và giao biên chế cho địa phương (bao gồm biên chế của HĐND và UBND cấp tỉnh trở xuống), Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp quản lý biên chế được giao, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai giao biên chế cho các cơ quan, địa phương. Theo quy định nêu trên, Ban Tổ chức Trung ương có thẩm quyền quản lý, giao, thẩm định biên chế của các địa phương (bao gồm biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp). Theo đó, từ năm 2022 đến nay, hằng năm, Ban Tổ chức Trung ương đã giao biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các địa phương.

Do đó, đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề báo cáo Ban Tổ chức Trung ương có ý kiến đối với biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực chưa có hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức biên chế viên chức của địa phương theo quy định. Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 6474/BNV-TCBC ngày 17/12/2022 đề nghị Ban Tổ chức Trung ương có ý kiến đối với nội dung này và Văn bản số 7310/BNV-TCBC ngày 15/11/2024 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

*17. Đề nghị nghiên cứu, xem xét báo cáo Chính phủ phân cấp cho các địa phương chủ động quyết định danh mục VTVL (Thành phố Hà Nội).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Việc xây dựng danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Thường trực Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các VTVL được xây dựng với mức độ khái quát cao theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương, có tính đến mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của công việc theo chức năng, nhiệm vụ tương ứng với từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức. Tên VTVL thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị. Do vậy, các địa phương cần căn cứ danh mục VTVL đã được bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn để quyết định cho phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong cả hệ thống chính trị.

*18. Đề nghị xem xét, bổ sung số lượng người làm việc cho các cơ quan thường trú Đài TNVN tại nước ngoài (Đài Tiếng nói Việt Nam).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ thẩm quyền quản lý biên chế theo Quy định số 70-QĐ/TW<sup>107</sup>, Ban cán sự đảng Chính phủ đã báo cáo, đề xuất Bộ Chính trị giao biên chế viên chức làm việc tại các nước ngoài giai đoạn 2022-2026 đối với Đài Tiếng nói Việt Nam giữ ổn định

<sup>107</sup> Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.



như năm 2022<sup>108</sup> và Bộ Nội vụ tiếp tục báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ đề báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Bộ Chính trị về biên chế của Đài Tiếng nói Việt Nam nêu trên<sup>109</sup>. Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo sẽ làm cơ sở để bộ, ngành thực hiện.

**19. Kiến nghị Bộ Nội vụ có ý kiến về việc giao biên chế Hội quản chúng (tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Bắc Kạn).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị đã quy định Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý biên chế khối chính quyền địa phương, gồm: UBND và HĐND các cấp; cơ quan, tổ chức hành chính và ĐVSNNCL thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hội quản chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương; cán bộ, công chức cấp xã. Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026, Ban Tổ chức Trung ương đã ban hành các Quyết định về biên chế của từng địa phương giai đoạn 2022-2026 và các năm 2022, 2023, 2024, trong đó bao gồm: biên chế cán bộ, công chức và biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (không có biên chế của hội, vì theo quy định của pháp luật hiện hành thì người làm việc tại hội không phải là công chức hoặc viên chức). Do đó, đề nghị tỉnh Bắc Kạn và Đồng Tháp thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và quyết định của Ban Tổ chức Trung ương; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc (trong đó có vấn đề biên chế của hội), đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có văn bản xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương xem xét, trả lời theo quy định.

**20. Đề nghị bổ sung biên chế làm nhiệm vụ xúc tiến đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Số biên chế làm nhiệm vụ xúc tiến đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài nằm trong số biên chế của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được cơ quan có thẩm quyền giao. Số biên chế này không tính trong số biên chế công chức làm việc trong nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được giao. Do vậy, đối với các công chức của Cục Đầu tư nước ngoài và các đơn vị chuyên môn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư được cử đi nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ xúc tiến đầu tư thì Cục Đầu tư nước ngoài và các đơn vị chuyên môn của Bộ có thể sử dụng số biên chế này để bố trí người làm việc ở trong nước.

**21. Đề nghị bổ sung biên chế công chức, người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho địa phương theo định mức quy định (tỉnh Hà Nam).**

<sup>108</sup> Tại Tờ trình số 2439-TTr/BCSĐCP ngày 17/11/2023 về việc điều chuyển, giao, bổ sung biên chế công chức ở một số cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương.

<sup>109</sup> Tại Văn bản số 6958/BC-BNV ngày 01/11/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế giai đoạn 2022-2026.

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tình giảm biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBCCVV là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm giai đoạn 2022-2026 giảm ít nhất 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (không bao gồm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

Tại Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 72-QĐ/TW, Bộ Chính trị đã giao Ban Tổ chức Trung ương trực tiếp quản lý biên chế các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương (bao gồm cả biên chế của chính quyền địa phương); Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương trực tiếp quản lý biên chế được giao, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai giao biên chế cho các cơ quan, địa phương, đơn vị bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định. Do đó, trường hợp cần thiết (thành lập tổ chức mới, được cơ quan có thẩm quyền giao thêm nhiệm vụ mới), đề nghị UBND cấp tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có ý kiến đối với Ban Tổ chức Trung ương về việc bổ sung biên chế công chức theo quy định.

*22. Đề nghị giao cơ chế đối với các địa phương tự chủ cân đối ngân sách được chủ động quyết định biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn (tỉnh Hải Dương).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Theo Điều 2 Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị thì Bộ Chính trị lãnh đạo, chỉ đạo quản lý biên chế trong hệ thống chính trị; tổng biên chế của hệ thống chính trị được quyết định theo nhiệm kỳ 5 năm và khi cần thiết. Theo đó, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 72-QĐ/TW phê duyệt biên chế giai đoạn 2022-2026 của từng địa phương và giao Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao biên chế hằng năm cho từng địa phương trên cơ sở số biên chế Bộ Chính trị đã phê duyệt. Do đó, đề nghị tỉnh Hải Dương thực hiện quản lý, sử dụng đúng số biên chế đã được Bộ Chính trị phê duyệt và Ban Tổ chức Trung ương giao nêu trên.

*23. Đề nghị không áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo hướng cào bằng (tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Hà Giang, tỉnh Hà Tĩnh, Đài Tiếng nói Việt Nam).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tình giảm biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBCCVV là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm giai đoạn 2022-2026 giảm ít nhất 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (không bao gồm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị. Đồng thời, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 72-QĐ/TW phê duyệt biên chế công chức, biên

chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến hết năm 2026 đối với từng địa phương; Quyết định số 73-QĐ/TW phê duyệt biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến hết năm 2026 đối với từng bộ, ngành ở Trung ương (trong đó có Đài Tiếng nói Việt Nam). Do đó, đề nghị Đài Tiếng nói Việt Nam, các địa phương thực hiện đúng chủ trương của Đảng.

Riêng đối với biên chế sự nghiệp giáo dục, trong giai đoạn 2015-2021, các địa phương đã chủ động phân bổ và điều chỉnh chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các lĩnh vực trong tổng số biên chế được giao<sup>110</sup>, bảo đảm vừa thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, vừa bố trí đủ biên chế để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế qua tổng hợp báo cáo của các địa phương cho thấy giai đoạn 2015-2021 biên chế sự nghiệp giáo dục hưởng lương từ ngân sách nhà nước của địa phương giảm 5,5% so với năm 2015 (thấp hơn so với tỷ lệ chung của cả nước). Trong giai đoạn 2022-2026, để bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp” và khắc phục trước mắt tình trạng thiếu giáo viên, Bộ Nội vụ đã tham mưu, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị bổ sung 65.980 biên chế giáo viên cho các địa phương; đồng thời tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>111</sup>, đây là giải pháp quan trọng để kịp thời bổ sung nhân lực cho ngành giáo dục trong điều kiện thực hiện chủ trương tinh giản biên chế của Bộ Chính trị.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu giáo viên trong điều kiện học sinh ngày càng tăng, địa phương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp bao gồm: Rà soát, sắp xếp lại cơ cấu trường, lớp, bảo đảm sĩ số học sinh/lớp theo quy định, phù hợp với thực tế của từng vùng, địa bàn; Cơ cấu lại, sắp xếp hợp lý đội ngũ để giải quyết tình trạng vừa thừa, vừa thiếu giáo viên trong một địa phương; Thực hiện các giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu nguồn tuyển dụng giáo viên; Đẩy mạnh tự chủ ĐVSNCL ở những vùng, khu vực, lĩnh vực có điều kiện, từ đó cơ cấu lại số lượng người làm việc theo hướng giảm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp phù hợp với mức độ tự chủ về tài chính theo yêu cầu tại Nghị quyết số 75/2022/QH15<sup>112</sup> để cân đối chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo yêu cầu.

**24. Đề xuất giao biên chế cho địa phương chậm nhất trong tháng 10 hằng năm (tỉnh Hà Giang).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 72-QĐ/TW<sup>113</sup>, Bộ Chính trị đã giao Ban Tổ chức Trung ương quyết định giao biên chế hằng năm cho các địa

<sup>110</sup> Tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về VTVL và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL, Chính phủ đã giao UBND tỉnh quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và ĐVSNCL do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được HĐND cấp tỉnh phê duyệt.

<sup>111</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong CQHC và ĐVSNCL.

<sup>112</sup> Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV

<sup>113</sup> Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026.

phương. Theo đó, đề nghị địa phương có ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương về việc giao biên chế hằng năm đối với các địa phương.

*25. Đề xuất tăng số lượng biên chế làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo (tỉnh Quảng Trị).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tình giảm biên chế gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBCCVN là chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, yêu cầu tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phải thực hiện, bảo đảm giai đoạn 2021-2026 giảm ít nhất 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 theo yêu cầu của Bộ Chính trị tại Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW. Theo đó, Bộ Chính trị đã phê duyệt biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến hết năm 2026 cụ thể đối với từng địa phương (theo Phụ lục số 3 kèm theo Quyết định số 72-QĐ/TW). Do đó, đề nghị tỉnh Quảng Trị thực hiện đúng chủ trương, quy định của Đảng nêu trên và tự cân đối biên chế làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong tổng số chỉ tiêu biên chế được giao, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

*26. Đề nghị hướng dẫn xác định đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP là cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện, cấp xã (tỉnh Bắc Giang).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế đã xác định CBCCVN dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

## **II. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC - VIÊN CHỨC**

*1. Tổ chức tập huấn, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 116/2024/NĐ-CP<sup>14</sup>; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các lĩnh vực liên quan cho công chức, viên chức của địa phương (tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Hà Giang).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Ngày 17/9/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2024/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/9/2024). Theo đó, để thống nhất triển khai thực hiện việc áp dụng Nghị định này trong thực tiễn, Bộ Nội vụ đã tổ chức phổ biến, hướng dẫn các nội dung của Nghị định tại một số bộ, ngành, địa phương. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổ chức hội nghị tập huấn trong phạm vi toàn quốc tại 03 khu vực (tỉnh Ninh Bình, tỉnh Bình Định và tỉnh Đồng Tháp).

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã có văn bản gửi lấy ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa

<sup>14</sup> Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

phương đối với dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 06/2020/TT-BNV<sup>115</sup>; sẽ tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện để Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành trong thời gian tới.

**2. Đề nghị hướng dẫn bổ nhiệm kế toán trưởng; ban hành quy định về nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức (tỉnh Đắk Nông).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Theo các quy định hiện hành về chức danh và chức vụ lãnh đạo, quản lý thì chức danh kế toán trưởng của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước không phải là chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính, ĐVSNCL (công chức, viên chức đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trưởng hưởng phụ cấp trách nhiệm). Do vậy, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng trong các cơ quan hành chính, ĐVSNCL được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP<sup>116</sup>, Thông tư số 04/2018/TT-BNV<sup>117</sup> và quy định cụ thể của bộ, ngành, địa phương.

b) Theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì việc ban hành quy định về nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Do vậy, trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu về kiến nghị nêu trên để Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền. Trước mắt, căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 163/2016/NĐ-CP<sup>118</sup>, Thông tư số 92/2021/TT-BTC<sup>119</sup> và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, đề nghị tỉnh Đắk Nông rà soát các quy định của pháp luật có liên quan để báo cáo HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương.

**3. Đề nghị tiếp tục hướng dẫn việc quản lý, khai thác CSDLQG về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước (tỉnh Đắk Nông).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Việc quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP<sup>120</sup>, Thông tư số 06/2023/TT-BNV<sup>121</sup> và các quy định pháp luật có liên quan.

<sup>115</sup> Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

<sup>116</sup> Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.

<sup>117</sup> Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

<sup>118</sup> Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

<sup>119</sup> Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

<sup>120</sup> Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia.

<sup>121</sup> Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

Ghi nhận ý kiến của địa phương, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện chức năng, tính năng, dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVV; hướng dẫn bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản để phát huy tối đa giá trị dữ liệu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nhà nước các cấp, xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử hướng tới xây dựng Chính phủ số, chính quyền số.

**4. Đề nghị hướng dẫn xác định đối tượng thuộc trường hợp “người đã được tuyển vào biên chế trước ngày Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ có hiệu lực” theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; về cấp có thẩm quyền quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVV tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Nghị định của Chính phủ với quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Quy định số 124-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị (tỉnh Hà Tĩnh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Tại Khoản 7 Điều 13 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>122</sup> quy định: “Người đã được tuyển vào biên chế trước ngày Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ có hiệu lực và đang làm các công việc quy định tại Điều 4 của Nghị định này thì không chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng”. Như vậy, sau ngày Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ có hiệu lực thì các trường hợp đang làm các công việc quy định tại Điều 4 của Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải chuyển sang thực hiện chế độ hợp đồng.

b) Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 90/2020/NĐ<sup>123</sup> (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ) để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy định số 124-QĐ/TW liên quan đến việc đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với CBCCVV. Về nội dung kiến nghị của Quý cơ quan, Bộ Nội vụ ghi nhận, tiếp thu để rà soát báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khi lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (sửa đổi).

**5. Đề nghị đơn đốc các bộ, ngành ban hành các Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II, hạng I (tỉnh Hà Tĩnh).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>124</sup> ngày 07/12/2023.

Ngay sau khi ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 15/12/2023 đơn đốc các bộ quản lý chức danh nghề

<sup>122</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong CQHC và ĐVSNCL.

<sup>123</sup> Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>124</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương xây dựng, hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành để có cơ sở thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời, khẩn trương xây dựng Thông tư để quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ.

Đến nay, đã có 11/13 bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành Thông tư xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ nêu trên, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

**6. Đề nghị có văn bản hướng dẫn thành phần tham dự hội nghị bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ĐVSNCL ngành Giáo dục và Đào tạo (tỉnh Long An).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 46 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định “Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL không trong Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, đơn vị thì người đứng đầu Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc người đứng đầu cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, đơn vị tham dự”. Do đó, để giải đáp câu hỏi của địa phương thì người đứng đầu cấp ủy cùng cấp ở đây được hiểu là Bí thư chi bộ Trường.

**7. Đề nghị xem xét, hướng dẫn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với y sĩ (tỉnh Long An).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Theo quy định của Luật Viên chức 2010 thì chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp (khoản 1 Điều 8). Theo thẩm quyền được giao, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV<sup>125</sup> quy định mã số, chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ. Theo đó, tại Thông tư này đã quy định rõ đây là các chức danh nghề nghiệp khác nhau, có chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn, điều kiện của từng chức danh nghề nghiệp và của từng hạng trong mỗi chức danh nghề nghiệp khác nhau.

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP<sup>126</sup> thì “Hạng chức danh nghề nghiệp” là cấp độ thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp; “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp.

Điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại

<sup>125</sup> Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

<sup>126</sup> Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>127</sup>) quy định tiêu chuẩn điều kiện dự xét thăng hạng, cụ thể: Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Đồng thời, khoản 2 Điều 32 quy định: Đối với trường hợp viên chức đang xếp ở hạng chức danh nghề nghiệp mà hạng chức danh nghề nghiệp này không còn theo quy định của pháp luật hiện hành thì được xét thăng lên hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ nếu đang công tác ở VTVL phù hợp và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp có sự thay đổi mã số chức danh nghề nghiệp.

Do đó, đề nghị thực hiện việc xét thăng hạng theo đúng các quy định nêu trên; chỉ xét thăng hạng lên hạng cao hơn liền kề trong cùng chức danh nghề nghiệp; không xét thăng hạng kết hợp với xét chuyển chức danh nghề nghiệp; khi xét chuyển chức danh nghề nghiệp không kết hợp nâng bậc lương.

**8. Kiến nghị sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2020/NĐ-CP<sup>128</sup>, Nghị định số 48/2023/NĐ-CP<sup>129</sup> (tỉnh Cà Mau, tỉnh Bình Phước).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2348-CV/BCSDCP ngày 26/10/2023, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 7128/BNV-CCVC ngày 05/12/2023 báo cáo về việc triển khai Quy định số 124-QĐ/TW của Bộ Chính trị<sup>130</sup> (thay thế Quy định số 132-QĐ/TW của Bộ Chính trị<sup>131</sup>). Theo đó, Bộ Nội vụ đã báo cáo các nội dung liên quan đến quy định của Đảng và của pháp luật về đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể; quá trình thể chế hóa quy định của Đảng về đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, đồng thời đề xuất cụ thể về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao<sup>132</sup>.

Ngày 02/01/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 02/VPCP-TCCV thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang thống nhất với đề xuất của Bộ Nội vụ, giao Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính triển khai các công việc cụ thể. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án “Đổi mới

<sup>127</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyên dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

<sup>128</sup> Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

<sup>129</sup> Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ.

<sup>130</sup> Quy định số 124-QĐ/TW ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

<sup>131</sup> Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

<sup>132</sup> Bộ Nội vụ đề xuất cụ thể như sau:

- Về đánh giá, xếp loại chất lượng doanh nghiệp: Đề nghị tiếp tục giao Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quyết định ban hành quy định mới về đánh giá, xếp loại chất lượng doanh nghiệp nhà nước.

- Về đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức hành chính: Giao Bộ Nội vụ tiếp tục hoàn thiện Đề án “Đổi mới phương pháp đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính dựa trên kết quả” theo Nghị quyết số 76/NQ-CP. Trên cơ sở kết quả Đề án, Bộ Nội vụ sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể trong quá trình sửa đổi Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức làm căn cứ để Chính phủ ban hành quy định chi tiết.



phương pháp đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính dựa trên kết quả”. Trên cơ sở kết quả của Đề án và ghi nhận, tiếp thu ý kiến của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bình Phước, Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu, rà soát để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể (bao gồm cả thời điểm đánh giá) trong quá trình đề xuất, sửa đổi các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ với quy định của Đảng và phù hợp với thực tiễn.

*9. Đề nghị tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện các quy định mới, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ công tác trong lĩnh vực nội vụ; tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến ngành Nội vụ (Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành các Nghị định về công tác CBCCVC (Nghị định số 29/2024/NĐ-CP<sup>133</sup>; Nghị định số 99/2024/NĐ-CP<sup>134</sup>; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP<sup>135</sup>); đồng thời, tổ chức Hội nghị phổ biến, tuyên truyền, triển khai các Nghị định mới ban hành nêu trên và 04 Nghị định ban hành năm 2023 (Nghị định số 48/2022/NĐ-CP, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP, Nghị định số 71/2023/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) tại 03 miền (Bắc, Trung, Nam). Đồng thời, Bộ Nội vụ đã cử Lãnh đạo Vụ Công chức - Viên chức tham dự Hội nghị tuyên truyền, phổ biến các quy định mới liên quan đến CBCCVC do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội chủ trì tổ chức tại Ninh Bình trong tháng 11/2024. Tại Hội nghị, các nội dung mới về công tác cán bộ đã được trao đổi, làm rõ, đặc biệt là quy định về tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo trong cơ quan hành chính nhà nước.

Năm 2024, Bộ Nội vụ đã ban hành 19 văn bản để triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của ngành Nội vụ. Việc phổ biến truyền thông văn bản pháp luật, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm của ngành, bảo đảm sự tham gia chặt chẽ, có trách nhiệm giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ. Trọng tâm là: (1) truyền thông, phổ biến chính sách tinh giản biên chế và giải quyết chế độ, chính sách cho đội ngũ CBCCVC dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, ĐVHC các cấp; hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ ĐVSNCL và xã hội hóa dịch vụ công; sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã để hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; cải cách chính sách tiền lương; cải cách hành chính; thực hiện chuyển đổi số; cải cách công vụ, công chức, hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo VTVL; cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài;... (2) Tổ chức biên soạn và cập nhật nội dung chính sách mới, quy định mới tại các văn bản quy phạm

<sup>133</sup> Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.

<sup>134</sup> Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

<sup>135</sup> Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

pháp luật do Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng. (3) Thực hiện việc cung cấp thông tin rộng rãi về nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó tạo kênh thông tin lấy ý kiến rộng rãi của Nhân dân đối với các văn bản quy phạm pháp luật ngay trong quá trình soạn thảo; đăng tải kịp thời các thông tin về hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật lĩnh vực Nội vụ. Đã tuyên truyền, phổ biến 09 Luật và 11 Nghị quyết mới được Quốc hội khoá XV thông qua; phổ biến pháp luật trực tiếp 45 cuộc với 6.135 lượt người tham dự; số tài liệu được phát hành miễn phí là hơn 6.000 (bản); số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng là 387 (tin bài);...

**10. Đề nghị quy định rõ hơn về thời hạn đình chỉ chức vụ và công tác đối với công chức, viên chức bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, khởi tố hoặc chờ xử lý vi phạm (Bảo hiểm xã hội Việt Nam).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Ngày 23/5/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 148-QĐ/TW về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã rà soát các quy định có liên quan đến tạm đình chỉ công tác để kịp thời thể chế hóa các quy định của Đảng. Hiện nay, nội dung về tạm đình chỉ công tác đối với công chức đã được bổ sung tại khoản 45 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP<sup>136</sup>. Đồng thời, để giải quyết khó khăn, vướng mắc về việc tạm đình chỉ đối với CBCCVC có liên quan đến các vụ án đang trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP (bổ sung tại Điều 41 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP<sup>2</sup>) đã quy định đối với CBCCVC đang trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam thì đương nhiên bị tạm đình chỉ công tác, trường hợp hết thời hạn tạm giữ, tạm giam mà được tại ngoại thì việc tạm đình chỉ công tác thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Trường hợp CBCCVC đã có quyết định khởi tố bị can nhưng được tại ngoại thì việc tạm đình chỉ công tác được thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý hoặc được phân cấp thẩm quyền quản lý.

**11. Đề nghị sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ (Bảo hiểm xã hội Việt Nam).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>137</sup>, Chính phủ giao Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp lương đối với các trường hợp tiếp nhận, tuyển dụng vào viên chức; quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với trường hợp thăng lên hạng II và hạng I áp dụng cho viên chức hành chính, viên chức văn thư và viên chức lưu trữ.

<sup>136</sup> Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

<sup>137</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, ngày 27/6/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2024/TT-BNV Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ, xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức.

*12. Đề nghị cho phương án về các trường hợp CBCCVC từ các đơn vị cơ quan nhà nước chuyển về BHXH Việt Nam chưa đồng bộ được; cung cấp tài khoản quản trị, phân quyền vào hệ thống cho BHXH Việt Nam để thực hiện làm sạch dữ liệu theo phân cấp (Bảo hiểm xã hội Việt Nam).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Trường hợp tiếp nhận CBCCVC chuyển công tác từ bộ, ngành, địa phương khác, đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam rà soát, phối hợp với cơ quan quản lý CBCCVC nơi đi thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 11; CBCCVC thực hiện cập nhật dữ liệu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) cấp tài khoản quản trị cho đầu mối của Bảo hiểm xã hội Việt Nam qua địa chỉ mail trangtt2@vss.gov.vn.

*13. Đề nghị sớm ban hành hướng dẫn cụ thể hóa các quy định của Trung ương về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ; cơ chế phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển vào vị trí lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ trẻ (Bộ Xây dựng).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Thể chế hóa Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

b) Hiện nay, Chính phủ đã có một số chính sách để thu hút sinh viên ưu tú, xuất sắc vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, như Nghị định số 140/2017/NĐ-CP<sup>138</sup>, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>139</sup> (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP). Ngày 31/7/2023, Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khuyến khích và phát hiện, tiến cử nhân tài, tập trung đối tượng là học sinh, sinh viên có thành tích học tập, tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc, có tố chất, năng khiếu nổi trội từ các cơ sở giáo dục, đào tạo; đồng thời ban hành kế hoạch và các chính sách cụ thể để thu hút, trọng dụng nhân tài theo ngành, lĩnh vực hoặc theo địa phương và tổ chức triển khai thực hiện. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định quy định về chính sách thu hút, trọng

<sup>138</sup> Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

<sup>139</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan nhà nước và ĐVSNCL, sớm trình Chính phủ ban hành bảo đảm tiến độ và chất lượng.

*14. Bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về đội ngũ CBCCVC trên cơ sở kết quả đánh giá việc triển khai thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019. Đề nghị sớm hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức bảo đảm đồng bộ và thống nhất với quy định của Đảng về công tác cán bộ (Ủy ban dân tộc).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Từ khi triển khai thi hành Luật Cán bộ, công chức (Năm 2010), Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (Năm 2019), Chính phủ đã ban hành hệ thống quy định liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý và đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Trong thời gian vừa, Bộ Nội vụ đã tham mưu Chính phủ ban hành mới các quy định của pháp luật về quản lý công chức, viên chức bảo đảm đồng bộ với quy định của Đảng, quy định của các luật chuyên ngành khác và phù hợp với thực tiễn. Trong đó việc quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP<sup>140</sup> Nghị định số 116/2024/NĐ-CP<sup>141</sup>, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP<sup>142</sup>.

b) Về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật

- Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi): Thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở báo cáo tổng kết Luật, Bộ Nội vụ đã lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) và gửi lấy ý kiến các bộ, ban, ngành, địa phương tại Công văn số 7622/BNV-CCVC ngày 27/11/2024.

- Luật Viên chức (sửa đổi): Để bảo đảm đồng bộ và đề xuất được các giải pháp tổng thể, toàn diện về quản lý đội ngũ viên chức trong các ĐVSNCL<sup>143</sup>, Bộ Nội vụ đang báo cáo, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình cho phép để tiếp tục triển khai sau khi hoàn thành việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy.

*15. Đề nghị Chính phủ xem xét quy định cơ chế đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số vào công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng cơ chế phối hợp, đồng bộ trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm CBCCVC người dân tộc thiểu số (tỉnh Điện Biên).*

<sup>140</sup> Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

<sup>141</sup> Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức

<sup>142</sup> Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

<sup>143</sup> Luật Nhà giáo đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV và theo dự kiến được thông qua tại Kỳ họp sắp tới. Theo đó, quy định của Luật Nhà giáo sẽ có những nội dung mới có liên quan đến đội ngũ nhà giáo là viên chức trong cơ sở giáo dục, đào tạo công lập. Đồng thời, Chính phủ hiện đang chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khẩn trương thực hiện tổng kết 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa 12 và xây dựng phương án sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, giảm đầu mối bên trong, tăng cường phân cấp, phân quyền bảo đảm đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Thực hiện Nghị quyết số 613/2018/UBTVQH14 ngày 13/12/2018 của UBTVQH về việc điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2019, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; trong đó đã kịp thời thể chế hóa yêu cầu tại Kết luận số 65-KL/TW<sup>144</sup> về việc có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức đối với DTTS rất ít người và nhóm DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*là đối tượng sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển*). Cụ thể tại Điều 37 Luật CBCC đã bổ sung quy định: *Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học được tuyển dụng theo hình thức xét tuyển* (theo quy định của pháp luật tại thời điểm sửa Luật Cán bộ, công chức năm 2019 thì đối tượng học cử tuyển, sau khi tốt nghiệp phải tham gia các kỳ tuyển dụng theo quy định chung với các nhóm đối tượng khác, dẫn đến việc sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển không được tuyển dụng).

Căn cứ các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, trong quá trình hoàn thiện thể chế liên quan đến công tác tuyển dụng công chức, viên chức, Chính phủ ban hành các Nghị định<sup>145</sup> để cụ thể hóa chính sách ưu tiên trong tuyển dụng đối với người dân tộc thiểu số và tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương tuyển dụng người dân tộc thiểu số đáp ứng tỷ lệ theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg. Cụ thể là: (1) Bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức dành riêng chỉ tiêu để tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển và thực hiện thông qua hình thức xét tuyển; (2) Quy định cho phép cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng CCVC trong kế hoạch tuyển dụng hàng năm được xác định VTVL, chỉ tiêu biên chế và cơ cấu dân tộc cần tuyển... để tuyển dụng đối với người DTTS (*người dân tộc thiểu số không phải cạnh tranh chung với các nhóm đối tượng khác trong cùng một kỳ thi tuyển*); (3) Đối với người DTTS học theo chế độ cử tuyển theo quy định của pháp luật, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học được tiếp nhận vào viên chức (không qua thi).

b) Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC nói chung trong đó có CBCCVC người DTTS. Theo phân cấp, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC trong đó chú trọng định hướng đào tạo, bồi dưỡng theo VTVL và theo quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo quản lý; nội dung đào tạo, bồi dưỡng; hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đánh giá công tác đào tạo, bồi

<sup>144</sup> Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

<sup>145</sup> Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong CQHC nhà nước, ĐVSNC; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

dưỡng và phát huy năng lực CCVC nói chung và CCVC người DTTS nói riêng sau khi được đào tạo, bồi dưỡng; có biện pháp ưu tiên khuyến khích CBCCVC người DTTS tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chế độ, chính sách ưu tiên, hỗ trợ kinh đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCCVC người DTTS được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương. Nhiều địa phương đã chủ động trong khả năng bố trí ngân sách và theo thẩm quyền ban hành và thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại để khuyến khích CBCCVC người DTTS tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đối tượng thuộc diện quy hoạch chức danh, lãnh đạo; nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo mang tính chuyên biệt đối với CCVC người DTTS, nâng cao kỹ năng làm việc cho CCVC người DTTS.

Ngoài ra, ngày 31/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2282/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030". Đồng thời, Bộ Nội vụ có Tờ trình số 1592/TTr-BNV ngày 23/3/2024 về việc phê duyệt Đề án nâng cao tỷ lệ CBCCVC người DTTS trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay, góp phần bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

**16. Đề nghị nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 1, Điều 53 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về thành phần hồ sơ bổ nhiệm lại viên chức (tỉnh Điện Biên).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Theo quy định của Đảng và pháp luật thì khi xem xét bổ nhiệm lại, cá nhân người được bổ nhiệm lại phải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn được bổ nhiệm. Tiếp thu ý kiến nêu trên, Bộ Nội vụ sẽ chỉnh lý kỹ thuật khi sửa đổi, bổ sung văn bản có liên quan.

**17. Đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành quy định mã số, điều kiện, tiêu chuẩn của các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (tỉnh Điện Biên).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến của tỉnh Điện Biên để đôn đốc các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khẩn trương ban hành quy định mã số, điều kiện, tiêu chuẩn các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức bảo đảm theo quy định của pháp luật.

**18. Đề nghị sớm ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư số 06/2020/TT-BNV<sup>146</sup> (thành phố Hà Nội).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Thông tư ban

<sup>146</sup> Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

hành Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức và Quy chế tổ chức thi nâng ngạch, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, thay thế Thông tư số 06/2020/TT-BNV và gửi lấy ý kiến bộ, ngành, địa phương tại Công văn số 7350/BNV-CCVC. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia để tiếp tục hoàn thiện, sớm ban hành bảo đảm tiến độ và chất lượng.

**19. Đề nghị Chính phủ xem xét ban hành chương trình, đề án riêng biệt và bố trí nguồn lực để hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (tỉnh Điện Biên).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC<sup>147</sup> quy định “*Nội dung chi, mức chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố ở phường, thị trấn; người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, ĐVSNCL và doanh nghiệp) thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC*”. Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định “*Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên, CBCCVC, người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, ĐVSNCL và doanh nghiệp, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố được cử đi học; chi phí phát sinh khi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng dưới hình thức đào tạo từ xa và các khoản chi khác có liên quan)*”. Như vậy, theo các quy định nêu trên, đối với những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (già làng, trưởng dòng họ, người có uy tín...) khi tham gia các lớp bồi dưỡng đã được hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ và các chi phí khác của lớp bồi dưỡng như đối với CBCCVC.

Ngày 14/10/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, theo đó tại điểm d mục 5 phần III “Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình<sup>148</sup>” đã có chế độ hỗ trợ đối với người có uy tín trong cộng đồng khi tham gia bồi dưỡng theo nội dung của Chương trình.

Đề nghị tỉnh Điện Biên căn cứ các quy định hiện hành để tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng là những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bảo

<sup>147</sup> Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>148</sup> (Bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

đảm chất lượng, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### III. LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG

1. Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2 Mục II Thông tư số 09/2005/TT-BNV<sup>149</sup> cho phù hợp với Thông tư quy định về chế độ trong thời gian nghỉ hè đối với nhà giáo (tỉnh Lào Cai).

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP<sup>150</sup>: “Áp dụng đối với các đối tượng làm việc ở đảo xa đất liền và vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn”, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 09/2005/TT-BNV; trong đó điểm b khoản 2 Mục II quy định “Phụ cấp đặc biệt chỉ trả cho những tháng thực sự công tác trên địa bàn, khi rời khỏi địa bàn từ một tháng trở lên hoặc đến công tác không tròn tháng thì không được hưởng” là phù hợp chế độ tiền lương hiện hành.

2. Đề nghị tham mưu Chính phủ ban hành chính sách đặc thù cho cán bộ quản lý, giáo viên được biệt phái về công tác tại các phòng, ban chuyên môn thuộc ngành giáo dục (tỉnh Lào Cai).

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Khoản 2 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định: Các bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành “Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng chế độ, chính sách đặc thù đối với viên chức thuộc ngành, lĩnh vực đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”. Do vậy chính sách đặc thù của giáo viên sẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng.

3. Đề nghị hướng dẫn về thẩm quyền ban hành và hình thức ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng; về việc xác định Quỹ tiền thưởng có bao gồm hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đang áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP không? (tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An).

#### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Chế độ tiền thưởng được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐCP<sup>151</sup>: “Người đứng đầu đơn vị lực lượng vũ trang theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc được phân cấp thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức và người đứng đầu ĐVSNCL có trách nhiệm xây dựng Quy chế cụ thể để thực hiện chế độ tiền thưởng áp dụng đối với các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị; gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để quản lý, kiểm tra và thực hiện công khai trong cơ quan, đơn vị”; và tại khoản 4 Điều 4: “Quỹ tiền thưởng hằng năm quy định tại Điều này nằm ngoài

<sup>149</sup> Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCCVC và LLVT.

<sup>150</sup> Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với CBCCVC và LLVT.

<sup>151</sup> Nghị định số 73/2024/NĐCP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với CBCCVC và LLVT.



quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị”.

Về kinh phí thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP<sup>152</sup>.

**4. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp độc hại,... đối với các trường hợp viên chức được biệt phái đến các cơ quan hành chính nhà nước; về thành tích để nâng lương trước thời hạn (tỉnh Bình Phước).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Về phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp độc hại,... đối với các trường hợp viên chức được biệt phái đến các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện theo quy định Điều 27 Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ). Chế độ phụ cấp độc hại đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện tại Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, được tính theo thời gian thực tế làm việc tại nơi có các yếu tố độc hại, nguy hiểm và được trả cùng kỳ lương hằng tháng. Chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật quy định phụ cấp ưu đãi nghề của từng ngành (y tế, giáo dục, kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều,...). Vì vậy, đề nghị tỉnh Bình Phước căn cứ các quy định nêu trên để thực hiện.

b) Về thành tích để nâng lương trước thời hạn được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với CBCCVC và người lao động (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021). Tại điểm e Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-BNV quy định: “Tiêu chuẩn, cấp độ về lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và thời gian được nâng bậc lương trước thời hạn tương ứng với từng cấp độ thành tích khác nhau của CBCCVC và người lao động do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý CBCCVC và người lao động trao đổi với cấp ủy và Ban Chấp hành công đoàn cùng cấp quy định cụ thể trong Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn của cơ quan, đơn vị”. Do vậy việc nâng lương trước thời hạn đối với CBCCVC và người lao động thì ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 08/2013/TT-BNV, còn phụ thuộc vào Quy chế nâng bậc lương của cơ quan, đơn vị (cụ thể là căn cứ vào các cấp độ thành tích được quy định trong Quy chế).

#### **IV. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Đề xuất báo cáo Chính phủ xem xét giải quyết dứt điểm việc các hộ dân xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam đang sinh sống trên địa bàn xã Đăk Nê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.**

<sup>152</sup> Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong CQHC và ĐVSNC.

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết vướng mắc về địa giới hành chính giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Nam; triển khai Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ bản đồ, địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” (Dự án 513), Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ... tổng hợp hồ sơ, khảo sát thực địa và lấy ý kiến Nhân dân tại khu vực giáp ranh xã Trà Vinh thuộc huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam và xã Đăk Nền thuộc huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của UBND 02 địa phương và ý kiến của các hộ dân tại khu vực này, Bộ Nội vụ báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm giải quyết dứt điểm vướng mắc về địa giới hành chính giữa 02 tỉnh Kon Tum và Quảng Nam cùng với việc hoàn thiện hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính theo Dự án 513.

***2. Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc xử lý kỷ luật các chức danh Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND để đảm bảo thống nhất giữa quy định của Luật Chính quyền địa phương và Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật CBCCV (tỉnh Kon Tum).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Ngày 18/9/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 112/2020/NĐ-CP về xử lý kỷ luật CBCCV (đã được sửa đổi, bổ sung lại Nghị định 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023), theo đó tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định đã quy định đối tượng áp dụng là “cán bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách (sau đây gọi chung là cán bộ)”. Theo đó, việc xử lý kỷ luật các chức danh Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND như kiến nghị của địa phương đã được quy định cụ thể tại Nghị định này.

***3. Đề nghị hướng dẫn cụ thể, kịp thời những nội dung liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã (tỉnh Nam Định).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của UBTVQH về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, Chính Phủ đã ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế; Bộ Nội vụ đã ban hành Văn bản số 4099/HD-BNV ngày 29/7/2023 hướng dẫn về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện chính sách đối với CBCCV, người lao động và việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng LLVTND, Anh hùng Lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Đối với một số phản ánh, kiến nghị của UBND tỉnh Nam Định liên quan đến giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025, Bộ Nội vụ đã có các Văn bản số 5696/BNV-CQĐP ngày 16/9/2024 và Văn bản số 6613/BNV-CQĐP ngày

18/10/2024 trả lời địa phương. Đề nghị UBND tỉnh Nam Định căn cứ quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ để tổ chức thực hiện trên địa bàn. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

*4. Đề nghị xem xét, giải quyết dứt điểm khu vực chồng lấn tại xã Xuân Lãm, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên với xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (tỉnh Phú Yên).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Trong thời gian qua, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan tiến hành khảo sát thực tế và làm việc với 02 địa phương về xác định địa giới ĐVHC giữa hai tỉnh Phú Yên và Bình Định, đồng thời đã có các văn bản<sup>153</sup> hướng dẫn và đề nghị 02 địa phương phối hợp, hiệp thương xác định đường địa giới hành chính của 02 tỉnh tại khu vực xã Xuân Lãm, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên với xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định theo hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính lập theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ bản đồ, địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” (Dự án 513). Để đảm bảo tiến độ triển khai Dự án 513, Bộ Nội vụ tiếp tục đề nghị UBND tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định phối hợp thực hiện các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ nêu trên và hoàn thiện hồ sơ bản đồ địa giới hành chính theo Dự án 513, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật sản phẩm hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp của 02 địa phương trước khi trình Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định.

*5. Đề nghị sớm nghiệm thu để đưa bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp vào sử dụng (tỉnh Quảng Trị).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Ngày 25/3/2024, UBND tỉnh Quảng Trị có Văn bản số 1405/UBND-NC đề nghị thẩm định hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát của Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng thẩm định (ngày 8/11/2024) và ý kiến của các Bộ có liên quan, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 7454/BNV-CQĐP ngày 20/11/2024 gửi UBND tỉnh Quảng Trị về việc hoàn thiện hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp tỉnh Quảng Trị (đến nay, Bộ Nội vụ chưa nhận được văn bản của UBND tỉnh Quảng Trị báo cáo kết quả sau khi hoàn thiện hồ sơ). Sau khi UBND tỉnh Quảng Trị hoàn thiện hồ sơ, Bộ Nội vụ sẽ tiến hành thẩm định và xem xét, công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp của tỉnh Quảng Trị theo quy định.

*6. Đề nghị ban hành quy định quy trình, thủ tục thực hiện việc xét tuyển người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (tỉnh Hà Tĩnh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ khoản 8 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của

<sup>153</sup> Văn bản số 870/BNV-CQĐP ngày 02/3/2023 và Văn bản số 483/BNV-CQĐP ngày 07/8/2023 về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên.

Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì UBND cấp tỉnh căn cứ quy định của pháp luật có liên quan để quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phù hợp với thực tiễn của từng địa phương (trong đó có việc quy định quy trình, thủ tục thực hiện xét tuyển người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

*7. Đề nghị thẩm định, nghiệm thu sản phẩm Dự án 513 trên địa bàn tỉnh Long An để sớm đưa sản phẩm vào khai thác, sử dụng và quản lý theo quy định (tỉnh Long An).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Ngày 25/10/2024, Bộ Nội vụ nhận được hồ sơ về Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”. Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ (Dự án 513) và các văn bản pháp luật liên quan, hiện nay Bộ đang tiến hành các trình tự, thủ tục thẩm định, nghiệm thu bộ hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp của tỉnh Long An nêu trên, cụ thể là: đã gửi Văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và họp Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng thẩm định để kiểm tra, rà soát hồ sơ trước khi trình Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định. Trường hợp UBND tỉnh Long An kịp hoàn thiện đầy đủ hồ sơ bản đồ theo quy định, Bộ Nội vụ sẽ hoàn thành việc thẩm định, nghiệm thu trong tháng 12/2024.

*8. Đề nghị sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ (tỉnh Điện Biên).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tại Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có quy định: "Việc tuyển dụng công chức cấp xã được áp dụng quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức". Theo đó, việc tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024).

*9. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố hoặc có hướng dẫn cụ thể về việc xác định tỷ lệ cử tri tán thành đối với dự thảo Đề án sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố (tỉnh Bắc Kạn).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Điểm d khoản 1 Điều 7a Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 và Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022) đã quy định rõ việc xác định tỷ lệ cử tri tán thành đối với Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố, cụ thể là “Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, tổ dân

phô sáp nhập tán thành”.

**10. Đề nghị xem xét sớm chủ trì giải quyết phương án xác định các tuyến ranh giới quản lý hành chính biển, đảo theo Quyết định số 845/QĐ-BNV ngày 27/10/2023 của Bộ Nội vụ tại khu vực giữa hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận (tỉnh Khánh Hòa).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”, Bộ Nội vụ đang phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên đề xuất phương án xác định ranh giới quản lý hành chính biển, đảo giữa các địa phương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**V. LĨNH VỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Bộ Nội vụ phối hợp Văn phòng Chính phủ thống nhất quy định thời gian báo cáo định kỳ CCHC và kiểm soát TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổng hợp báo cáo CCHC định kỳ đảm bảo tính đồng bộ, chính xác (tỉnh Bạc Liêu).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Báo cáo CCHC định kỳ là nội dung lớn, số liệu phải tổng hợp từ nhiều ngành, lĩnh vực và là một trong những tài liệu quan trọng trình tại các Phiên họp thường kỳ của Chính phủ. Hiện nay, Bộ Nội vụ quy định thời hạn các địa phương nộp báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo là phù hợp với quy định tại Nghị định 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bảo đảm đủ thời gian để Bộ Nội vụ tổng hợp số liệu từ 6 lĩnh vực cải cách và xây dựng báo cáo trình Chính phủ (trước ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo). Thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ kiến nghị với Văn phòng Chính phủ điều chỉnh thời gian báo cáo cải cách TTHC định kỳ để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Cùng với đó, Bộ Nội vụ đề nghị địa phương kiến nghị với Văn phòng Chính phủ về nội dung trên; đồng thời, nghiên cứu đổi mới phương thức làm việc, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để đẩy nhanh tiến độ tổng hợp số liệu, báo cáo kịp thời.

**2. Đề nghị tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hiểu biết và nhận thức về cải CCHC cho cán bộ, công chức (Bộ Khoa học và Công nghệ).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh CCHC một cách toàn diện, đồng bộ, hiệu quả trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số. Theo đó, công tác CCHC đã được các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai, đạt được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của bộ máy hành chính

nhà nước các cấp từ Trung ương đến địa phương...

Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế, bất cập; cần phải tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác CCHC trong thời gian tới. Với vai trò cơ quan thường trực của Chính phủ về CCHC, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tham mưu cho Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ các giải pháp tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; trong đó, tăng cường chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí, các bộ, ngành địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức thực hiện CCHC; tiếp tục cung cấp thông tin cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các bộ, ngành, địa phương về những kết quả, giải pháp, kinh nghiệm, sáng kiến CCHC hay đang được áp dụng, triển khai có hiệu quả tại các bộ, ngành, địa phương thông qua Bản tin điện tử CCHC của Văn phòng Ban Chỉ đạo, Website cải cách hành chính của Bộ Nội vụ; khai thác sức mạnh, lợi thế của các mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...), qua đó giúp đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

## VI. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN

*1. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Quy định chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và ĐVSNCL (tỉnh Lai Châu).*

### ***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ bảo đảm nguyên tắc bám sát các chính sách được quy định tại Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị, không trái quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, nhiều cơ quan ở Trung ương, địa phương đã quan tâm, ban hành các văn bản quy định; kế hoạch tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Tổng hợp kết quả thực hiện cho thấy, chính sách quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP đã phát huy hiệu quả và được các cơ quan, tổ chức quan tâm triển khai thực hiện, số lượng các cơ quan, địa phương ban hành Kế hoạch tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP tăng lên trong năm 2022, 2023 và 2024; nhiều sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đã tìm hiểu, tham gia đăng ký dự tuyển và trúng tuyển<sup>154</sup>; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ sau khi được tuyển dụng đều năng nổ, nhiệt tình, cống hiến hết mình với công việc; luôn chấp hành tốt mọi sự phân công, chỉ đạo của người đứng đầu đơn vị, được đánh giá ở mức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một số trường hợp được đánh giá cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng áp dụng kiến thức vào lĩnh vực phụ trách, có

<sup>154</sup> Từ năm 2018 đến tháng 10/2024, có 1.418 lượt hồ sơ ứng viên đăng ký dự tuyển theo chính sách quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, trong đó có 971 hồ sơ đáp ứng tiêu chuẩn; 447 hồ sơ không đáp ứng tiêu chuẩn. Kết quả tuyển chọn cho thấy, có 706 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được thu hút, tuyển dụng vào làm việc trong các cơ quan, tổ chức (số lượng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tuyển dụng trong năm 2022, 2023 và 2024 tăng so với các năm trước).

triển vọng phát triển; có năng lực, tư duy tốt, chuyên môn sâu; có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập tốt; có tinh thần học hỏi, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện cho thấy Nghị định số 140/2017/NĐ-CP còn bộc lộ một số hạn chế nhất định về công tác tuyển dụng (như việc xác định kết quả rèn luyện xuất sắc của sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở nước ngoài, quy định về giải thưởng trong cuộc thi Ô-lim-pích); số lượng thu hút giữa khu vực thành thị, nông thôn và miền núi có sự khác biệt<sup>155</sup>; chính sách thu hút chưa đủ để giữ chân người tài<sup>156</sup>... Từ những bất cập nêu trên, thời gian qua Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan kịp thời có văn bản hướng dẫn, trả lời các địa phương nhằm tổ chức thực hiện tốt chính sách thu hút, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Căn cứ Chiến lược quốc gia về thu hút trọng dụng nhân tài đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-TTg, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các cơ quan rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền việc hoàn thiện thể chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Nghị định về thu hút và trọng dụng nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, ĐVSNCL phù hợp với thực tiễn.

*2. Đề nghị sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực dân chủ ở cơ sở (tỉnh Quảng Trị, tỉnh Tuyên Quang).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang triển khai, xây dựng Luật Chính quyền địa phương sửa đổi. Theo đó, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 sẽ được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn, Luật Chính quyền địa phương sửa đổi và Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Trên cơ sở tổng hợp những vướng mắc, bất cập của các địa phương, Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực dân chủ ở cơ sở năm 2022.

*3. Đề nghị xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về thanh niên; nghiên cứu ban hành bộ tiêu chí hoặc một số tiêu chí quy định khung để chấm điểm công tác dân vận chính quyền hàng năm (tỉnh Long An).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 6 và Phụ lục danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia kèm theo Nghị định số 47/2024/NĐ-CP<sup>157</sup> thì dữ liệu về thanh

<sup>155</sup> khu vực nông thôn, miền núi gặp khó khăn khi thu hút, tuyển dụng do thiếu nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

<sup>156</sup> nhiều sinh viên sau khi đăng ký xét tuyển vẫn không tham gia dự tuyển hoặc sau khi trúng tuyển không đến nhận việc do mức lương, chế độ đãi ngộ ở khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức quốc tế... ngày càng cao; chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ đòi hỏi một số ngành, nghề đặc thù chưa thật sự hấp dẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định về công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng.

<sup>157</sup> Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ quy định như sau:

niên không thuộc danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; đề tạo lập hệ thống thông tin về thanh niên trên toàn quốc nhằm hướng dẫn thống nhất việc thu thập, dự báo, đánh giá tình hình, xu hướng phát triển thanh niên, phục vụ công tác hoạch định chính sách, pháp luật cho thanh niên, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 11/2018/TT-BNV ngày 14/9/2018 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam<sup>158</sup> và Thông tư số 07/2020/TT-BNV ngày 15/12/2020 quy định chế độ báo cáo thống kê về thanh niên Việt Nam<sup>159</sup>. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện các Thông tư nêu trên đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập, nhất là đối với công tác thống kê ở cấp tỉnh, do một số biểu mẫu không phù hợp, dẫn đến nhiều bộ, ngành trung ương và địa phương chưa thu thập đầy đủ các chỉ số thống kê về thanh niên theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các Thông tư nêu trên phù hợp với thực tiễn, nhằm phục vụ tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia để khai thác, sử dụng hiệu quả.

b) Triển khai cụ thể hoá quan điểm của Đảng, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình phối hợp công tác<sup>160</sup>, ngày 03/11/2020 Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 5796/BNV-TH gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội góp ý dự thảo Quy định tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận của cơ quan HCNN và CQCC. Qua tổng hợp, đến nay có 39/63 tỉnh, thành phố đã ban hành Quyết định tiêu chí, đánh giá chấm điểm công tác dân vận của cơ quan HCNN và ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh; một số tỉnh, thành phố đã đưa nội dung đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận của chính quyền vào việc đánh giá cán bộ, công chức hằng năm đi vào nền nếp, thực hiện có hiệu quả và thực chất, góp phần thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tốt hơn, thiết thực hơn và ổn định hơn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Công văn số 2762/VPCP-QHĐP ngày 25/4/2024, Bộ Nội vụ đang nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí chấm điểm, đánh giá công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp trong quá trình nghiên cứu xây dựng Đề án "Đổi mới phương pháp đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức hành chính nhà nước dựa trên kết quả".

**4. Đề nghị chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, đoàn viên, thanh niên (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ các quy định, kế hoạch về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Nghị định số

- Khoản 1 Điều 4 quy định: "Cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia được quản lý, xây dựng, duy trì tập trung".

- Khoản 2 Điều 6 quy định: "Cơ sở dữ liệu quốc gia phải nằm trong Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia".

<sup>158</sup> Bao gồm 83 chỉ tiêu, chia thành 12 nhóm, phản ánh tình hình phát triển của thanh niên trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

<sup>159</sup> Bao gồm 60 biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với 16 bộ, ngành.

<sup>160</sup> Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (thay thế bởi Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021); Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ "Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp trong tình hình mới" (thay thế Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 trước đây); Chương trình phối hợp số 03/CTr/BVDTW-BCSDCP ngày 15/12/2021 giữa Ban Dân vận Trung ương và Ban cán sự đảng Chính phủ về công tác dân vận giai đoạn 2021 - 2026.



101/2017/NĐ-CP<sup>161</sup>, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP<sup>162</sup>, Quyết định số 163/QĐ-TTg<sup>163</sup>, Quyết định số 1641/QĐ-TTg<sup>164</sup>, Quyết định số 489/QĐ-TTg<sup>165</sup>, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, đoàn viên, thanh niên phù hợp với mục đích, yêu cầu của cơ quan, đơn vị.

## VII. LĨNH VỰC TỔ CHỨC HỘI, QUỸ

*1. Đề nghị sớm xem xét, hướng dẫn kinh phí hỗ trợ cho các hội không được giao biên chế (để chi trả lương, phụ cấp,...) nhằm đảm bảo hài hòa giữa các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (tỉnh Đắk Nông).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Về chính sách đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương quy định tại khoản 1<sup>166</sup>, khoản 2<sup>167</sup> Điều 39 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP<sup>168</sup>. Theo đó, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong đó gồm UBND tỉnh Đắk Nông) thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương từ ngân sách địa phương. Việc hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước địa phương đối với phạm vi hoạt động của các hội và khả năng huy động các nguồn lực tài chính của các hội.

b) Về chế độ, chính sách đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo Điều 40 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, trong đó đã quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ thù lao, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác đối với người làm việc tại hội không thuộc đối tượng người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội.

*2. Đề nghị tổ chức tập huấn, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 126/2024/NĐ-CP<sup>169</sup>; Nghị định số 136/2024/NĐ-CP<sup>170</sup>; quan tâm định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác quản lý nhà nước đối với hội (tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Lâm Đồng).*

<sup>161</sup> Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>162</sup> Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

<sup>163</sup> Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016/2025.

<sup>164</sup> Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 phê duyệt Đề án bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023-2025.

<sup>165</sup> Quyết định số 489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bồi dưỡng cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 – 2027.

<sup>166</sup> Khoản 1 Điều 39 quy định nội dung hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, bao gồm các nội dung: Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội; Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của hội; Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể như cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương theo số biên chế được giao; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền tại Điều 8 Nghị định này giao; Cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động theo quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

<sup>167</sup> Khoản 2 Điều 39 quy định về quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương.

<sup>168</sup> Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 8/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

<sup>169</sup> Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

<sup>170</sup> Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Triển khai Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 770/QĐ-BNV về Kế hoạch tổ chức Hội nghị về công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Ngày 26/11/2024, Bộ đã tổ chức hội nghị về công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện dành cho bộ, ngành, địa phương và các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương tại thành phố Cần Thơ. Tháng 12/2024, Bộ tổ chức 02 hội nghị cho hội, quỹ trong phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác quản lý nhà nước đối với hội, quỹ, nhằm không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và người làm việc tại các hội, quỹ trong thực thi các quy định của pháp luật; đồng thời hướng dẫn thực hiện tốt các quy định về hội, quỹ và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội, quỹ.

***3. Đề nghị Trung ương sửa đổi mức vốn điều lệ đối với các Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; giảm bớt các bước trong quy trình thành lập quỹ (tỉnh Lâm Đồng).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Việc quy định ban sáng lập quỹ có đủ tài sản đóng góp để thành lập quỹ tại Điều 14 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP<sup>171</sup> đã bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và bảo đảm khi quỹ được thành lập sẽ tổ chức, hoạt động ổn định, lâu dài nhằm mục đích hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường, cộng đồng, từ thiện, nhân đạo (không để xảy ra trường hợp khi quỹ mới được thành lập thì không đủ tiền, tài sản để thực hiện tôn chỉ, mục đích của quỹ).

b) Về thủ tục, hồ sơ thành lập quỹ theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐCP và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP<sup>172</sup> đã bảo đảm chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu về quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi để công dân, tổ chức Việt Nam có nguyện vọng, nhu cầu thành lập quỹ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

***4. Kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ cụ thể hóa Kết luận 102-KL/TW và Thông báo số 158-TB/TW<sup>173</sup> (tỉnh Đồng Tháp).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trên cơ sở Kết luận số 102-KL/TW và Thông báo số 158-TB/TW, Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 118-QĐ/TW<sup>174</sup>. Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW,

<sup>171</sup> Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

<sup>172</sup> Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

<sup>173</sup> Thông báo số 158-TB/TW, ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về Hội quần chúng trong tình hình mới.

<sup>174</sup> Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 26/11/2024); trong đó có đề xuất một số quy định đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Điều 37 đến Điều 42 Chương VI).

## VIII. LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

*1. Đề nghị sớm ban hành Nghị quyết của UBTVQH giải thích một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (tỉnh Bắc Giang).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/6/2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024. Để tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ đã chủ động tham mưu về việc giải thích một số điều của Luật. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của Bộ Tư pháp và bộ, ngành, địa phương<sup>175</sup>, ngày 10/11/2024 Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 7141/TTr-BNV trình Chính phủ về việc đề nghị UBTVQH ban hành Nghị quyết giải thích một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã đề xuất đưa nội dung này vào Chương trình công tác năm 2025 của UBTVQH. Nếu được cấp thẩm quyền đồng ý và phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ sẽ tham mưu xây dựng Nghị quyết để kịp thời triển khai thực hiện thống nhất trong cả nước.

*2. Đề nghị thường xuyên tổ chức học tập, nghiên cứu ở các đơn vị, địa phương có cách làm hay, hiệu quả trong công tác thi đua, khen thưởng để các đơn vị, địa phương khác học tập, nhân rộng điển hình tiên tiến (tỉnh Bạc Liêu).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Trong những năm qua, Bộ Nội vụ đã tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của cụm khối thi đua trong cả nước, đạt nhiều kết quả tích cực, tăng cường được sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tổ chức phong trào thi đua và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. Công tác phát hiện các đơn vị, địa phương, cá nhân điển hình tiên tiến tiêu biểu, có cách làm hay, hiệu quả được thực hiện thường xuyên thông qua hoạt động của cụm, khối thi đua và được giới thiệu, phổ biến, nhân rộng tại các hội nghị sơ kết, tổng kết cụm, khối thi đua hàng năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 1 Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thì người đứng đầu bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền chủ động tổ chức học tập nghiên cứu các đơn vị, địa phương khác có cách làm hay, hiệu quả trong công tác thi đua, khen thưởng để các đơn vị, địa phương khác học tập, đặc biệt phong trào thi đua nhân rộng điển hình tiên tiến.

*3. Đề nghị Chính phủ xem xét tăng thời gian thẩm định hồ sơ tại Nghị định số*

<sup>175</sup> Tại Văn bản xin ý kiến số 6709/BNV-BTĐKT ngày 27/9/2024.

28/2024/NĐ-CP<sup>176</sup> (tỉnh Quảng Trị).

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Để bảo đảm việc khen thưởng kịp thời đối với các trường hợp được đề nghị tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang", tại Điều 8 Nghị định số 28/2024/NĐ-CP quy định thời gian xử lý hồ sơ đối với cấp xã 15 ngày, cấp huyện 10 ngày, cấp tỉnh 15 ngày. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương triển khai đúng quy định, Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) sẽ thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện và tiếp tục tổng hợp ý kiến của các bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phù hợp với yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

**4. Đề nghị sớm xin ý kiến các cơ quan chức năng về việc sử dụng mẫu chữ ký của các cấp lãnh đạo có thẩm quyền quyết định khen thưởng qua các thời kỳ theo Nghị định số 99/2016/NĐ-CP<sup>177</sup> (tỉnh Quảng Trị).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tích cực phối hợp với Bộ Công an để xác minh căn cứ pháp lý các mẫu con dấu của cơ quan nhà nước và sưu tầm, phục chế mẫu chữ ký của các đồng chí lãnh đạo nhà nước có thẩm quyền ký Bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua cấp nhà nước qua các thời kỳ. Đồng thời tham mưu đưa các nội dung liên quan đến mẫu con dấu, chữ ký của các đồng chí lãnh đạo nhà nước trong quá trình đề xuất, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2023/NĐ-CP<sup>178</sup>. Sau khi có đủ căn cứ thực hiện, Bộ Nội vụ sẽ kịp thời thông báo về việc triển khai cấp đổi, cấp lại bằng đối với một số hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

**5. Đề nghị sớm triển khai việc xây dựng hệ thống chuyển đổi số về quản lý cơ sở dữ liệu về khen thưởng quốc gia (tỉnh Hà Nam).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay, Bộ Nội vụ đã đưa nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng vào Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2 của Bộ, sẽ sớm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin về khen thưởng nói chung và khen thưởng kháng chiến nói riêng trong cả nước.

**6. Đề nghị hướng dẫn việc xét tặng và lấy thành tích Cờ thi đua của cấp Bộ, ngành, Mặt trận, đoàn thể Trung ương; việc khen thưởng tại khoản 5 Điều 80 và khoản 1 Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 (tỉnh Bình Thuận).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Ngày 24/9/2024, Bộ Nội vụ có Hướng dẫn số 5973/HD-BNV về tổ chức cụm, khối thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", Cờ thi đua, Bằng khen của tỉnh, thành phố trực thuộc trung

<sup>176</sup> Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" và việc khen thưởng tổng kết kháng chiến.

<sup>177</sup> Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng con dấu.

<sup>178</sup> Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

ương có nêu rõ: “Cờ thi đua và Bằng khen của tỉnh, thành phố tặng cho các đơn vị thuộc Bộ, ban, ngành Trung ương đóng trên địa bàn địa phương khi tham gia cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức và Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ, ban, ngành, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương tặng cho các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh khi tham gia cụm khối thi đua không dùng làm căn cứ và tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng.

b) Theo Luật Công an nhân dân (được sửa đổi, bổ sung năm 2023) không quy định Công an viên bán chuyên trách thuộc Công an xã. Do vậy, không có cơ sở để hướng dẫn việc khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho các đối tượng này.

Căn cứ khoản 5 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng: “Bộ Quốc phòng quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” đối với dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động”, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 93/2024/TTBQP ngày 08/11/2024 quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ. Đề nghị địa phương thực hiện theo quy định.

*7. Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc “Hạ một mức khen thưởng đối với cá nhân bị kỷ luật ... khiến trách, cảnh cáo...” (tỉnh Bình Thuận).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ đã quy định:

a) Không khen thưởng đối với cá nhân bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, bị kỷ luật ở hình thức buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, quân hàm sĩ quan hoặc quân hàm chuyên nghiệp. Đối với cá nhân đã bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định thì thời gian, chức vụ sau khi kết nạp Đảng lần sau được xét khen thưởng;

b) Hạ một mức khen đối với cá nhân đã bị kỷ luật khai trừ khỏi Đảng sau đó được kết nạp lại, cá nhân: Bị cách chức, giáng chức, giáng cấp bậc, quân hàm, hạ bậc lương, khiến trách, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen thưởng lần trước)”.

Đề nghị địa phương thực hiện theo quy định nêu trên và quy định của pháp luật về khen thưởng công hiến để khen thưởng đối với cá nhân bị kỷ luật.

*8. Đề nghị sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ trình Bộ Chính trị tổng kết và thay thế Chi thị số 34-CT/TW<sup>179</sup> (tỉnh Bình Thuận).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ đã xây dựng Đề án đề Thường trực Chính phủ trình Bộ Chính trị<sup>180</sup>

<sup>179</sup> Chi thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới.

<sup>180</sup> Tờ trình số 52-TTr/BCSD ngày 16/10/2024.

việc thay thế Chỉ thị số 34-CT/TW. Ngày 01/11/2024, Bộ Chính trị đã thông qua Đề án và đồng ý ban hành Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 34-CT/TW. Bộ Nội vụ đang tích cực phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và trình đồng chí Thường trực Ban Bí thư ký ban hành Chỉ thị.

*9. Đề nghị nghiên cứu, cải cách thủ tục hành chính trong công tác thi đua và khen thưởng; đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục xét, tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp (Bộ Giao thông vận tải).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 có một số điểm mới về thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác thi đua, khen thưởng như: (1) Giảm số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng Nhà nước (khoản 4 Điều 84); (2) Bổ sung một số trường hợp và quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo thủ tục đơn giản đối với các trường hợp khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước nhằm kịp thời động viên, khích lệ quần chúng; Khen thưởng công hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại; Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 85)...; (3) Bổ sung quy định về thẩm định hồ sơ trình xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (điểm đ khoản 2 Điều 89) và quy định “ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng” là 02 trong 10 nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng (điểm e khoản 2 Điều 89). Trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ nghiên cứu để tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

*10. Đề nghị tăng cường công tác quản lý nhà nước về tổ chức cán bộ và thi đua, khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Hiện nay, công tác quản lý nhà nước về tổ chức cán bộ và thi đua, khen thưởng đang thực hiện theo đúng Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định hướng dẫn thi hành và các quy định của văn bản pháp luật khác. Trong thời gian tới Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tổ chức cán bộ và thi đua, khen thưởng.

*11. Đề nghị tiếp tục rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng (tỉnh Bắc Ninh).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP<sup>181</sup>; Thông tư số 01/2024/TTBNV<sup>182</sup>, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Bộ Nội vụ) đã ban hành Văn bản số 419/BTĐKTP.I ngày 23/4/2024 và Văn bản số 1172/BTĐKT-P.II ngày 19/8/2024 gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể

<sup>181</sup> Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

<sup>182</sup> Thông tư số 01/2024/TTBNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề trao đổi, giải đáp một số nội dung liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng được các bộ, ngành, địa phương quan tâm.

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, Bộ Nội vụ đang tiến hành rà soát, báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng nhằm tạo thuận lợi, thông suốt trong việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong toàn quốc.

*12. Đề nghị kịp thời cập nhật các quyết định khen thưởng lên Hệ thống điện tử quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng toàn quốc (tỉnh Nghệ An).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay Bộ Nội vụ đã đưa nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng vào Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2 của Bộ. Thời gian tới các địa phương sẽ thuận lợi hơn trong việc theo dõi kết quả, tiếp nhận hiện vật và quản lý hồ sơ.

*13. Đề nghị tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác thi đua khen thưởng; các văn bản hướng dẫn về thi đua, khen thưởng cần có sự đồng nhất, rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tế (tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Vĩnh Phúc).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Thời gian qua, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Bộ Nội vụ) đã tổ chức các Hội nghị triển khai Luật Thi đua, khen thưởng và các Nghị định quy định chi tiết thi hành trên phạm vi toàn quốc để thống nhất thực hiện quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và điểm d khoản 2 Điều 89 của Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 1 Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thì người đứng đầu bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCCVN làm công tác thi đua khen thưởng thuộc bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình để nâng cao hiệu quả công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về thi đua, khen thưởng.

b) Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết thi hành; các văn bản hướng dẫn về thi đua, khen thưởng của các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành cơ bản đầy đủ, thống nhất. Quá trình thực hiện, bên cạnh nhiều quy định chi tiết, cụ thể, có phát sinh khó khăn, bất cập, vướng mắc. Hiện nay, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương (Bộ Nội vụ) đang rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung để tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện.

**IX. LĨNH VỰC VĂN THƯ - LƯU TRỮ**

*1. Đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn công tác tiêu hủy tài liệu thay thế Công văn số 879/VTLTNNNVĐP ngày 19/12/2006 và văn bản hướng dẫn chỉnh lý tài liệu hành chính thay thế Công văn số 283/VTLTNN-NVTW ngày 19/5/2004 (thành phố Cần Thơ).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ khoản 6 Điều 16 Luật Lưu trữ năm 2024: “Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định trình tự, thủ tục hủy tài liệu lưu trữ”, Bộ Nội vụ đang tích cực xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ, trong đó có nội dung hướng dẫn về hủy tài liệu lưu trữ.

Căn cứ quy định chuyển tiếp tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 65 Luật Lưu trữ năm 2024, việc chỉnh lý tài liệu hình thành trước ngày Luật Lưu trữ năm 2024 có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13.

*2. Đề nghị sớm nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác lưu trữ tài liệu điện tử, công tác thu thập, tổ chức khóa học, công tác sao lưu tài liệu, tổ chức khai thác và giao nộp lưu trữ điện tử vào Trung tâm lưu trữ điện tử Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Căn cứ khoản 7 Điều 36 Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15<sup>183</sup>, Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số, trong đó có quy định các nội dung về thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số,... Dự kiến Thông tư được ban hành và có hiệu lực thi hành cùng thời điểm Luật Lưu trữ năm 2024 có hiệu lực.

*3. Đề nghị mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác lưu trữ tài liệu điện tử; ban hành các quy định nghiệp vụ về công tác lưu trữ tài liệu giấy như các quy định cụ thể về khai thác chứng thực tài liệu tại lưu trữ các cơ quan; hướng dẫn cụ thể các biện pháp xử lý kỹ thuật, bảo quản tài liệu (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Kế hoạch trong năm 2025 Bộ Nội vụ tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Lưu trữ năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết dưới Luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lưu trữ bằng các hình thức cụ thể; phối hợp với các cơ quan báo chí tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng cụ thể; tổ chức tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng nghiệp vụ và biên soạn tài liệu tập huấn cho lãnh đạo cơ quan, tổ chức, công chức, viên chức và người trực tiếp thực hiện nghiệp vụ lưu trữ. Bên cạnh đó, việc tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác lưu trữ theo yêu cầu VTVL thuộc thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành, địa phương. Bộ Nội vụ sẽ phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ cử báo cáo viên trực tiếp tập huấn các nội dung, chuyên đề theo đề nghị của bộ, ngành, địa phương.

b) Căn cứ khoản 5 Điều 23 và khoản 1, khoản 2 Điều 23 Luật Lưu trữ năm 2024, Bộ Nội vụ đang xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ, trong đó có nội dung quy định về sao tài liệu lưu trữ, xác thực tài liệu lưu trữ, hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ,...

<sup>183</sup> Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 21 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.



Căn cứ khoản 5 Điều 21 Luật Lưu trữ năm 2024, Bộ Nội vụ đang xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ, trong đó có nội dung quy định về kho lưu trữ chuyên dụng như: môi trường trong kho, thiết bị bảo vệ, bảo quản tài liệu, bố trí giá để tài liệu... trong khu vực kho bảo quản; yêu cầu đối với khu vực xử lý nghiệp vụ lưu trữ nhằm hạn chế sự hư hỏng, xuống cấp của tài liệu lưu trữ.

*4. Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi các quy định về quản lý tài liệu chuyên ngành để thực hiện thống nhất, tránh chồng chéo giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý tài liệu (tỉnh Nam Định).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 đã phân cấp, giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành, cụ thể: giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao quản lý và lưu trữ tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động, tài liệu lưu trữ dự phòng, tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của ngành quốc phòng, công an, Bộ Ngoại giao; giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về lưu trữ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Đồng thời giao bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước quy định cụ thể thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ. Ngoài các quy định trên, việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Luật Lưu trữ năm 2024, các bộ, ngành đang triển khai xây dựng các Thông tư để thực hiện thống nhất, dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

*5. Đề nghị hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn về khai thác, chứng thực, cấp bản sao tài liệu lưu trữ điện tử (tỉnh Phú Yên).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số, trong đó có các quy định về đọc, cấp bản sao không xác thực, cấp bản sao có xác thực tài liệu lưu trữ số, cung cấp thông tin từ tài liệu lưu trữ số và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ. Theo đó, Thông tư được ban hành và có hiệu lực thi hành cùng thời điểm Luật Lưu trữ năm 2024 có hiệu lực.

*6. Đề nghị chỉ đạo, quan tâm hơn nữa đối với công tác lưu trữ về nguồn lực đầu tư, chế độ chính sách đối với người làm công tác lưu trữ; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ (tỉnh Phú Yên).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Hiện nay, ngoài chính sách tiền lương, người làm công tác lưu trữ tùy điều kiện, môi trường làm việc được hưởng phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật. Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xem xét về nội dung này.

b) Việc tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu VTVL thuộc thẩm quyền của UBND

cấp tỉnh. Bộ Nội vụ sẽ phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ cử báo cáo viên trực tiếp tập huấn các nội dung, chuyên đề theo đề nghị của các địa phương.

*7. Đề nghị sửa đổi Thông tư số 05/2015/TT-BNV ngày 25/11/2015 của Bộ Nội vụ theo hướng thống nhất áp dụng chung cho lưu trữ lịch sử và lưu trữ các bộ, ngành về quy định văn bản hạn chế sử dụng (Ủy ban dân tộc).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ khoản 2 Điều 30 Luật Lưu trữ 2011, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 05/2015/TT-BNV ngày 25/11/2015 quy định danh mục tài liệu hạn chế sử dụng tại Lưu trữ lịch sử. Ngày 21/6/2024, Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Theo đó, việc tiếp cận thông tin tại lưu trữ hiện hành thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 25 Luật Lưu trữ 2024 và Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

*8. Đề nghị sớm xây dựng, thống nhất sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử (tỉnh Lâm Đồng).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử, hiện nay Bộ Nội vụ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ để trình Chính phủ ban hành (dự kiến có hiệu lực từ 01/7/2025), trong đó có quy định chi tiết về các yêu cầu chức năng của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số. Bộ Nội vụ cũng đang hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số, trong đó quy định trường hợp thu nộp tài liệu lưu trữ số trong cùng Hệ thống và khác Hệ thống. Trên cơ sở đó, các địa phương nghiên cứu, triển khai Hệ thống đồng bộ từ cơ sở đến cấp tỉnh để bảo đảm quản lý thống nhất và thuận lợi trong quá trình thu nộp tài liệu lưu trữ số vào lưu trữ lịch sử.

*9. Đề nghị có văn bản hướng dẫn việc sắp xếp người làm việc tại Trung tâm lưu trữ lịch sử cấp tỉnh theo Thông tư số 09/2024/TT-BNV<sup>184</sup> (tỉnh Bắc Ninh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Thông tư số 09/2024/TT-BNV đã quy định số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa và tiêu chí để xác định số lượng người làm việc tăng thêm so với số lượng người tối thiểu. Thông tư là căn cứ pháp lý để cơ quan có thẩm quyền xây dựng, thẩm định, phê duyệt Đề án VTVL của đơn vị sự nghiệp lĩnh vực lưu trữ. ĐVSNCL lĩnh vực lưu trữ căn cứ đề án VTVL được phê duyệt để sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho viên chức, người lao động.

*10. Đề nghị rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ trong bối cảnh thực hiện Chính phủ điện tử (Bộ Khoa học và Công nghệ).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Luật Lưu trữ năm 2024, Bộ Nội vụ đang tham

<sup>184</sup> Thông tư số 09/2024/TT-BNV ngày 26/7/2024 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.

muu xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ và chuẩn bị ban hành Thông tư quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số bảo đảm các nội dung đáp ứng yêu cầu quản lý công tác lưu trữ trong bối cảnh Chính phủ điện tử. Đồng thời, hằng năm Bộ Nội vụ đều thực hiện nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ để có kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung kịp thời.

## X. LĨNH VỰC TÔN GIÁO

*1. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; Quyết định thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ (tỉnh Đắk Nông, tỉnh Lào Cai, tỉnh Long An, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Đối với việc xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo: Căn cứ Điều 64 Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định, được Hội đồng Thẩm định của Bộ Tư pháp thông qua tháng 9/2022. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù, nhạy cảm nên Nghị định này cần tiếp tục được đánh giá tác động. Bộ Nội vụ đã báo cáo và đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho lùi thời gian ban hành Nghị định xử phạt sau khi tổng kết Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ<sup>185</sup>, trên cơ sở Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định số 95/2023/NĐ-CP<sup>186</sup> và yêu cầu từ thực tiễn hoạt động QLNN về tôn giáo trong thời gian qua, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ đưa nội dung tiếp tục xây dựng Nghị định quy định xử phạt vào chương trình công tác của Chính phủ trong năm 2025, trong đó dự kiến sẽ trình Chính phủ thông qua vào tháng 11/2025. Hiện đang chờ Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Đối với nội dung đề nghị phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu sửa đổi Quyết định số 10/QĐ-TTg<sup>187</sup>, Bộ Nội vụ đã góp ý dự thảo Nghị định thay thế Quyết định 10/QĐ-TTg gửi Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ.

*2. Đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý đối với hoạt động của “diện thờ tư gia”; quản lý hoạt động tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng; hướng dẫn quản lý việc tuyên truyền hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng,... (tỉnh Lào Cai).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Văn bản số 1400/TGCP-TGK ngày 28/11/2019 của Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) đã đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: “không để người dân xây dựng các điện phủ tư nhân trái phép nhằm tổ chức các hoạt

<sup>185</sup> Tại Văn bản số 2127/VPCP-NC ngày 04/6/2024.

<sup>186</sup> Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

<sup>187</sup> Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 24/01/20214 của Thủ tướng Chính phủ về quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam.

động tín ngưỡng tập trung đông người gây mất trật tự xã hội; xử lý nghiêm việc xây dựng các cơ sở tín ngưỡng và tổ chức những hoạt động ảnh hưởng đến văn hóa đạo đức truyền thống và an ninh trật tự tại địa phương”. Ngày 27/02/2023, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục có Công văn số 254/TGCP-TNTGK về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có đề nghị Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Có biện pháp ngăn chặn việc sử dụng các cơ sở thờ tự tư gia như các cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng để hoạt động tín ngưỡng tập trung đông người gây mất an ninh trật tự. Hiện nay Luật Tín ngưỡng và các văn bản hướng dẫn không công nhận “cơ sở tín ngưỡng tư gia”, “điện thờ tư gia” là cơ sở tín ngưỡng. Do vậy “điện thờ tư gia” chỉ được phục vụ các thành viên trong gia đình, không được tập trung đông người (như cơ sở tín ngưỡng cộng đồng).

b) Hoạt động tín ngưỡng được quy định tại Chương 3, Luật Tín ngưỡng tôn giáo và các văn bản liên quan (Luật Di sản văn hóa, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Hình sự...). Khái niệm “thầy cúng, thầy mo, thầy phong thủy...” là những người gắn với hoạt động tín ngưỡng có tính “chuyên nghiệp, chuyên sâu”. Do không được đào tạo bài bản, không có cơ quan có thẩm quyền nào cấp “chứng chỉ” mà do đa phần tự phong hoặc các “tổ chức phi chính phủ” phong tặng nên không được quy định trong các văn bản pháp quy của nhà nước (không chính thống).

c) Tổ chức các hoạt động trên không gian mạng trong bối cảnh hiện nay là xu hướng có tính khách quan và tất yếu của thời đại, diễn ra trên mọi lĩnh vực, nhất là sau đại dịch Covid-19, trong đó có hoạt động tôn giáo. Nhận thức được vấn đề đó, Bộ Nội vụ đã chủ động trao đổi với các bộ, ngành liên quan thống nhất trình Chính phủ đưa nội dung hoạt động tôn giáo trực tuyến vào trong Nghị định 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Theo đó, khi tổ chức các hoạt động tôn giáo theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được chấp thuận đăng ký hoạt động tôn giáo và các nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định của pháp luật về thông tin, truyền thông và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tuy nhiên, không gian mạng là một môi trường rất đặc biệt, không biên giới, xuyên không gian và thời gian, dễ ẩn danh, mạo danh. Tại đây, các hoạt động mang tính chất cá nhân, gắn với quyền tự do ngôn luận cũng dễ dàng được thực hiện trên nhiều ứng dụng được tạo ra bởi nhiều nhà cung cấp ở các quốc gia khác nhau. Vì vậy, để bảo đảm sự lành mạnh của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo; hạn chế các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch chuẩn tuyên truyền trên không gian mạng, Bộ Nội vụ đã, đang và tiếp tục quan tâm thực hiện một số giải pháp sau: (1) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó có pháp luật về an ninh mạng cho chức sắc, chức việc, tín đồ, người theo các tôn giáo; (2) Chủ động đưa các thông tin về tôn giáo, chính sách tôn giáo lên cổng thông tin của Bộ Nội vụ, của Ban Tôn giáo Chính phủ và cung cấp cho các cơ quan báo chí để thông tin rộng rãi trên môi trường mạng, góp phần hạn chế thông tin sai lệch; (3) Tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành chức năng Trung ương, chính quyền địa phương liên quan để kịp

thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

*3. Đề nghị rà soát, điều chỉnh, thống nhất quy định về thời gian “ngày làm việc” trong giải quyết TTHC lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo (tỉnh Lào Cai).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Việc quy định về thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính được điều chỉnh trong quá trình xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 95/2023/NĐ-CP trên cơ sở đánh giá quy trình và thời gian giải quyết với từng thủ tục. Trong đó việc xác định thời gian giải quyết là “ngày” hay “ngày làm việc” đã được tính toán cơ bản hợp lý và phù hợp với hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc Hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Đối với thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết dưới 7 ngày thì quy định là “ngày làm việc”, đối với thủ tục hành chính có quy định thời hạn giải quyết trên 7 ngày thì quy định là “ngày” để bảo đảm thống nhất trong quá trình quy định và thực hiện thủ tục hành chính. Do đó, Bộ Nội vụ tiếp thu và sẽ nghiên cứu đưa vào trong nội dung tổng kết Luật tín ngưỡng, tôn giáo, trường hợp cần thiết sẽ có đề xuất điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn chung của các địa phương.

*4. Đề nghị cập nhật thường xuyên, kịp thời các thông tin, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn về các hoạt động của tổ chức tôn giáo tại Trung ương có liên quan như: Xuất cảnh của chức sắc, nhập cảnh của người nước ngoài; đại hội, hội nghị thường niên, các hoạt động tôn giáo bất thường; ... để địa phương nắm, chủ động trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo (tỉnh Yên Bái).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) cập nhật đầy đủ, thường xuyên, kịp thời các thông tin nêu trên tại các báo cáo tình hình tín ngưỡng, tôn giáo, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo định kỳ quý, 6 tháng, hằng năm gửi đến Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ các địa phương, đề nghị đơn vị quan tâm, theo dõi, cập nhật. Những vấn đề nổi cộm, cần chỉ đạo từ Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ đều có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể. Ngoài ra các thông tin, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo và công tác tín ngưỡng, tôn giáo còn được phổ biến qua các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác tín ngưỡng tôn giáo do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức tại các địa phương

*5. Đề nghị xem xét bố trí biên chế công chức chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tại cấp huyện, cấp xã nơi có đông tín đồ tôn giáo (tỉnh Yên Bái).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Tại Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ có quy định cấp huyện có 01 VTVL: Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo. Do vậy địa phương chủ động xây dựng đề án VTVL và bố trí 1 công chức chuyên trách làm

công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo ở cấp huyện. Riêng đối với cấp xã, số lượng cán bộ công chức được quy định tại Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023). Nghị định không quy định chức danh riêng cho công tác QLNN về tôn giáo. Do vậy, đề nghị địa phương tiếp tục việc giao công chức thực hiện kiêm nhiệm trong thời gian tới.

*6. Đề nghị xem xét bố trí nguồn ngân sách dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức các cấp làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo (tỉnh Yên Bái).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Tại Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022-2026”, kinh phí thực hiện nhiệm vụ tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp, trên nguyên tắc sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Do vậy đề nghị địa phương xây dựng kế hoạch và lập dự toán theo quy định của Bộ Tài chính.

*7. Đề nghị Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ cho chủ trương xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ngang tầm với nhiệm vụ được giao, có tính ổn định, lâu dài, đồng thời có chính sách đãi ngộ cụ thể để thu hút đội ngũ cán bộ đủ năng lực, trình độ hoàn thành thành nhiệm vụ ở lĩnh vực khó khăn, nhạy cảm và ngày càng phức tạp (tỉnh Hà Tĩnh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ đang được giao xây dựng đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, trong đó có cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo bảo đảm ngang tầm với nhiệm vụ được giao, có tính ổn định, lâu dài và có chính sách đãi ngộ thu hút người tài trong thời gian tới.

*8. Đề nghị có quy định rõ về hoạt động từ thiện, nhân đạo, giáo dục, y tế của các tổ chức tôn giáo; việc thành lập các cơ sở từ thiện, giáo dục, y tế trực thuộc tổ chức tôn giáo nhằm có cơ sở pháp lý trong việc thực hiện chính sách huy động các nguồn lực xã hội hóa lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục của Đảng và Nhà nước (tỉnh Hà Tĩnh).*

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Việc phát huy nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng và phát triển đất nước là chủ trương của Đảng, Nhà nước được thể hiện trong Chỉ thị 18-CT/TW ngày 10/01/2018 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới; Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII và thực tiễn các cá nhân, tổ chức tôn giáo đã và đang đóng góp nguồn lực cho phát triển đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu của Chính phủ không để ai bị bỏ lại phía sau. Do vậy khi cá nhân, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tham gia các hoạt động giáo dục, y tế, nhân đạo, từ thiện đều phải tuân thủ các quy định chuyên ngành, cụ thể là các Luật Giáo dục, Luật Khám bệnh, chữa bệnh,

Luật Giáo dục nghề nghiệp và các Nghị định hướng dẫn thi hành<sup>188</sup>. Hiện tại các quy định pháp luật chuyên ngành không giới hạn việc các tổ chức tôn giáo tham gia thực hiện. Tuy nhiên, các bộ, ngành liên quan cần có hướng dẫn để cụ thể hoá các căn cứ pháp lý giúp cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc triển khai thực hiện.

**9. Đề nghị Chính phủ xem xét, bổ sung quy định cụ thể về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, quy mô diện tích công trình tín ngưỡng tôn giáo; nghiên cứu, xem xét ban hành quy định về việc thuê đất đối với các công trình mang tính chất kinh doanh trong các cơ sở tôn giáo và phân diện tích phục vụ trực tiếp cho khu vực thờ tự không nhằm mục đích kinh doanh (tỉnh Hà Tĩnh).**

**Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

a) Theo Điều 57 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai”. Khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “UBND cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh”. Như vậy, việc quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh được phân cấp cho UBND cấp tỉnh. Theo đó, UBND cấp tỉnh, căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức đất tôn giáo làm căn cứ để giao diện tích đất cho các trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo sự bình đẳng giữa tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

b) Tại khoản 2 Điều 218 Luật Đất đai 2024 thì đất sử dụng kết hợp đa mục đích phải đáp ứng các yêu cầu sau: “a) Không làm thay đổi loại đất theo phân loại đất; b) Không làm mất đi điều kiện cần thiết để trở lại sử dụng đất vào mục đích chính; c) Không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; d) Hạn chế ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường; đ) Không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề; e) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định; g) Tuân thủ pháp luật có liên quan”. Nội dung này được cụ thể hoá tại Điều 99, Nghị định 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về hướng dẫn một số điều thi hành Luật Đất đai, theo đó diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không quá 50% diện tích đất sử dụng vào mục đích chính. Việc quy định về thuế đất, căn cứ Điều 18, Điều 19 của Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định tiền sử dụng đất, thuê đất.

**10. Kiến nghị Bộ Nội vụ có phương án củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; có chế độ, chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ làm công tác tôn giáo (tỉnh Bình Thuận, tỉnh Hòa Bình).**

<sup>188</sup> Lĩnh vực y tế: Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Đối với lĩnh vực giáo dục: Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Giáo dục; Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014; Luật giáo dục đại học 08/2012/QH ngày 18/6/2012; Luật giáo dục đại học 34/2018/QH ngày 19/11/2018; Nghị định 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục Nghề nghiệp; Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đối với bảo trợ xã hội: Nghị định 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Đối với từ thiện, nhân đạo: Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Trước mắt, tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP<sup>189</sup> đối với cấp tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP<sup>190</sup> đối với cấp huyện. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang triển khai, phối hợp với Ủy ban dân tộc xây dựng Phương án chuyên Ban Tôn giáo Chính phủ về Ủy ban Dân tộc. Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác QLNN ở trung ương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả thì sẽ sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương.

Đề nghị tỉnh Bình Thuận chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP để thu hút người tài, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ để tạo nguồn cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đủ năng lực, trình độ, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới. Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học quốc gia Hà Nội mở mã ngành đào tạo Quản lý nhà nước về tôn giáo tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp để tạo nguồn cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo đủ năng lực, trình độ, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới. Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành công tác tín ngưỡng, tôn giáo (Quyết định số 4064/QĐĐHQGHN ngày 30/8/2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội).

***11. Đề nghị biên soạn và cung cấp tài liệu về thực trạng và hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình tín ngưỡng; các hội, nhóm bất hợp pháp mang danh tôn giáo hiện có trên toàn quốc cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp (tỉnh Nghệ An).***

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 266/BNV-TGCP ngày 28/7/2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các “đạo lạ”, “tà đạo”; trong đó đã khái quát thực trạng hoạt động của một số “đạo lạ”, “tà đạo”; đánh giá chung một số nhiệm vụ trọng tâm đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện. Hiện nay, Bộ Công an đã được Thường trực Ban Bí thư giao nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá các “hiện tượng tôn giáo mới” để trình Ban Bí thư. Bộ Nội vụ sẽ phối hợp Bộ Công an tổng hợp tình hình và tiếp tục định hướng công tác đối với các “hiện tượng tôn giáo mới”.

***12. Đề nghị tiếp tục tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan báo cáo kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 122/TB-VPCP ngày 10/8/2018 của Văn phòng Chính phủ về vấn đề Pháp luân công (tỉnh Nghệ An).***

<sup>189</sup> Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

<sup>190</sup> Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc trung ương.



***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

Pháp luân công là môn tu luyện “thân tâm” (sức khỏe và tinh thần) dựa trên sự kết hợp của nhiều môn, nhiều trường phái luyện tập liên quan đến sức khỏe và tinh thần (khí công, thiền, yoga, võ đạo,...). Pháp luân công không phải tôn giáo (Pháp luân công cũng không nhận mình là tôn giáo). Tuy nhiên trong các bài giảng của Pháp luân công có sử dụng một số khái niệm liên quan đến Phật giáo (duyên, nghiệp, luân hồi,...). Tuyệt đại đa số người theo Pháp luân công với mục đích nâng cao sức khỏe, rèn luyện tâm tính, chỉ có bộ phận rất nhỏ lợi dụng Pháp luân công với mục đích xấu. Công tác đối với Pháp luân công hiện nay được thực hiện dưới sự chỉ đạo của nhiều cơ quan chức năng. Chính phủ có Thông báo “Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về vấn đề Pháp luân công” (Thông báo số 122/TB-VPCP ngày 25/9/2018 của Văn phòng Chính phủ); Công văn số 1035/TGCP-TGK ngày 25/9/2018 của Ban Tôn giáo Chính phủ về việc công tác đối với Pháp luân công; Công văn số 526/BNV-TGCP ngày 06/12/2019 của Bộ Nội vụ về việc một số vấn đề về Pháp luân công;... Một số bộ, ngành liên quan như Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa chưa có báo cáo hàng năm cũng như kết quả về các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện tại Thông báo số 122/TB-VPCP nên Chính phủ chưa đủ thông tin để tổng kết. Do vậy trong thời gian tới các cấp các ngành ở địa phương tiếp tục thực hiện theo Thông báo số 122/TB-VPCP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

*13. Kiến nghị làm việc và đề nghị các tổ chức tôn giáo ở Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật; đề nghị Tổng Liên hội hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) yêu cầu các điểm nhóm vi phạm trong việc đặt biểu tượng tôn giáo sai quy định phải di dời vào bên trong nhà mợn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật (tỉnh Khánh Hòa).*

***Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:***

a) Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) duy trì làm việc thường niên với lãnh đạo các tổ chức tôn giáo để nắm tình hình, vận động, tác động lãnh đạo các tổ chức tôn giáo hướng dẫn các tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật. Nếu có phản ánh các sự việc cụ thể tại các địa phương, Ban Tôn giáo Chính phủ đã luôn kịp thời liên hệ, tác động Trung ương Giáo hội phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết tại cơ sở.

b) Ban Tôn giáo Chính phủ đã có Văn bản số 329/TGCP-TL ngày 25/6/2024 hướng dẫn hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) trả lời Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: Việc đặt biểu tượng tôn giáo sai quy định (trung cây Thánh giá trên nóc nhà ở) nơi cho thuê, mợn làm địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung diễn ra ở một số địa phương nhưng việc xử lý chưa triệt để do thiếu căn cứ pháp lý và dễ gây xung đột do đây là biểu tượng tôn giáo có tính linh thiêng đối với người theo đạo Tin lành. Vì vậy, cần phải làm công tác tuyên truyền trước khi chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung và tăng cường công tác nắm tình hình, không để phát sinh trường hợp mới. Đối với các trường hợp đã

phát hiện, để tránh làm phức tạp tình hình, đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, vận động tăng cường đối thoại với chức sắc, chức việc, tín đồ để nâng cao sự hiểu biết và đồng thuận trong việc di dời biểu tượng tôn giáo (cây Thánh giá), vì địa điểm thuê, mượn chỉ có tính chất tạm thời, không phải cơ sở tôn giáo; trường hợp cần thiết, chính quyền xem xét hỗ trợ kinh phí cho di dời nhóm di dời.

## **IX. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*1. Đề nghị làm việc với Ban Cơ yếu Chính phủ thống nhất ban hành các văn bản, tài liệu: (1) Thông tin chỉ dẫn hành lang pháp lý cho việc ký số, đồng bộ dữ liệu hồ sơ cán bộ; (2) Hướng dẫn chi tiết các bước tuân tự thực hiện mã hoá, giải mã, đóng gói dữ liệu; (3) Chỉ dẫn phiên bản công cụ ký số (ký một hoặc nhiều hồ sơ mỗi lần) sử dụng trong ký số hồ sơ cán bộ; (4) Ví dụ mẫu mã nguồn ký số, mã hoá một số nền tảng công nghệ thông dụng (Bộ Giao thông vận tải).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Ngày 07/6/2024, Bộ Nội vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ và Tập đoàn VNPT đã họp bàn, thống nhất: Bộ công cụ ký số đã được công khai trên Cổng Thông tin điện tử của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, hoàn toàn đáp ứng việc ký số theo Văn bản số 2325/BNV-VP ngày 26/4/2024 của Bộ Nội vụ. Các đơn vị nếu cần hướng dẫn hỗ trợ chi tiết, đề nghị liên hệ với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin theo thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của Cục (Cục đã hướng dẫn nhiều đơn vị qua hình thức trực tuyến).

*2. Đề xuất tăng cường đầu tư trung tâm dữ liệu tập trung, hệ thống mạng và máy chủ để đảm bảo kết nối thông suốt và bảo mật cao trong xử lý và lưu trữ dữ liệu ngành Nội vụ; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia có kinh nghiệm trong chuyển đổi số để học hỏi kinh nghiệm và cập nhật công nghệ mới, phù hợp với nhu cầu phát triển của ngành Nội vụ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

### **Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:**

Bộ Nội vụ đã xây dựng hạ tầng Trung tâm dữ liệu tập trung, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn hiện tại và phát triển trong thời gian tới. Đồng thời đề xuất cải tạo hạ tầng Trung tâm dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Về tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động chuyển đổi số, Bộ Nội vụ đã cử các công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực chuyển đổi số tham dự các hội nghị, hội thảo của các nước có nền công nghệ phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản để nhằm tạo tiền đề trao đổi, hợp tác phát triển công nghệ.

-----